



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

Số: 1176 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Dương, ngày 28 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế
trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo, công tác dân tộc thuộc phạm vi,
chức năng quản lý của Sở Dân tộc và Tôn giáo, thẩm quyền giải quyết
của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 134/QĐ-BDTTG ngày 28 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Bộ Dân tộc và Tôn giáo;

Căn cứ Quyết định số 211/QĐ-BDTTG ngày 21 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo về việc công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực công tác dân tộc thuộc phạm vi, chức năng quản lý nhà nước của Bộ Dân tộc và Tôn giáo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo tại Tờ trình số 93/TT-SDTTG ngày 22 tháng 4 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 60 thủ tục hành chính (TTHC) được thay thế trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo, công tác dân tộc thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Dân tộc và Tôn giáo, thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã được công bố tại Quyết định số 635/QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Dân tộc và Tôn giáo, thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã.



(Chi tiết tại: Phần I - Danh mục TTHC; Phần II - Nội dung cụ thể TTHC)

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Dân tộc và Tôn giáo; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 2;
- LĐVP, NC;
- Trung tâm Chuyển đổi số;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Võ Văn Minh

PHẦN I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI,
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO,
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN,
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1076 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

Số TT		Tên TTHC	Mã số TTHC	Trang
I. LĨNH VỰC TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO				
1	1	Đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	1.012672	01
2	2	Đăng ký sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	1.012664	08
3	3	Đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	1.012661	11
4	4	Đăng ký chuyển chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người đang bị buộc tội hoặc người chưa được xóa án tích	1.012659	18
5	5	Đề nghị sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam	1.012658	21
6	6	Đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam	1.012657	24
7	7	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam trong địa bàn một tỉnh	1.012656	28
8	8	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam đến địa bàn tỉnh khác	1.012653	31

Số TT		Tên TTHC	Mã số TTHC	Trang
9	9	Thông báo thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam	1.012651	34
10	10	Đề nghị mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam thực hiện hoạt động tôn giáo ở một tỉnh	1.012648	36
11	11	Đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho tổ chức được cấp chứng nhận Đăng ký hoạt động tôn giáo ở một tỉnh	1.012646	40
12	12	Đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	1.012645	44
13	13	Đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	1.012644	48
14	14	Thông báo về việc thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh (thuộc thẩm quyền tiếp nhận của 02 cơ quan)	1.012642	51
15	15	Đề nghị cấp Đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	1.012641	53
16	16	Đề nghị tự giải thể tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương	1.012639	60
17	17	Đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức	1.012637	67
18	18	Thông báo về việc đã giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức	1.012635	74
19	19	Thông báo tổ chức quyền góp để thực hiện hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo đối với trường hợp quyền góp không thuộc quy định	1.012634	78

Số TT		Tên TTHC	Mã số TTHC	Trang
		tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 25 của Nghị định số 95/2023/NĐ-CP		
20	20	Đề nghị cấp chứng nhận Đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	1.012632	83
21	21	Thông báo người được phong phẩm hoặc suy cử làm chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	1.012631	89
22	22	Thông báo hủy kết quả phong phẩm hoặc suy cử chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	1.012630	92
23	23	Đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	1.012629	94
24	24	Đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận Đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	1.012628	98
25	25	Thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	1.012626	102
26	26	Thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận Đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	1.012625	106
27	27	Thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức của tổ chức được cấp chứng nhận Đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	1.012624	110

Số TT		Tên TTHC	Mã số TTHC	Trang
28	28	Thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	1.012622	114
29	29	Thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	1.012621	118
30	30	Thông báo chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành	1.012620	122
31	31	Thông báo cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 và khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	1.012619	126
32	32	Thông báo cách chức, bãi nhiệm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận Đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	1.012617	130
33	33	Đăng ký mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyển hoạt động tôn giáo	1.012616	132
34	34	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh	1.012615	136
35	35	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh	1.012613	140
36	36	Thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh	1.012608	144
37	37	Đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng	1.012607	148

Số TT		Tên TTHC	Mã số TTHC	Trang
		nhận Đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh		
38	38	Đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã Đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh	1.012606	152
39	39	Đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã Đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh	1.012605	156
40	40	Thông báo về việc tiếp nhận tài trợ của tổ chức, cá nhân nước ngoài để hỗ trợ hoạt động đào tạo, bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở tôn giáo; tổ chức các nghi lễ tôn giáo hoặc cuộc lễ tôn giáo; xuất bản, nhập khẩu kinh sách, văn hóa phẩm tôn giáo, đồ dùng tôn giáo của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	1.012604	159

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

Tên TTHC		Mã số TTHC	Trang
I. LĨNH VỰC TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO			
1	Thủ tục thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Luật tín ngưỡng, tôn giáo	1.012603	164
2	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện	1.012602	165
3	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện	1.012601	170

4	Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện	1.012600	174
5	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện	1.012599	178
6	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	1.012598	182
7	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	1.012596	186
8	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	1.012593	190

II. LĨNH VỰC CÔNG TÁC DÂN TỘC

1	Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	1.012222	195
2	Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	1.012223	199

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

	Tên TTHC	Mã số TTHC	Trang
I. LĨNH VỰC TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO			
1	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng	1.012592	219
2	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	1.012591	222
3	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	1.012590	225

4	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	1.012588	230
5	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	1.012586	234
6	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	1.012585	238
7	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	1.012584	242
8	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	1.012582	245
9	Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	1.012580	249
10	Thủ tục thông báo tổ chức quyền góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	1.012579	251

PHẦN II
NỘI DUNG CỤ THỂ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI,
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO,
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN
CẤP HUYỆN, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1176 /QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG
QUẢN LÝ CỦA SỞ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

I. LĨNH VỰC TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO

1. Thủ tục đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (Mã TTHC: 1.012672)

1.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh đủ điều kiện theo quy định tại Điều 21 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo gửi hồ sơ đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo đến Sở Dân tộc và Tôn giáo.

- Bước 2: Sở Dân tộc và Tôn giáo xem xét hồ sơ đề nghị, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp từ chối tiếp nhận, giải quyết phải nêu rõ lý do. Thời gian hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết.

- Bước 3:

+ Sở Dân tộc và Tôn giáo phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ Tờ trình của Sở Dân tộc và Tôn giáo công nhận hoặc không công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh và gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo để trả cho tổ chức. Trường hợp không công nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

1.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Sở Dân tộc và Tôn giáo tiếp nhận hồ sơ đề nghị, có Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả. Nếu gửi qua đường bưu chính, ngày tiếp nhận hồ sơ được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị (theo mẫu);

+ Văn bản tóm tắt quá trình hoạt động của tổ chức từ khi được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo;

+ Danh sách, sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp (cấp trước thời điểm nộp hồ sơ không quá 06 tháng), bản tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo của người đại diện và những người dự kiến lãnh đạo tổ chức;

+ Bản tóm tắt giáo lý, giáo luật, lễ nghi;

+ Hiến chương của tổ chức;

+ Bản kê khai tài sản hợp pháp của tổ chức;

+ Giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp để đặt trụ sở.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

1.4. Thời hạn giải quyết: 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Dân tộc và Tôn giáo

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công nhận tổ chức tôn giáo hoặc văn bản trả lời về việc không công nhận tổ chức tôn giáo.

1.8. Lệ phí: Không có.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo (Mẫu B9, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).

- Quyết định về việc công nhận tổ chức tôn giáo (Mẫu A2, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Hoạt động ổn định, liên tục từ đủ 05 năm trở lên kể từ ngày được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo.

- Có hiến chương theo quy định tại Điều 23 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

- Người đại diện, người lãnh đạo tổ chức là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; không trong thời gian bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo; không có án tích hoặc không phải là người đang bị buộc tội theo quy định của pháp luật về tổ tụng hình sự.

- Có cơ cấu tổ chức theo hiến chương.

- Có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình.

- Nhân danh tổ chức tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).

- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....⁽¹⁾..... ngày..... tháng..... năm.....

ĐỀ NGHỊ

Công nhận tổ chức tôn giáo

Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên tổ chức đề nghị (chữ in hoa):⁽³⁾.....

Đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo với các nội dung sau:

Tên tổ chức tôn giáo (chữ in hoa):

Tên giao dịch quốc tế (nếu có):

Trụ sở của tổ chức:

Tên tôn giáo:

Người đại diện:

- Họ và tên:

- Tên gọi trong tôn giáo (nếu có):

- Số CMTND/CCCD:

- Chức vụ, phẩm vị (nếu có):

Số lượng tín đồ:

Địa bàn hoạt động của tổ chức tại thời điểm đề nghị:

Cơ cấu tổ chức:

Văn bản kèm theo gồm: Văn bản tóm tắt quá trình hoạt động của tổ chức từ khi được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo; danh sách, sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp, bản tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo của người đại diện và những người dự kiến lãnh đạo tổ chức; bản tóm tắt giáo lý, giáo luật, lễ nghi; hiến chương của tổ chức; bản kê khai tài sản hợp pháp của tổ chức; giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp để đặt trụ sở.

TM. TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

- ⁽¹⁾ Địa danh nơi có trụ sở của tổ chức.
- ⁽²⁾ Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương đối với đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh.
- ⁽³⁾ Tên tổ chức đã được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo.

.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-.....⁽²⁾...⁽³⁾..., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tổ chức tôn giáo

.....⁽⁴⁾.....

Căn cứ Điều 21 và Điều 22 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo ngày 18 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ⁽⁵⁾.....;

Theo đề nghị của;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tổ chức tôn giáo:

Tên tổ chức tôn giáo (chữ in hoa):

Tên giao dịch quốc tế (nếu có):

Trụ sở của tổ chức tôn giáo:

Tên tôn giáo:

Năm hình thành tại Việt Nam:

Tôn chỉ, mục đích hoạt động:

Cơ cấu tổ chức:

Địa bàn hoạt động:

Điều 2.⁽⁶⁾ được hoạt động tôn giáo theo quy định của pháp luật Việt Nam và Hiến chương của tổ chức đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

Điều 3. (hiệu lực của Quyết định; ghi tên cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thi hành Quyết định)/.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT,.....

.....⁽⁴⁾.....
(Chữ ký, dấu)

⁽¹⁾ Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương đối với việc công nhận tổ chức có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với việc công nhận tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh.

⁽²⁾ Viết tắt tên cơ quan ban hành Quyết định.

⁽³⁾ Địa danh nơi ban hành Quyết định.

⁽⁴⁾ Thủ trưởng cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành Quyết định.

⁽⁵⁾ Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan ban hành Quyết định.

⁽⁶⁾ Tên tổ chức tôn giáo được công nhận.

2. Thủ tục đăng ký sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (mã TTHC: 1.012664)

2.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh khi sửa đổi hiến chương gửi hồ sơ đăng ký đến Sở Dân tộc và Tôn giáo .

- Bước 2: Sở Dân tộc và Tôn giáo xem xét hồ sơ đăng ký, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho tổ chức tôn giáo để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp từ chối tiếp nhận, giải quyết hồ sơ phải nêu rõ lý do. Thời gian hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết.

- Bước 3:

+ Sở Dân tộc và Tôn giáo phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ Tờ trình của Sở Dân tộc và Tôn giáo chấp thuận hoặc không chấp thuận hiến chương sửa đổi và gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo để trả cho tổ chức. Trường hợp từ chối đăng ký hiến chương sửa đổi phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Sở Dân tộc và Tôn giáo tiếp nhận hồ sơ đăng ký, có Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả. Nếu gửi qua đường bưu chính, ngày tiếp nhận hồ sơ được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đăng ký (theo mẫu);

+ Hiến chương sửa đổi.

- Số lượng hồ sơ: 01 (văn bản).

2.4. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký hợp lệ.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tôn giáo có địa bàn

hoạt động ở một tỉnh đăng ký sửa đổi hiến chương của tổ chức.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Dân tộc và Tôn giáo.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản trả lời chấp thuận hoặc không chấp thuận cho tổ chức tôn giáo được sửa đổi hiến chương.

2.8. Lệ phí: Không có.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đăng ký sửa đổi hiến chương (Mẫu B10, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).
- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...⁽¹⁾..., ngày.....tháng.....năm.....

ĐĂNG KÝ
Sửa đổi hiến chương

Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên tổ chức tôn giáo (chữ in hoa):.....

Trụ sở của tổ chức tôn giáo:.....

Người đại diện:

- Họ và tên:.....

- Tên gọi trong tôn giáo (nếu có):.....

- Số CMTND/CCCD:

- Chức vụ, phẩm vị (nếu có):.....

Đăng ký sửa đổi hiến chương với các nội dung sau:

Nội dung sửa đổi:

.....

.....

.....

.....

.....

Lý do sửa đổi:

.....

.....

Văn bản kèm theo: Hiến chương sửa đổi.

TM. TỔ CHỨC

(Chữ ký, dấu)

⁽¹⁾ Địa danh nơi có trụ sở của tổ chức tôn giáo.

⁽²⁾ Cơ quan quản lý nhà nước về tin ngưỡng, tôn giáo ở trung ương đối với việc sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với việc sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh.

3. Thủ tục đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (Mã TTHC: 1.012661)

3.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trước khi thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến Sở Dân tộc và Tôn giáo.

- Bước 2: Sở Dân tộc và Tôn giáo xem xét hồ sơ đề nghị, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho tổ chức để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp từ chối tiếp nhận, giải quyết hồ sơ phải nêu rõ lý do. Thời gian hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết.

- Bước 3:

+ Sở Dân tộc và Tôn giáo phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ Tờ trình của Sở Dân tộc và Tôn giáo chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất và gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo để trả cho tổ chức. Trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Sở Dân tộc và Tôn giáo tiếp nhận hồ sơ đề nghị, có Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả. Nếu gửi qua đường bưu chính, ngày tiếp nhận hồ sơ được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị (theo mẫu);

+ Văn bản tóm tắt quá trình hoạt động của tổ chức tôn giáo trực thuộc trước khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất;

+ Danh sách, sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp (cấp trước thời điểm nộp hồ sơ không quá 06 tháng), bản tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo của người đại diện và những người dự kiến lãnh đạo tổ chức tôn giáo trực thuộc;

- + Hiến chương của tổ chức tôn giáo trực thuộc (nếu có);
- + Bản kê khai tài sản hợp pháp của tổ chức tôn giáo trực thuộc;
- + Giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp để đặt trụ sở.
- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

3.4. Thời hạn giải quyết: 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh.

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Dân tộc và Tôn giáo.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản trả lời chấp thuận hoặc không chấp thuận thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc.

3.8. Lệ phí: Không.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đề nghị thành lập tổ chức tôn giáo trực thuộc (Mẫu B13, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).
- Đề nghị chia, tách, sáp nhập hoặc hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc (Mẫu B14, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Yêu cầu: Sau khi được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có văn bản thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc.

Hết thời hạn 01 năm kể từ ngày được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận, nếu tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc không thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc thì văn bản chấp thuận hết hiệu lực.

- Điều kiện: Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc được thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- + Hiến chương của tổ chức tôn giáo có quy định về việc thành lập, chia,

tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc.

+ Hoạt động của tổ chức tôn giáo trực thuộc trước khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất không thuộc trường hợp quy định tại Điều 5 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

+ Có địa điểm hợp pháp để đặt trụ sở.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).
- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....⁽¹⁾..... ngày..... tháng..... năm.....

ĐỀ NGHỊ
Thành lập tổ chức tôn giáo trực thuộc

Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc (chữ in hoa):

Trụ sở:

Đề nghị thành lập tổ chức tôn giáo trực thuộc với các nội dung sau:

Tên tổ chức tôn giáo trực thuộc dự kiến thành lập:

Địa điểm dự kiến đặt trụ sở của tổ chức tôn giáo trực thuộc sau khi thành lập:

Người đại diện của tổ chức tôn giáo trực thuộc dự kiến thành lập:

- Họ và tên:
- Tên gọi trong tôn giáo (nếu có):
- Số CMTND/CCCD:
- Chức vụ, phẩm vị (nếu có):

Địa bàn hoạt động tôn giáo:

Số lượng tín đồ của tổ chức tôn giáo trực thuộc tại thời điểm thành lập:

.....

Cơ cấu tổ chức:

Lý do thành lập:

Văn bản kèm theo gồm: Danh sách, sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp, bản tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo của người đại diện và những người dự kiến lãnh đạo tổ chức tôn giáo trực thuộc; hiến chương của tổ chức tôn giáo trực thuộc (nếu có); bản kê khai tài sản hợp pháp của tổ chức tôn giáo trực thuộc; giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp để đặt trụ sở.

TM. TỔ CHỨC⁽¹⁾

(Chữ ký, dấu)

⁽¹⁾ Địa danh nơi có trụ sở của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc đề nghị thành lập tổ chức tôn giáo trực thuộc.

⁽²⁾ Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương đối với đề nghị thành lập tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh; Ủy ban

nhân dân cấp tỉnh đối với đề nghị thành lập tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh.

⁽³⁾ Tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...⁽¹⁾... ngày... tháng... năm...

ĐỀ NGHỊ

Chia, tách, sáp nhập hoặc hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc

Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc (chữ in hoa):

Trụ sở:

Đề nghị chia, tách, sáp nhập hoặc hợp nhất

tổ chức tôn giáo trực thuộc với các nội dung sau:

1. Lý do chia, tách, sáp nhập hoặc hợp nhất:

2. Tổ chức tôn giáo trực thuộc trước khi chia, tách, sáp nhập hoặc hợp nhất:

Tên tổ chức:

Trụ sở:

Địa bàn hoạt động tôn giáo: Số lượng tín đồ:

Cơ cấu tổ chức:

Người đại diện:

- Họ và tên:

- Tên gọi trong tôn giáo (nếu có):

- Số CMTND/CCCD:

Chức vụ, phẩm vị (nếu có):

3. Tổ chức tôn giáo trực thuộc sau khi chia, tách, sáp nhập hoặc hợp nhất:

Tên tổ chức:

Trụ sở:

Địa bàn hoạt động tôn giáo:Số lượng tín đồ

Cơ cấu tổ chức:

Người đại diện:

- Họ và tên:

- Tên gọi trong tôn giáo (nếu có):

- Số CMTND/CCCD:

- Chức vụ, phẩm vị (nếu có):

Văn bản kèm theo gồm: Văn bản tóm tắt quá trình hoạt động của tổ chức tôn giáo trực thuộc trước khi chia, tách, sáp nhập, hợp nhất; danh sách, sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp, bản tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo của người đại diện và những người dự kiến lãnh đạo tổ chức tôn giáo trực thuộc; bản kê khai tài sản hợp pháp của tổ chức tôn giáo trực thuộc; giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp để đặt trụ sở; hiến chương của tổ chức tôn giáo trực thuộc (nếu có).

TM. TỔ CHỨC ⁽¹⁾

(Chữ ký, dấu)

⁽¹⁾ Địa danh nơi có trụ sở của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc đề nghị chia, tách, sáp nhập hoặc hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc.

⁽²⁾ Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương đối với đề nghị chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với đề nghị chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh.

⁽³⁾ Tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc đề nghị.

4. Thủ tục đăng ký chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người đang bị buộc tội hoặc chưa được xóa án tích (Mã TTHC: 1.012659)

4.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trước khi chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người đang bị buộc tội hoặc chưa được xóa án tích có trách nhiệm gửi hồ sơ đăng ký đến Sở Dân tộc và Tôn giáo nơi dự kiến chuyển chuyển đến.

- Bước 2: Sở Dân tộc và Tôn giáo xem xét hồ sơ đăng ký, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho tổ chức để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp từ chối tiếp nhận, giải quyết hồ sơ phải nêu rõ lý do. Thời gian hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết.

- Bước 3:

+ Sở Dân tộc và Tôn giáo phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ Tờ trình của Sở Dân tộc và Tôn giáo chấp thuận hoặc không chấp thuận đăng ký chuyển và gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo để trả cho tổ chức. Trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo ; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Sở Dân tộc và Tôn giáo tiếp nhận hồ sơ đăng ký, có Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả. Nếu gửi qua đường bưu chính, ngày tiếp nhận hồ sơ được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Văn bản đăng ký (theo mẫu).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4.4. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký hợp lệ.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người đang

bị buộc tội hoặc chưa được xóa án tích.

4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Dân tộc và Tôn giáo.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản trả lời chấp thuận hoặc không chấp thuận đăng ký chuyển chuyển.

4.8. Lệ phí: Không có.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đăng ký chuyển chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người đang bị buộc tội hoặc chưa được xóa án tích (Mẫu B22, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).
- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**...⁽¹⁾..., ngày.....tháng.....năm.....**ĐĂNG KÝ****Thuyền chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành
là người đang bị buộc tội hoặc chưa được xóa án tích**Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên tổ chức (chữ in hoa):.....

Trụ sở:

**Đăng ký thuyền chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành
với các nội dung sau:**

Người được thuyền chuyển:

- Họ và tên:.....
- Tên gọi trong tôn giáo (nếu có):.....
- Số CMTND/CCCD:
- Chức vụ, phẩm vị (nếu có):.....

Lý do thuyền chuyển:.....

Địa bàn hoạt động tôn giáo trước khi thuyền chuyển:

Địa bàn hoạt động tôn giáo sau khi được thuyền chuyển đến:.....

Thời điểm dự kiến thuyền chuyển:

TM. TỔ CHỨC ⁽³⁾*(Chữ ký, dấu)*⁽¹⁾ Địa danh nơi có trụ sở của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc.⁽²⁾ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi dự kiến chức sắc, chức việc, nhà tu hành thuyền chuyển đến.⁽³⁾ Tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc thuyền chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành.

5. Thủ tục đề nghị sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam (Mã TTHC: 1.012658)

5.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam có nhu cầu sinh hoạt tôn giáo tập trung tại cơ sở tôn giáo hoặc tại địa điểm hợp pháp khác gửi hồ sơ đề nghị đến Sở Dân tộc và Tôn giáo nơi có cơ sở tôn giáo hoặc địa điểm dự kiến sinh hoạt tôn giáo tập trung.

- Bước 2: Sở Dân tộc và Tôn giáo xem xét hồ sơ đề nghị, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho người đại diện của nhóm người nước ngoài có nhu cầu sinh hoạt tôn giáo tập trung để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp từ chối tiếp nhận, giải quyết hồ sơ phải nêu rõ lý do. Thời gian hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết.

- Bước 3:

+ Sở Dân tộc và Tôn giáo phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ Tờ trình của Sở Dân tộc và Tôn giáo chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam và gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo để trả cho tổ chức. Trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Sở Dân tộc và Tôn giáo tiếp nhận hồ sơ đề nghị, có Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả. Nếu gửi qua đường bưu chính, ngày tiếp nhận hồ sơ được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ,
- + Văn bản đề nghị (theo mẫu);
- + Bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh việc cư trú hợp pháp tại Việt Nam của người đại diện;

+ Văn bản đồng ý của người đại diện cơ sở tôn giáo hoặc giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp để sinh hoạt tôn giáo tập trung.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

5.4. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người đại diện của nhóm người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam có nhu cầu sinh hoạt tôn giáo tập trung.

5.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Dân tộc và Tôn giáo.

5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản trả lời chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam.

5.8. Lệ phí: Không.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đề nghị sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam (Mẫu B36, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).

- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...⁽¹⁾..., ngày.....tháng.....năm.....

ĐỀ NGHỊ

**Sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài
 cư trú hợp pháp tại Việt Nam**

Kính gửi:⁽²⁾.....

Người đại diện:

Họ và tên:Tên gọi khác:Năm sinh:

Quốc tịch:Số hộ chiếu:.....

Tôn giáo:

**Đề nghị sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài
 cư trú hợp pháp tại Việt Nam với các nội dung sau:**

Lý do:

Nội dung sinh hoạt tôn giáo:

Thời gian:

Cơ sở tôn giáo hoặc địa điểm dự kiến sinh hoạt tôn giáo:

Số lượng người tham gia:

.....

Hình thức tổ chức:.....⁽³⁾.....

Văn bản kèm theo gồm: Bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh việc cư trú hợp pháp tại Việt Nam của người đại diện; văn bản đồng ý của người đại diện cơ sở tôn giáo hoặc giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp để sinh hoạt tôn giáo tập trung.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN

(Ký, ghi rõ họ tên)

⁽¹⁾ Địa danh nơi có cơ sở tôn giáo hoặc địa điểm hợp pháp để sinh hoạt tôn giáo tập trung.

⁽²⁾ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có cơ sở tôn giáo hoặc địa điểm hợp pháp để sinh hoạt tôn giáo tập trung.

⁽³⁾ Trực tiếp hoặc trực tuyến; kết hợp cả trực tiếp và trực tuyến.

6. Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam (Mã TTHC: 1.012657)

6.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trước khi thay đổi người đại diện, nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam có trách nhiệm gửi hồ sơ đăng ký thay đổi người đại diện đến Sở Dân tộc và Tôn giáo nơi có địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung.

- Bước 2: Sở Dân tộc và Tôn giáo xem xét hồ sơ đăng ký, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp từ chối tiếp nhận, giải quyết hồ sơ phải nêu rõ lý do. Thời gian hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết.

- Bước 3:

+ Sở Dân tộc và Tôn giáo phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định hồ sơ (nếu cần thiết) trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ Tờ trình của Sở Dân tộc và Tôn giáo chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam và gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo để trả cho nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung. Trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

6.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc qua Công dịch vụ công trực tuyến.

Sở Dân tộc và Tôn giáo tiếp nhận hồ sơ đăng ký, có Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả. Nếu gửi qua đường bưu chính, ngày tiếp nhận hồ sơ được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đăng ký (theo mẫu);

+ Bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh việc cư trú hợp pháp tại Việt Nam của người đại diện mới;

+ Biên bản họp bầu, cử người đại diện mới (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

6.4. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký hợp lệ.

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam thay đổi người đại diện của nhóm.

6.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Dân tộc và Tôn giáo.

6.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản trả lời chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam.

6.8. Lệ phí: Không có.

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đăng ký thay đổi người đại diện nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam (Mẫu B37, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).

- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...⁽¹⁾... ngày... tháng... năm...

ĐĂNG KÝ

**Thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung
của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam**

Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung:

Địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của nhóm:

Họ và tên người đại diện ⁽³⁾:

Tên tôn giáo:

Đăng ký thay đổi người đại diện với các nội dung sau:

Người đại diện cũ của nhóm:

Họ và tên: Năm sinh:

Tên gọi trong tôn giáo (nếu có):

Quốc tịch: Số hộ chiếu:

Nơi cư trú tại Việt Nam:

Người đại diện mới của nhóm:

Họ và tên: Năm sinh:

Tên gọi trong tôn giáo (nếu có):

Quốc tịch: Số hộ chiếu:

Nơi cư trú tại Việt Nam:

Chức vụ, phẩm vị (nếu có):

Lý do thay đổi:

Dự kiến thời điểm thay đổi:

Văn bản kèm theo gồm: Bản sao có chứng thực giấy tờ chứng minh việc cư trú hợp pháp tại Việt Nam của người đại diện mới; biên bản họp bầu, cử người đại diện mới (nếu có).

NGƯỜI ĐẠI DIỆN ⁽²⁾

(Ký, ghi rõ họ tên)

⁽¹⁾ Địa danh nơi có địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung.

⁽²⁾ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài

⁽³⁾ Người đại diện mới của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài.

7. Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam trong địa bàn một tỉnh (Mã THC: 1.012656)

7.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trước khi thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một tỉnh, người đại diện nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị thay đổi địa điểm đến Sở Dân tộc và Tôn giáo nơi có địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung.

- Bước 2: Sở Dân tộc và Tôn giáo xem xét hồ sơ đề nghị, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho người đại diện nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp từ chối tiếp nhận, giải quyết hồ sơ phải nêu rõ lý do. Thời gian hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết.

- Bước 3:

+ Sở Dân tộc và Tôn giáo phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định hồ sơ (nếu cần thiết) trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ Tờ trình của Sở Dân tộc và Tôn giáo chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam và gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo để trả cho người đại diện nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung. Trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

7.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc qua Công dịch vụ công trực tuyến.

Sở Dân tộc và Tôn giáo tiếp nhận hồ sơ đề nghị, có Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả. Nếu gửi qua đường bưu chính, ngày tiếp nhận hồ sơ được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị (theo mẫu);

+ Giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp mới để làm nơi sinh hoạt tôn giáo tập trung;

+ Văn bản chấp thuận của người đại diện cơ sở tôn giáo đối với trường hợp sinh hoạt tôn giáo tập trung tại cơ sở tôn giáo.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

7.4. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ.

7.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người đại diện nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam khi thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo trong địa bàn một tỉnh.

7.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Dân tộc và Tôn giáo.

7.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản trả lời chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam.

7.8. Lệ phí: Không có.

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam (Mẫu B38, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Chậm nhất 10 ngày kể từ ngày được chấp thuận địa điểm mới, nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung phải chấm dứt sinh hoạt tôn giáo tại địa điểm cũ và có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung cũ.

7.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).

- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...⁽¹⁾..., ngày.....tháng.....năm.....

ĐỀ NGHỊ

**Thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung
 của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam**

Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung:

Họ và tên người đại diện:.....Năm sinh:.....

Quốc tịch:.....Số hộ chiếu:.....

Nơi cư trú tại Việt Nam:.....

Tên tôn giáo:.....

**Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung
 với các nội dung sau:**

Lý do thay đổi:

Địa điểm nhóm đang sinh hoạt tôn giáo tập trung:.....

Dự kiến địa điểm mới:

Dự kiến thời điểm thay đổi:

Văn bản kèm theo gồm: Giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp mới để làm nơi sinh hoạt tôn giáo tập trung; văn bản chấp thuận của người đại diện cơ sở tôn giáo đối với trường hợp sinh hoạt tôn giáo tập trung tại cơ sở tôn giáo.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN

(Ký, ghi rõ họ tên)

¹⁾ Địa danh nơi có địa điểm người nước ngoài đang sinh hoạt tôn giáo tập trung.

²⁾ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi dự kiến đặt địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung mới

8. Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam đến địa bàn tỉnh khác (Mã TTHC: 1.012653)

8.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trước khi thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn tỉnh khác, người đại diện nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị thay đổi địa điểm đến Sở Dân tộc và Tôn giáo nơi dự kiến đặt địa điểm mới.

- Bước 2: Sở Dân tộc và Tôn giáo xem xét hồ sơ đề nghị, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho người đại diện nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp từ chối tiếp nhận, giải quyết hồ sơ phải nêu rõ lý do. Thời gian hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết.

- Bước 3:

+ Sở Dân tộc và Tôn giáo phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định hồ sơ (nếu cần thiết) trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi dự kiến địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung mới căn cứ Tờ trình của Sở Dân tộc và Tôn giáo, chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam và gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo để trả cho người đại diện nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung. Trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

8.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Sở Dân tộc và Tôn giáo tiếp nhận hồ sơ đề nghị, có Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả. Nếu gửi qua đường bưu chính, ngày tiếp nhận hồ sơ được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị (theo mẫu);

+ Giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp mới để làm nơi sinh hoạt tôn giáo tập trung;

+ Văn bản chấp thuận của người đại diện cơ sở tôn giáo đối với trường hợp sinh hoạt tôn giáo tập trung tại cơ sở tôn giáo;

+ Bản sao văn bản chấp thuận đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung lần đầu.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

8.4. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ.

8.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người đại diện nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam khi thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo đến địa bàn tỉnh khác.

8.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Dân tộc và Tôn giáo.

8.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản trả lời chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam.

8.8. Lệ phí: Không có.

8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam (Mẫu B38, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).

8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Chậm nhất 10 ngày kể từ ngày được chấp thuận địa điểm mới, nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung phải chấm dứt sinh hoạt tôn giáo tại địa điểm cũ và có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung cũ.

8.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).

- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...⁽¹⁾..., ngày.....tháng.....năm.....

ĐỀ NGHỊ

**Thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung
của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam**

Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung:

Họ và tên người đại diện:.....Năm sinh:.....

Quốc tịch:.....Số hộ chiếu:.....

Nơi cư trú tại Việt Nam:.....

Tên tôn giáo:.....

**Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung
với các nội dung sau:**

Lý do thay đổi:

Địa điểm nhóm đang sinh hoạt tôn giáo tập trung:.....

Dự kiến địa điểm mới:

Dự kiến thời điểm thay đổi:

Văn bản kèm theo gồm: Giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp mới để làm nơi sinh hoạt tôn giáo tập trung; văn bản chấp thuận của người đại diện cơ sở tôn giáo đối với trường hợp sinh hoạt tôn giáo tập trung tại cơ sở tôn giáo.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN

(Ký, ghi rõ họ tên)

⁽¹⁾ Địa danh nơi có địa điểm người nước ngoài đang sinh hoạt tôn giáo tập trung.

⁽²⁾ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi dự kiến đặt địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung mới.

9. Thủ tục thông báo thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam (Mã TTHC: 1.012651)

9.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chậm nhất 10 ngày kể từ ngày được chấp thuận thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung mới, nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam có trách nhiệm gửi văn bản thông báo đến Sở Dân tộc và Tôn giáo nơi có địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung cũ.

- Bước 2: Sở Dân tộc và Tôn giáo xem xét, tiếp nhận văn bản thông báo, trường hợp văn bản thông báo chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam để bổ sung, hoàn thiện. Trường hợp từ chối tiếp nhận phải nêu rõ lý do.

- Bước 3: Sở Dân tộc và Tôn giáo báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc đã tiếp nhận thông báo thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam.

9.2. Cách thức thực hiện:

Nộp văn bản thông báo trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Sở Dân tộc và Tôn giáo tiếp nhận văn bản thông báo và có Giấy tiếp nhận. Nếu gửi qua đường bưu chính, ngày tiếp nhận văn bản thông báo được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

9.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Văn bản thông báo nêu rõ tên tôn giáo; tên nhóm; họ và tên người đại diện của nhóm; thời điểm thay đổi; địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung mới; thời điểm chấm dứt sinh hoạt tôn giáo tại địa điểm cũ.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

9.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

9.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam đã được chấp thuận thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung.

9.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận thông báo: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Dân tộc và Tôn giáo.

9.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung cũ lưu hồ sơ để thực hiện công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.

9.8. Lệ phí: Không có.

9.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Nội dung văn bản thông báo theo quy định tại khoản 5 Điều 8 Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ.

9.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

9.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).
- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

10. Thủ tục đề nghị mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam thực hiện hoạt động tôn giáo ở một tỉnh (Mã TTHC: 1.012648)

10.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trước khi mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam để thực hiện các hoạt động tôn giáo ở một tỉnh có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến Sở Dân tộc và Tôn giáo nơi diễn ra các hoạt động tôn giáo.

- Bước 2: Sở Dân tộc và Tôn giáo xem xét hồ sơ đề nghị, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho tổ chức đề bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp từ chối tiếp nhận, giải quyết hồ sơ phải nêu rõ lý do. Thời gian hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết.

- Bước 3:

+ Sở Dân tộc và Tôn giáo phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định hồ sơ (nếu cần thiết) trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ Tờ trình của Sở Dân tộc và Tôn giáo chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam để thực hiện các hoạt động tôn giáo và gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo để trả cho tổ chức. Trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

10.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc qua Công dịch vụ công trực tuyến.

Sở Dân tộc và Tôn giáo tiếp nhận hồ sơ đề nghị, có Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả. Nếu gửi qua đường bưu chính, ngày tiếp nhận hồ sơ được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

10.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị (theo mẫu);

+ Danh sách khách mời; dự kiến chương trình;

+ Bản giới thiệu tóm tắt các hoạt động chủ yếu của tổ chức, cá nhân nước ngoài;

+ Văn bản chứng minh chức danh hoạt động tôn giáo của người được mời.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

10.4. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ.

10.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam để thực hiện các hoạt động tôn giáo ở một tỉnh.

10.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Dân tộc và Tôn giáo.

10.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản trả lời chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam để thực hiện các hoạt động tôn giáo.

10.8. Lệ phí: Không.

10.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đề nghị mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam thực hiện hoạt động tôn giáo hoặc hoạt động quan hệ quốc tế về tôn giáo (Mẫu B39, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).

10.10 Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

10.11 Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).

- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...⁽¹⁾..., ngày.....tháng.....năm.....

ĐỀ NGHỊ

**Mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam thực hiện
hoạt động tôn giáo hoặc hoạt động quan hệ quốc tế về tôn giáo**

Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên tổ chức (chữ in hoa):.....⁽³⁾.....

Trụ sở:.....

**Đề nghị mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam
thực hiện ...⁽⁴⁾... với các nội dung sau:**

Tên tổ chức, cá nhân được mời:⁽⁵⁾.....

Mục đích:.....

Nội dung các hoạt động:.....

Thời gian tổ chức:.....

Địa điểm tổ chức:.....

Hình thức tổ chức:⁽⁶⁾.....

Văn bản kèm theo gồm: Danh sách khách mời; dự kiến chương trình; bản giới thiệu tóm tắt các hoạt động chủ yếu của tổ chức, cá nhân nước ngoài; văn bản chứng minh chức danh hoạt động tôn giáo của người được mời.

TM. TỔ CHỨC ⁽³⁾

(Chữ ký, dấu)

⁽¹⁾ Địa danh nơi có trụ sở của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc.

⁽²⁾ Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương đối với trường hợp mời tổ chức, cá nhân là người nước ngoài vào Việt Nam để thực hiện hoạt động quốc tế về tôn giáo hoặc hoạt động tôn giáo ở nhiều tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với trường hợp mời tổ chức, cá nhân là người nước ngoài vào Việt Nam để thực hiện các hoạt động tôn giáo ở một tỉnh.

⁽³⁾ Tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc.

- ⁽⁴⁾ Hoạt động tôn giáo hoặc hoạt động quan hệ quốc tế về tôn giáo.
- ⁽⁵⁾ Đối với tổ chức được mời cần nêu rõ: Thuộc nước nào, năm thành lập, hoạt động trong lĩnh vực gì; đối với cá nhân được mời cần nêu rõ: Họ và tên; tên gọi khác, năm sinh, quốc tịch, số hộ chiếu, tôn giáo (nếu có). Nếu có nhiều tổ chức, cá nhân đồng thời được mời thì lập danh sách đính kèm với đầy đủ các thông tin như trên.
- ⁽⁶⁾ Trực tiếp hoặc trực tuyến; kết hợp cả trực tiếp và trực tuyến.

11. Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo ở một tỉnh (Mã TTHC: 1.012646)

11.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến Sở Dân tộc và Tôn giáo nơi dự kiến giảng đạo.

- Bước 2: Sở Dân tộc và Tôn giáo xem xét hồ sơ đề nghị, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho tổ chức để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp từ chối tiếp nhận, giải quyết hồ sơ phải nêu rõ lý do. Thời gian hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết.

- Bước 3:

+ Sở Dân tộc và Tôn giáo phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định hồ sơ (nếu cần thiết), trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ Tờ trình của Sở Dân tộc và Tôn giáo chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo và gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo để trả cho tổ chức. Trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

11.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc qua Công dịch vụ công trực tuyến.

Sở Dân tộc và Tôn giáo tiếp nhận hồ sơ đề nghị, có Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả. Nếu gửi qua đường bưu chính, ngày tiếp nhận hồ sơ được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

11.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị (theo mẫu);

+ Danh sách khách mời; dự kiến chương trình;

+ Bản giới thiệu tóm tắt các hoạt động chủ yếu của chức sắc, nhà tu hành

là người nước ngoài;

- + Văn bản chứng minh chức danh hoạt động tôn giáo của người được mời.
- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

11.4. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ.

11.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo.

11.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Dân tộc và Tôn giáo.

11.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản trả lời chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo.

11.8. Lệ phí: Không.

11.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đề nghị về việc cho tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài giảng đạo (Mẫu B40, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).

11.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Trong quá trình giảng đạo, chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài phải tôn trọng quy định của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo ở Việt Nam và tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam.

11.11 Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tin ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).
- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tin ngưỡng, tôn giáo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...⁽¹⁾..., ngày.....tháng.....năm.....

ĐỀ NGHỊ

**Về việc cho tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo
 mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài giảng đạo**

Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên tổ chức (chữ in hoa):⁽³⁾.....

Trụ sở:.....

**Đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài giảng đạo
 với các nội dung sau:**

Họ và tên:.....Năm sinh.....

Tên gọi trong tôn giáo (nếu có):.....

Quốc tịch:.....Số hộ chiếu:.....

Thuộc tổ chức tôn giáo:.....

Trụ sở tại:.....

Mục đích mời:.....

Nội dung các hoạt động:.....

Thời gian tổ chức:.....

Địa điểm tổ chức:.....

Hình thức tổ chức:⁽⁴⁾.....

Văn bản kèm theo gồm: Danh sách khách mời; dự kiến chương trình; bản giới thiệu tóm tắt các hoạt động chủ yếu của chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài; văn bản chứng minh chức danh hoạt động tôn giáo của người được mời.

TM. TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

⁽¹⁾ Địa danh nơi đặt trụ sở của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo.

⁽²⁾ Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương đối với trường hợp mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài giảng đạo cho tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với trường hợp mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài giảng đạo cho tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh.

⁽³⁾ Tên tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo mời chức sắc,

nhà tu hành.

⁽⁴⁾ Trực tiếp hoặc trực tuyến; kết hợp cả trực tiếp và trực tuyến.

12. Thủ tục đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (Mã TTHC: 1.012645)

12.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trước khi thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh, tổ chức tôn giáo có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến Sở Dân tộc và Tôn giáo .

- Bước 2: Sở Dân tộc và Tôn giáo xem xét hồ sơ đề nghị, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho tổ chức để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp từ chối tiếp nhận, giải quyết hồ sơ phải nêu rõ lý do. Thời gian hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết.

- Bước 3:

+ Sở Dân tộc và Tôn giáo phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định hồ sơ (nếu cần thiết), trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ Tờ trình của Sở Dân tộc và Tôn giáo chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh và gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo để trả cho tổ chức. Trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

12.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Sở Dân tộc và Tôn giáo tiếp nhận hồ sơ đề nghị, có Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả. Nếu gửi qua đường bưu chính, ngày tiếp nhận hồ sơ được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

12.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị (theo mẫu);

+ Bản sao quyết định công nhận tổ chức tôn giáo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với trường hợp thay đổi tên của tổ chức tôn giáo;

+ Bản sao văn bản chấp thuận thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc hoặc văn bản xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm

quyền;

+ Bản sao văn bản thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc quản lý trực tiếp đối với trường hợp thay đổi tên của tổ chức tôn giáo trực thuộc.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

12.4. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ.

12.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh thay đổi tên của tổ chức.

12.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Dân tộc và Tôn giáo.

12.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản trả lời chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh.

12.8. Lệ phí: Không có.

12.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc (Mẫu B11, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).

12.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Yêu cầu:

+ Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc phải có tên bằng tiếng Việt.

+ Tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc không trùng với tên tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc khác hoặc tổ chức khác đã được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo, tên tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hoặc tên danh nhân, anh hùng dân tộc.

- Điều kiện: Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh thay đổi tên phải được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận.

12.11 Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).

- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...⁽¹⁾..., ngày.....tháng.....năm.....

ĐỀ NGHỊ

Thay đổi tên của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc

Kính gửi:.....⁽²⁾.....

Tên tổ chức tôn giáo (chữ in hoa):

Trụ sở của tổ chức tôn giáo:.....

Người đại diện:

- Họ và tên:.....

- Tên gọi trong tôn giáo (nếu có):.....

- Số CMTND/CCCD:

- Chức vụ, phẩm vị (nếu có):.....

Đề nghị về việc thay đổi tên của tổ chức ...⁽³⁾... với các nội dung sau:

Lý do thay đổi:.....

Tên của tổ chức trước khi thay đổi⁽³⁾:.....

Tên giao dịch quốc tế trước khi thay đổi (nếu có):

Tên của tổ chức sau khi thay đổi⁽³⁾:.....

Tên giao dịch quốc tế sau khi thay đổi (nếu có):

Dự kiến thời điểm thay đổi:.....

Văn bản kèm theo gồm: Bản sao quyết định công nhận tổ chức tôn giáo của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với trường hợp thay đổi tên của tổ chức tôn giáo; bản sao văn bản chấp thuận thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc hoặc văn bản xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; bản sao văn bản thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc quản lý trực tiếp đối với trường hợp thay đổi tên của tổ chức tôn giáo trực thuộc.

TM. TỔ CHỨC

(Chữ ký, dấu)

⁽¹⁾ Địa danh nơi có trụ sở của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc.

⁽²⁾ Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương đối với việc đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với việc đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh.

⁽³⁾ Tên tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc.

13. Thủ tục đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc (Mã TTHC: 1.012644)

13.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trước khi thay đổi trụ sở, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến Sở Dân tộc và Tôn giáo nơi có trụ sở mới.

- Bước 2: Sở Dân tộc và Tôn giáo xem xét hồ sơ đề nghị, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho tổ chức để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp từ chối tiếp nhận, giải quyết hồ sơ phải nêu rõ lý do. Thời gian hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết.

- Bước 3:

+ Sở Dân tộc và Tôn giáo phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định hồ sơ (nếu cần thiết), trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ Tờ trình của Sở Dân tộc và Tôn giáo chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc và gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo để trả cho tổ chức. Trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

13.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Sở Dân tộc và Tôn giáo tiếp nhận hồ sơ đề nghị, có Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả. Nếu gửi qua đường bưu chính, ngày tiếp nhận hồ sơ được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

13.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị (theo mẫu);

+ Bản sao quyết định công nhận tổ chức tôn giáo đối với trường hợp thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo đến địa bàn tỉnh khác hoặc bản sao văn bản chấp thuận thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và văn bản thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất

tổ chức tôn giáo trực thuộc của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc quản lý trực tiếp đối với trường hợp thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo trực thuộc đến địa bàn tỉnh khác;

+ Văn bản chấp thuận của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc quản lý trực tiếp tổ chức tôn giáo trực thuộc về việc thay đổi địa điểm;

+ Giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp để đặt trụ sở mới.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

13.4. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ.

13.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc thay đổi trụ sở của tổ chức.

13.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Dân tộc và Tôn giáo.

13.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản trả lời chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc.

13.8 Lệ phí: Không có.

13.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc (Mẫu B12, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).

13.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Yêu cầu: Chậm nhất 10 ngày kể từ ngày chuyển đến trụ sở mới, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc thay đổi trụ sở đến cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương. Đối với tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh còn có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc thay đổi trụ sở đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở cũ.

13.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).

- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**...⁽¹⁾..., ngày...tháng.....năm.....**ĐỀ NGHỊ****Thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc**Kính gửi:⁽²⁾.....Tên tổ chức (chữ in hoa):.....⁽³⁾.....

Người đại diện:

- Họ và tên:.....

- Tên gọi trong tôn giáo (nếu có):.....

- Số CMTND/CCCD:

- Chức vụ, phẩm vị (nếu có):.....

Đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức ...⁽³⁾...với các nội dung sau:

Trụ sở của tổ chức trước khi thay đổi:.....

Trụ sở của tổ chức sau khi thay đổi:.....

Dự kiến thời điểm thay đổi:

Lý do thay đổi:

Văn bản kèm theo gồm: Văn bản chấp thuận của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc quản lý trực tiếp tổ chức tôn giáo trực thuộc về việc thay đổi địa điểm; bản sao quyết định công nhận tổ chức tôn giáo đối với trường hợp thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo đến địa bàn tỉnh khác hoặc bản sao văn bản chấp thuận thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và văn bản thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc quản lý trực tiếp đối với trường hợp thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo trực thuộc đến địa bàn tỉnh khác; giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp để đặt trụ sở mới.

TM. TỔ CHỨC ⁽³⁾*(Chữ ký, dấu)*⁽¹⁾ Địa danh nơi có trụ sở của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc.⁽²⁾ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở mới.⁽³⁾ Tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc.

14. Thủ tục thông báo về việc thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh (thuộc thẩm quyền tiếp nhận của 02 cơ quan) (Mã TTHC: 1.012642)

14.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Kể từ ngày chuyển đến trụ sở mới, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh có trách nhiệm gửi văn bản thông báo về việc thay đổi trụ sở đến Ban Tôn giáo Chính phủ và Sở Dân tộc và Tôn giáo nơi đặt trụ sở cũ.

- Bước 2: Ban Tôn giáo Chính phủ và Sở Dân tộc và Tôn giáo xem xét, tiếp nhận văn bản thông báo, trường hợp văn bản thông báo chưa đầy đủ, hợp lệ, Ban Tôn giáo Chính phủ và Sở Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho tổ chức để bổ sung, hoàn thiện. Trường hợp từ chối tiếp nhận phải nêu rõ lý do.

14.2. Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ban Tôn giáo Chính phủ và Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh (hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo); qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Ban Tôn giáo Chính phủ, Sở Dân tộc và Tôn giáo tiếp nhận văn bản thông báo và có Giấy tiếp nhận. Nếu gửi qua đường bưu chính, ngày tiếp nhận văn bản thông báo được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

14.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản thông báo nêu rõ tên tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc; họ và tên người đại diện của tổ chức; lý do, thời điểm thay đổi; trụ sở của tổ chức trước và sau khi thay đổi;

+ Bản sao có chứng thực văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở mới.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

14.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

14.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh thay đổi trụ sở của tổ chức

14.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ban Tôn giáo Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ban Tôn giáo Chính phủ, Sở Dân tộc và Tôn giáo.

14.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

Ban Tôn giáo Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở cũ lưu hồ sơ để thực hiện công tác tham mưu, công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.

14.8. Lệ phí: Không có.

14.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Nội dung văn bản thông báo theo quy định tại khoản 5 Điều 10 Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ.

14.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày chuyển đến trụ sở mới, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc thay đổi trụ sở đến Ban Tôn giáo Chính phủ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở cũ.

14.11 Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).
- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

15. Thủ tục đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (Mã TTHC:1.012641)

15.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức tôn giáo đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến Sở Dân tộc và Tôn giáo .

- Bước 2: Sở Dân tộc và Tôn giáo xem xét hồ sơ đề nghị, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho tổ chức để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp từ chối tiếp nhận, giải quyết hồ sơ phải nêu rõ lý do. Thời gian hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết.

- Bước 3:

+ Sở Dân tộc và Tôn giáo phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định hồ sơ (nếu cần thiết), trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ Tờ trình của Sở Dân tộc và Tôn giáo chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh và gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo để trả cho tổ chức. Trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

15.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo ; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc qua Công dịch vụ công trực tuyến.

Sở Dân tộc và Tôn giáo tiếp nhận hồ sơ đề nghị, có Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả. Nếu gửi qua đường bưu chính, ngày tiếp nhận hồ sơ được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

15.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị (theo mẫu);

+ Bản tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo của tổ chức tôn giáo trực thuộc từ khi được thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất;

+ Danh sách, sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp (cấp trước thời điểm nộp hồ sơ không quá 06 tháng), bản tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo của người

đại diện và những người lãnh đạo của tổ chức tôn giáo trực thuộc;

+ Bản kê khai và giấy tờ chứng minh tài sản hợp pháp của tổ chức tôn giáo trực thuộc;

+ Hiến chương, điều lệ hoặc các văn bản có nội dung tương tự của tổ chức tôn giáo trực thuộc.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

15.4. Thời hạn giải quyết: 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ.

15.5 Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tôn giáo đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh.

15.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Dân tộc và Tôn giáo.

15.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản trả lời chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc.

15.8. Lệ phí: Không có.

15.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc (Mẫu B15, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).

- Quyết định về việc cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc (Mẫu A3, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).

15.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh để được tổ chức tôn giáo đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Có cơ cấu tổ chức theo hiến chương.

- Có tài sản độc lập với cá nhân, tổ chức khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình.

- Nhân danh tổ chức tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập.

15.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).
- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...⁽¹⁾..., ngày.....tháng.....năm.....

ĐỀ NGHỊ

Cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc

Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên tổ chức tôn giáo (chữ in hoa):

Trụ sở:

Người đại diện:

Họ và tên:

Tên gọi trong tôn giáo (nếu có):

Số CMTND/CCCD:

Chức vụ, phẩm vị (nếu có):

**Đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại
cho tổ chức tôn giáo trực thuộc với các nội dung sau:**

Tên tổ chức tôn giáo trực thuộc:

Tên giao dịch quốc tế (nếu có):

Trụ sở của tổ chức tôn giáo trực thuộc:

Địa bàn hoạt động của tổ chức tôn giáo trực thuộc:

Cơ cấu tổ chức của tổ chức tôn giáo trực thuộc:

Số lượng tín đồ, chức sắc, chức việc, nhà tu hành của tổ chức tôn giáo trực
thuộc tại thời điểm được đề nghị cấp đăng

ký:

Người đại diện:

Họ và tên:

Tên gọi trong tôn giáo (nếu có):

Số CMTND/CCCD:

Chức vụ, phẩm vị (nếu có):

Văn bản kèm theo gồm: Bản tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo của tổ chức tôn giáo trực thuộc từ khi được thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất; danh sách, sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp, bản tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo của người đại diện và những người lãnh đạo của tổ chức tôn giáo trực thuộc; bản kê khai và giấy tờ chứng minh tài sản hợp pháp của tổ chức tôn giáo trực thuộc; hiến chương, điều lệ hoặc các văn bản có nội dung tương tự của tổ chức tôn giáo trực thuộc.

TM. TỔ CHỨC TÔN GIÁO

(Chữ ký, dấu)

⁽¹⁾ Địa danh nơi có trụ sở của tổ chức tôn giáo đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc.

⁽²⁾ Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương đối với đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh.

— (1)
Số:...../QĐ- (2)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... (3) ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại
cho tổ chức tôn giáo trực thuộc**

..... (4)

*Căn cứ Điều 30 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo ngày 18 tháng 11 năm 2016;
Căn cứ Điều 11 của Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29 tháng 12
năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành
Luật tín ngưỡng, tôn giáo;*

Căn cứ (5)

Theo đề nghị của (6)

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho (6)

Thuộc tổ chức tôn giáo:

Trụ sở của (6)

Địa bàn hoạt động tôn giáo (6)

Điều 2. (6) ... được hoạt động tôn giáo theo quy định của pháp luật Việt Nam và hiến chương của tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

Điều 3. (Hiệu lực của Quyết định; ghi tên cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thi hành Quyết định)/.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: VT,

..... (4)

(Chữ ký, dấu)

- ⁽¹⁾ Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương đối với việc cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với việc cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh.
- ⁽²⁾ Viết tắt tên cơ quan ban hành Quyết định.
- ⁽³⁾ Địa danh nơi ban hành Quyết định.
- ⁽⁴⁾ Thủ trưởng cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành Quyết định.
- ⁽⁵⁾ Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan ban hành Quyết định.
- ⁽⁶⁾ Tên tổ chức tôn giáo trực thuộc được cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại.

16. Thủ tục đề nghị tự giải thể của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương (Mã TTHC: 1.012639)

16.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh tự giải thể theo quy định của hiến chương của tổ chức có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến Sở Dân tộc và Tôn giáo .

- Bước 2: Sở Dân tộc và Tôn giáo xem xét hồ sơ đề nghị, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho tổ chức để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp từ chối tiếp nhận, giải quyết hồ sơ phải nêu rõ lý do. Thời gian hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết.

- Bước 3:

+ Sở Dân tộc và Tôn giáo phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định hồ sơ (nếu cần thiết), trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ Tờ trình của Sở Dân tộc và Tôn giáo chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc tự giải thể theo quy định của hiến chương của tổ chức tôn giáo và gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo để trả cho tổ chức. Trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

16.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo ; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Sở Dân tộc và Tôn giáo tiếp nhận hồ sơ đề nghị, có Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả. Nếu gửi qua đường bưu chính, ngày tiếp nhận hồ sơ được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

16.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị (theo mẫu);

+ Bản kê khai tài sản, tài chính;

+ Phương thức xử lý tài sản, tài chính và thời hạn thanh toán các khoản nợ (nếu có);

+ Danh sách tổ chức tôn giáo trực thuộc.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

16.4. Thời hạn giải quyết: 45 ngày kể từ ngày hết thời hạn thanh toán các khoản nợ (nếu có) và thanh lý tài sản, tài chính ghi trong thông báo của tổ chức mà không có khiếu nại.

16.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh đề nghị tự giải thể tổ chức tôn giáo theo quy định của hiến chương của tổ chức.

16.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Dân tộc và Tôn giáo.

16.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản trả lời chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc tự giải thể theo quy định của hiến chương của tổ chức tôn giáo.

16.8. Lệ phí: Không có.

16.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc theo quy định của hiến chương của tổ chức tôn giáo (Mẫu B16, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).

- Quyết định về việc chấp thuận cho tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc giải thể theo quy định của hiến chương của tổ chức tôn giáo (Mẫu A6, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).

16.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh tự giải thể theo quy định của hiến chương có trách nhiệm đăng thông báo thời hạn thanh toán các khoản nợ (nếu có) cho các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật trên 05 (năm) số liên tiếp của báo in ra hàng ngày hoặc 05 ngày liên tiếp trên báo điện tử ở địa phương.

- Thời điểm Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định chấp thuận cho tổ chức tôn giáo tự giải thể là thời điểm tổ chức phải nộp lại bản chính quyết định công nhận tổ chức tôn giáo; giấy chứng nhận của cơ quan công an về việc tổ chức đã nộp, hủy con dấu theo quy định.

16.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).

- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**...⁽¹⁾..., ngày.....tháng.....năm.....**ĐỀ NGHỊ****Giải thể tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc
theo quy định của hiến chương của tổ chức tôn giáo**Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc (chữ in hoa):.....

Trụ sở:.....

Người đại diện:

Họ và tên:.....

Tên gọi trong tôn giáo (nếu có):.....

Số CMTND/CCCD:

Chức vụ, phẩm vị (nếu có):.....

**Đề nghị chấp thuận cho giải thể tổ chức tôn giáo
hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc theo quy định của hiến chương
của tổ chức tôn giáo với các nội dung sau:**Tên tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc đề nghị được giải
thể:.....

Trụ sở của tổ chức:

Người đại diện:

- Họ và tên:.....

- Tên gọi trong tôn giáo (nếu có):.....

- Số CMTND/CCCD:

- Chức vụ, phẩm vị (nếu có):.....

Cơ cấu tổ chức:.....

Lý do giải thể:

Dự kiến thời điểm giải thể:.....

Văn bản kèm theo gồm: Bản kê khai tài sản, tài chính; phương thức xử lý tài
sản, tài chính và thời hạn thanh toán các khoản nợ (nếu có); danh sách tổ chức tôn
giáo trực thuộc.**TM. TỔ CHỨC ⁽³⁾***(Chữ ký, dấu)*⁽¹⁾ Địa danh nơi có trụ sở của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc đề

ngộ giải thể.

⁽²⁾ Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương đối với đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh.

⁽³⁾ Tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc đề nghị.

.....⁽¹⁾.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-.....⁽²⁾...⁽³⁾..., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chấp thuận cho tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc
giải thể theo quy định của hiến chương của tổ chức tôn giáo**

.....⁽⁴⁾

Căn cứ Điều 31 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo ngày 18 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Điều 14 Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo;

Căn cứ⁽⁵⁾.....

Theo đề nghị của

.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận cho⁽⁶⁾.....

Trụ sở:

Cơ cấu tổ chức:

Địa bàn hoạt động tôn giáo:

Được giải thể theo hiến chương của tổ chức từ ngày....tháng.... năm

Điều 2.⁽⁶⁾ có trách nhiệm thực hiện việc giải thể tổ chức theo hồ sơ đề nghị giải thể ngày... tháng.. năm.... của tổ chức.

Điều 3. Quyết định này được công bố công khai trên ⁽¹⁾

Điều 4. (Hiệu lực của Quyết định; ghi tên cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thi hành Quyết định)./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;

.....⁽²⁾

- Lưu: VT,....

.....⁽³⁾

(Chữ ký, dấu)

⁽¹⁾ Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương đối với việc chấp thuận giải thể tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với việc chấp thuận giải thể tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh.

⁽²⁾ Viết tắt tên cơ quan ban hành Quyết định.

⁽³⁾ Địa danh nơi ban hành Quyết định.

⁽⁴⁾ Thủ trưởng cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành Quyết định.

⁽⁵⁾ Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan ban hành Quyết định.

⁽⁶⁾ Tên tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc.

⁽⁷⁾ Cổng hoặc Trang thông tin điện tử của cơ quan ra quyết định; 01 số báo in hoặc báo điện tử ở trung ương hoặc địa phương nơi tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc có trụ sở.

17. Thủ tục đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức (Mã TTHC: 1.012637)

17.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến Sở Dân tộc và Tôn giáo .

- Bước 2: Sở Dân tộc và Tôn giáo xem xét hồ sơ đề nghị, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho tổ chức để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp từ chối tiếp nhận, giải quyết hồ sơ phải nêu rõ lý do. Thời gian hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết.

- Bước 3:

+ Sở Dân tộc và Tôn giáo phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định hồ sơ (nếu cần thiết), trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ Tờ trình của Sở Dân tộc và Tôn giáo , chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức và gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo để trả cho tổ chức. Trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

17.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo ; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc qua Công dịch vụ công trực tuyến.

Sở Dân tộc và Tôn giáo tiếp nhận hồ sơ đề nghị, có Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả. Nếu gửi qua đường bưu chính, ngày tiếp nhận hồ sơ được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

17.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị (theo mẫu);

+ Bản kê khai tài sản, tài chính;

+ Phương thức xử lý tài sản, tài chính và thời hạn thanh toán các khoản nợ (nếu có);

+ Danh sách tổ chức tôn giáo trực thuộc.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

17.4. Thời hạn giải quyết: 45 ngày kể từ ngày hết thời hạn thanh toán các khoản nợ (nếu có) và thanh lý tài sản, tài chính ghi trong thông báo của tổ chức mà không có khiếu nại.

17.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức.

17.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Dân tộc và Tôn giáo.

17.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản trả lời chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc theo quy định của hiến chương của tổ chức.

17.8. Lệ phí: Không có.

17.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc theo quy định của hiến chương của tổ chức tôn giáo (Mẫu B16, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).

- Quyết định về việc chấp thuận cho tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc giải thể theo quy định của hiến chương của tổ chức tôn giáo (Mẫu A6, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).

17.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh bị giải thể theo quy định của hiến chương của tổ chức có trách nhiệm đăng thông báo thời hạn thanh toán các khoản nợ (nếu có) cho các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của pháp luật trên 05 (năm) số liên tiếp của báo in ra hàng ngày hoặc 05 ngày liên tiếp trên báo điện tử ở địa phương.

- Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận việc giải thể, tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách nhiệm giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc và nộp lại cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh các văn bản sau đây:

+ Bản chính văn bản chấp thuận thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ

chức tôn giáo trực thuộc của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

+ Bản chính văn bản thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc quản lý trực tiếp.

+ Danh sách tổ chức tôn giáo trực thuộc thuộc tổ chức tôn giáo trực thuộc bị giải thể.

+ Giấy chứng nhận hoặc văn bản xác nhận của cơ quan công an về việc tổ chức tôn giáo trực thuộc giải thể đã nộp, hủy con dấu theo quy định.

17.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).

- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo,

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...⁽¹⁾..., ngày.....tháng.....năm.....

ĐỀ NGHỊ

**Giải thể tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc
theo quy định của hiến chương của tổ chức tôn giáo**

Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc (chữ in hoa):.....

Trụ sở:.....

Người đại diện:

Họ và tên:.....

Tên gọi trong tôn giáo (nếu có):.....

Số CMTND/CCCD:

Chức vụ, phẩm vị (nếu có):.....

**Đề nghị chấp thuận cho giải thể tổ chức tôn giáo
hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc theo quy định của hiến chương
của tổ chức tôn giáo với các nội dung sau:**

Tên tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc đề nghị được giải
thể:.....

Trụ sở của tổ chức:

Người đại diện:

Họ và tên:.....

Tên gọi trong tôn giáo (nếu có):.....

Số CMTND/CCCD:

Chức vụ, phẩm vị (nếu có):.....

Cơ cấu tổ chức:

Lý do giải thể:

Dự kiến thời điểm giải thể:.....

Văn bản kèm theo gồm: Bản kê khai tài sản, tài chính; phương thức xử lý tài sản, tài chính và thời hạn thanh toán các khoản nợ (nếu có); danh sách tổ chức tôn giáo trực thuộc.

TM. TỔ CHỨC ⁽¹⁾*(Chữ ký, dấu)*

⁽¹⁾ Địa danh nơi có trụ sở của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc đề nghị giải thể.

⁽²⁾ Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương đối với đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh.

⁽³⁾ Tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc đề nghị.

.....⁽¹⁾.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-.....⁽²⁾...⁽³⁾..., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chấp thuận cho tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc
giải thể theo quy định của hiến chương của tổ chức tôn giáo**

.....⁽⁴⁾

Căn cứ Điều 31 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo ngày 18 tháng 11 năm 2016;

Căn cứ Điều 14 Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo;

Căn cứ⁽⁵⁾.....

:

Theo đề nghị của

.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận cho⁽⁶⁾.....

Trụ sở:

Cơ cấu tổ chức:

Địa bàn hoạt động tôn giáo:

Được giải thể theo hiến chương của tổ chức từ ngày...tháng..... năm

Điều 2.⁽⁶⁾ có trách nhiệm thực hiện việc giải thể tổ chức theo hồ sơ đề nghị giải thể ngày... tháng... năm.... của tổ chức.

Điều 3. Quyết định này được công bố công khai trên ⁽⁷⁾

Điều 4. (Hiệu lực của Quyết định; ghi tên cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thi hành Quyết định)./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;

-

- Lưu: VT,...

.....⁽⁴⁾.....
(Chữ ký, dấu)

⁽¹⁾ Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương đối với việc chấp thuận giải thể tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với việc chấp thuận giải thể tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh.

⁽²⁾ Viết tắt tên cơ quan ban hành Quyết định.

⁽³⁾ Địa danh nơi ban hành Quyết định.

⁽⁴⁾ Thủ trưởng cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành Quyết định.

⁽⁵⁾ Văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan ban hành Quyết định.

⁽⁶⁾ Tên tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc.

⁽⁷⁾ Cổng hoặc Trang thông tin điện tử của cơ quan ra quyết định; 01 số báo in hoặc báo điện tử ở trung ương hoặc địa phương nơi tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc có trụ sở.

18. Thủ tục thông báo về việc đã giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức (Mã TTHC: 1.012635)

18.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chậm nhất 20 ngày kể từ ngày tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh bị giải thể theo quy định của hiến chương của tổ chức, tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc quản lý trực tiếp có trách nhiệm gửi văn bản thông báo đến Sở Dân tộc và Tôn giáo .

- Bước 2: Sở Dân tộc và Tôn giáo xem xét, tiếp nhận văn bản thông báo, trường hợp văn bản thông báo chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho tổ chức để bổ sung, hoàn thiện. Trường hợp từ chối tiếp nhận phải nêu rõ lý do.

- Bước 3: Sở Dân tộc và Tôn giáo báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc tiếp nhận thông báo đã giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức.

18.2. Cách thức thực hiện:

Nộp văn bản thông báo trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo ; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Sở Dân tộc và Tôn giáo tiếp nhận văn bản thông báo và có Giấy tiếp nhận. Nếu gửi qua đường bưu chính, ngày tiếp nhận văn bản thông báo được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

18.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Văn bản thông báo (theo mẫu) và các tài liệu kèm theo (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

18.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

18.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức.

18.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận thông báo: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Dân tộc và Tôn giáo.

18.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

Văn bản thông báo được lưu tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để thực hiện công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.

18.8. Lệ phí: Không có.

18.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Thông báo về việc đã giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc (Mẫu B17, Phụ lục Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).

18.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Chậm nhất 20 ngày kể từ ngày tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh bị giải thể theo quy định của hiến chương của tổ chức, tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc quản lý trực tiếp có trách nhiệm thông báo về việc đã giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc.

18.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).
- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...⁽¹⁾..., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO
Về việc đã giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc

Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách nhiệm thông báo (chữ in hoa):⁽³⁾.....

Trụ sở của tổ chức:.....

Người đại diện:

- Họ và tên:.....

- Tên gọi trong tôn giáo (nếu có):.....

- Số CMTND/CCCD:

- Chức vụ, phẩm vị (nếu có):.....

Căn cứ văn bản số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....⁽²⁾.....về việc chấp thuận cho tổ chức tôn giáo giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc;

Căn cứ văn bản số.....ngày.....tháng.....năm.....của tổ chức tôn giáo về việc giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc.

Thông báo về việc đã giải thể⁽⁴⁾.....với các nội dung sau:

Tên tổ chức tôn giáo trực thuộc bị giải thể:.....

Trụ sở của tổ chức tôn giáo trực thuộc bị giải thể:.....

Người đại diện:

- Họ và tên:.....

- Tên gọi trong tôn giáo (nếu có):.....

- Số CMTND/CCCD:

- Chức vụ, phẩm vị (nếu có):.....

Thời điểm giải thể:.....

TM. TỔ CHỨC ⁽³⁾

(Chữ ký, dấu)

- ⁽¹⁾ Địa danh nơi có trụ sở của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc.
- ⁽²⁾ Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương đối với thông báo giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với thông báo giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh.
- ⁽³⁾ Tên của tổ chức có trách nhiệm thông báo việc giải thể.
- ⁽⁴⁾ Tên của tổ chức tôn giáo trực thuộc bị giải thể.

19. Thủ tục thông báo tổ chức quyền góp để thực hiện hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo đối với trường hợp quyền góp không thuộc quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 điều 25 của Nghị định số 95/2023/NĐ-CP (Mã TTHC: 1.012634)

19.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trước khi tổ chức quyền góp 15 ngày, người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc tổ chức quyền góp để thực hiện hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo đối với trường hợp không thuộc quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 25 của Nghị định số 95/2023/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo có trách nhiệm gửi văn bản thông báo đến Sở Dân tộc và Tôn giáo nơi tổ chức quyền góp.

- Bước 2: Sở Dân tộc và Tôn giáo xem xét, tiếp nhận văn bản thông báo, trường hợp văn bản thông báo chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc để bổ sung, hoàn thiện. Trường hợp từ chối tiếp nhận phải nêu rõ lý do.

- Bước 3: Sở Dân tộc và Tôn giáo báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc tiếp nhận thông báo quyền góp.

19.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo ; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Sở Dân tộc và Tôn giáo tiếp nhận văn bản thông báo và có Giấy tiếp nhận. Nếu gửi qua đường bưu chính, ngày tiếp nhận văn bản thông báo được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

19.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Văn bản thông báo (theo mẫu) và các tài liệu kèm theo (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

19.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

19.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người đại diện cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc tổ chức quyền góp không thuộc quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 25 của Nghị định số 95/2023/NĐ-CP.

19.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận thông báo: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Dân tộc và Tôn giáo.

19.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

Văn bản thông báo được lưu tại Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để thực hiện công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo và kiểm tra việc thực hiện các nội dung trong văn bản thông báo của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc.

19.8. Lệ phí: Không có.

19.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Thông báo về việc tổ chức quyền góp (Mẫu B49, Phụ lục Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).

19.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Trước khi tổ chức quyền góp 15 ngày, người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng; tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc tổ chức quyền góp không thuộc quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 25 của Nghị định số 95/2023/NĐ-CP có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến Sở Dân tộc và Tôn giáo nơi tổ chức quyền góp.

- Hoạt động quyền góp của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc phải có sổ sách thu, chi bảo đảm công khai, minh bạch. Tài sản được quyền góp phải được quản lý, sử dụng đúng mục đích đã thông báo, phục vụ cho hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo.

- Không được lợi dụng danh nghĩa cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc để quyền góp nhằm trục lợi hoặc trái mục đích quyền góp.

- Người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng; tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc thực hiện hoạt động quyền góp không đúng quy định tại Điều 25 của Nghị định số 95/2023/NĐ-CP thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận thông báo quyền góp có văn bản yêu cầu dừng tiếp nhận, sử dụng tài sản được quyền góp và xử lý theo quy định của pháp luật.

19.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).
- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...⁽¹⁾... ngày... tháng... năm...

THÔNG BÁO
Về việc tổ chức quyền góp

Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên (chữ in hoa):⁽³⁾.....

Địa chỉ:.....

Người đại diện:.....

- Họ và tên:.....

- Tên gọi trong tôn giáo (nếu có):.....

- Số CMTND/CCCD:

- Chức vụ, phẩm vị (nếu có):.....

Thông báo về việc tổ chức quyền góp với các nội dung sau:

Mục đích quyền góp:.....

Địa bàn tổ chức quyền góp:.....

Cách thức quyền góp:.....

Thời gian thực hiện quyền góp:.....

Phương thức quản lý và sử dụng tài sản được quyền góp:.....

.....

.....

.....

Hình thức tổ chức:.....⁽⁴⁾.....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN⁽³⁾

(Chữ ký, dấu)

- ⁽¹⁾ Địa danh nơi có cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc.
- ⁽²⁾ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với trường hợp tổ chức quyền góp vượt ra ngoài địa bàn một huyện; Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với trường hợp tổ chức quyền góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương; Ủy ban nhân dân cấp xã đối với trường hợp tổ chức quyền góp trong địa bàn một xã.
- ⁽³⁾ Cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc. Đối với tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người đại diện phải ký tên và đóng dấu.
- ⁽⁴⁾ Trực tiếp hoặc trực tuyến; kết hợp cả trực tiếp và trực tuyến.

20. Thủ tục đề nghị cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (Mã TTHC: 1.012632)

20.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một tỉnh có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 18 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo gửi hồ sơ đề nghị cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo đến Sở Dân tộc và Tôn giáo .

- Bước 2: Sở Dân tộc và Tôn giáo xem xét hồ sơ đề nghị, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho tổ chức để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp từ chối tiếp nhận, giải quyết phải nêu rõ lý do. Thời gian hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết.

- Bước 3: Sở Dân tộc và Tôn giáo phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định hồ sơ (nếu cần). Sau khi thẩm định hồ sơ, Sở Dân tộc và Tôn giáo cấp hoặc không cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ chức và gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo để trả cho tổ chức. Trường hợp từ chối cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

20.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo ; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Sở Dân tộc và Tôn giáo tiếp nhận hồ sơ đề nghị, có Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả. Nếu gửi qua đường bưu chính, ngày tiếp nhận hồ sơ được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

20.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:
- + Văn bản đăng ký (theo mẫu);
- + Danh sách, sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp (cấp trước thời điểm nộp hồ sơ không quá 06 tháng), bản tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo của người đại diện và những người dự kiến lãnh đạo tổ chức;
- + Bản tóm tắt giáo lý, giáo luật, lễ nghi;
- + Quy chế hoạt động của tổ chức;
- + Giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp để đặt trụ sở.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

20.4. Thời hạn giải quyết: 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ.

20.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một tỉnh có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 18 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

20.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Dân tộc và Tôn giáo.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Dân tộc và Tôn giáo.

20.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo hoặc văn bản trả lời về việc không cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo.

20.8. Lệ phí: Không có.

20.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đăng ký cấp chứng nhận hoạt động tôn giáo (Mẫu B8, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo (Mẫu A1, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).

20.10 Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Có giáo lý, giáo luật, lễ nghi.

- Có tôn chỉ, mục đích, quy chế hoạt động không trái với quy định của pháp luật.

- Tên của tổ chức không trùng với tên tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức đã được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo, tên tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hoặc tên danh nhân, anh hùng dân tộc.

- Người đại diện, người lãnh đạo tổ chức là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; không trong thời gian bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo; không có án tích hoặc không phải là người đang bị buộc tội theo quy định của pháp luật về tổ tụng hình sự.

- Có địa điểm hợp pháp để đặt trụ sở.

- Nội dung hoạt động tôn giáo không thuộc trường hợp quy định tại Điều 5 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

20.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).
- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**...⁽¹⁾..., ngày.....tháng.....năm.....**ĐĂNG KÝ****Cấp chứng nhận hoạt động tôn giáo**Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên tổ chức:.....

Họ và tên người đại diện:.....

Đăng ký cấp chứng nhận hoạt động tôn giáo với các nội dung sau:

Tên tổ chức (chữ in hoa):.....

Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....

Tên tôn giáo:.....

Trụ sở của tổ chức:.....

Người đại diện:

- Họ và tên:.....

- Tên gọi trong tôn giáo (nếu có):.....

- Số CMTND/CCCD:

- Chức vụ, phẩm vị (nếu có):.....

Nguồn gốc hình thành, quá trình phát triển ở Việt Nam:

Tôn chỉ, mục đích:.....

Nội dung hoạt động:.....

Địa bàn hoạt động:.....

Số lượng người tin theo:.....

Cơ cấu tổ chức:.....

Địa điểm dự kiến đặt trụ sở:.....

Văn bản kèm theo gồm: Danh sách, sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp, bản tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo của người đại diện và những người dự kiến lãnh đạo tổ chức; bản tóm tắt giáo lý, giáo luật, lễ nghi; quy chế hoạt động của tổ chức; giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp để đặt trụ sở.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN

(Ký, ghi rõ họ tên)

- ⁽¹⁾ Địa danh nơi dự kiến có trụ sở của tổ chức.
- ⁽²⁾ Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương đối với tổ chức có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh; cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh đối với tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh.

.....⁽¹⁾

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../CN-⁽²⁾.....⁽³⁾..... ngày.....tháng.....năm.....

GIẤY CHỨNG NHẬN
Đăng ký hoạt động tôn giáo

.....⁽¹⁾..... chứng nhận:

Tên tổ chức (chữ in hoa):.....

Tên giao dịch quốc tế của tổ chức (nếu có):

Trụ sở:.....

Tên tôn giáo:

Nguồn gốc hình thành, quá trình phát triển ở Việt Nam:.....

.....
Tôn chỉ, mục đích hoạt động:.....

Địa bàn hoạt động:.....

Cơ cấu tổ chức:

Được hoạt động tôn giáo theo quy định của pháp luật Việt Nam và theo nội
dung đăng ký đã được chấp thuận kể từ ngày được cấp chứng nhận đăng ký hoạt
động tôn giáo./.

Nơi nhận:

*

*

- Lưu: VT,...

.....⁽⁴⁾

(Chữ ký, dấu)

⁽¹⁾ Cơ quan quản lý nhà nước về tin ngưỡng, tôn giáo ở trung ương đối với tổ chức có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh; cơ quan chuyên môn về tin ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh đối với tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh.

⁽²⁾ Viết tắt tên cơ quan cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo.

⁽³⁾ Địa danh nơi cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo.

⁽⁴⁾ Thủ trưởng cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo.

21. Thủ tục thông báo người được phong phẩm hoặc suy cử làm chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Mã TTHC: 1.012631)

21.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày phong phẩm hoặc suy cử chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo, tổ chức tôn giáo có trách nhiệm gửi văn bản thông báo đến Sở Dân tộc và Tôn giáo nơi chức sắc cư trú và hoạt động tôn giáo.

- Bước 2: Sở Dân tộc và Tôn giáo xem xét, tiếp nhận văn bản thông báo, trường hợp văn bản thông báo chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho tổ chức tôn giáo để bổ sung, hoàn thiện. Trường hợp từ chối tiếp nhận phải nêu rõ lý do.

21.2. Cách thức thực hiện:

Nộp văn bản thông báo trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo ; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Sở Dân tộc và Tôn giáo tiếp nhận văn bản thông báo và có Giấy tiếp nhận. Nếu gửi qua đường bưu chính, ngày tiếp nhận văn bản thông báo được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

21.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:
- + Văn bản thông báo (theo mẫu);
- + Tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo; sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp (cấp trước thời điểm nộp hồ sơ không quá 06 tháng) của chức sắc.
- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

21.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

21.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tôn giáo phong phẩm hoặc suy cử chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

21.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận thông báo: Sở Dân tộc và Tôn giáo.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Dân tộc và Tôn giáo.

21.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

Văn bản thông báo được lưu tại Sở Dân tộc và Tôn giáo để thực hiện công tác tham mưu quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.

21.8. Lệ phí: Không có.

21.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Thông báo người được phong phẩm hoặc suy cử làm chức sắc (Mẫu B18, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).

21.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Yêu cầu: Chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày phong phẩm hoặc suy cử, tổ chức tôn giáo có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về người được phong phẩm hoặc suy cử.

- Điều kiện: Người được phong phẩm hoặc suy cử làm chức sắc phải đáp ứng các điều kiện sau:

- + Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.
- + Không trong thời gian bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo.
- + Không có án tích hoặc không phải là người đang bị buộc tội theo quy định của pháp luật về tổ tụng hình sự.

21.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).
- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...⁽¹⁾..., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO

Người được phong phẩm hoặc suy cử làm chức sắc

Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên tổ chức tôn giáo (chữ in hoa):

Trụ sở:

Thông báo việc phong phẩm hoặc suy cử chức sắc với các nội dung

sau:

TT	Họ và tên	Tên gọi trong tôn giáo	Năm sinh	Nơi cư trú	Phẩm vị trước và sau khi được phong phẩm hoặc suy cử		Địa bàn hoạt động tôn giáo trước và sau khi được phong phẩm hoặc suy cử	
					Trước	Sau	Trước	Sau
1								
2								
...								
n								

Văn bản kèm theo gồm: Tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo; sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp của chức sắc.

TM. TỔ CHỨC TÔN GIÁO

(Chữ ký, dấu)

⁽¹⁾ Địa danh nơi có trụ sở của tổ chức tôn giáo.

⁽²⁾ Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương đối với trường hợp phong phẩm hoặc suy cử phẩm vị theo quy định tại khoản 1 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo; cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh đối với trường hợp phong phẩm hoặc suy cử phẩm vị theo quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

22. Thủ tục thông báo hủy kết quả phong phẩm hoặc suy cử chức sắc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Mã TTHC: 1.012630)

22.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu, tổ chức tôn giáo có trách nhiệm gửi văn bản thông báo đến Sở Dân tộc và Tôn giáo về việc hủy kết quả người được phong phẩm hoặc suy cử làm chức sắc quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo trong trường hợp không đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 32 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

- Bước 2: Sở Dân tộc và Tôn giáo xem xét, tiếp nhận văn bản thông báo, trường hợp văn bản thông báo chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho tổ chức tôn giáo để bổ sung, hoàn thiện. Trường hợp từ chối tiếp nhận phải nêu rõ lý do.

22.2. Cách thức thực hiện:

Nộp văn bản thông báo trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo ; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Sở Dân tộc và Tôn giáo tiếp nhận văn bản thông báo và có Giấy tiếp nhận. Nếu gửi qua đường bưu chính, ngày tiếp nhận văn bản thông báo được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

22.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Văn bản thông báo và các tài liệu kèm theo (nếu có).
- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

22.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

22.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tôn giáo hủy kết quả phong phẩm hoặc suy cử chức sắc đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

22.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận thông báo: Sở Dân tộc và Tôn giáo.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Dân tộc và Tôn giáo.

22.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

Văn bản thông báo được lưu tại Sở Dân tộc và Tôn giáo để thực hiện công tác tham mưu quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.

22.8. Lệ phí: Không có.

22.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Nội dung văn bản thông báo theo quy định tại khoản 4 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

22.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu, tổ chức tôn giáo có trách nhiệm hủy kết quả phong phẩm hoặc suy cử chức sắc và có trách nhiệm thông báo bằng văn bản về việc hủy kết quả đến Sở Dân tộc và Tôn giáo .

22.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).
- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

23. Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Mã TTHC: 1.012629)

23.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trước khi thực hiện việc bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức việc theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo có trách nhiệm gửi hồ sơ đăng ký đến Sở Dân tộc và Tôn giáo .

- Bước 2: Sở Dân tộc và Tôn giáo xem xét hồ sơ đăng ký, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho tổ chức để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp từ chối tiếp nhận, giải quyết hồ sơ phải nêu rõ lý do. Thời gian hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết.

- Bước 3: Sở Dân tộc và Tôn giáo phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định hồ sơ (nếu cần). Sau khi thẩm định hồ sơ, Sở Dân tộc và Tôn giáo chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc và gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo để trả cho tổ chức. Trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

23.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo ; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Sở Dân tộc và Tôn giáo tiếp nhận hồ sơ đăng ký, có Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả. Nếu gửi qua đường bưu chính, ngày tiếp nhận hồ sơ được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

23.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:
 - + Văn bản đăng ký (theo mẫu);
 - + Sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp (cấp trước thời điểm nộp hồ sơ không quá 06 tháng) của người được dự kiến bổ nhiệm, bầu cử, suy cử;
 - + Bản tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo của người được dự kiến bổ nhiệm, bầu cử, suy cử.
- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

23.4. Thời hạn giải quyết: 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký hợp lệ.

23.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức việc theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

23.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Dân tộc và Tôn giáo.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Dân tộc và Tôn giáo.

23.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản trả lời chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức việc.

23.8. Lệ phí: Không có.

23.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc (Mẫu B19, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).

23.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.
- Không trong thời gian bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo.
- Không có án tích hoặc không phải là người đang bị buộc tội theo quy định của pháp luật về tổ tụng hình sự.

23.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).
- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...⁽¹⁾..., ngày... ..tháng... ..năm.....

ĐĂNG KÝ

Người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc

Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên tổ chức (chữ in hoa) :⁽¹⁾.....

Trụ sở:

**Đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử
làm chức việc với các nội dung sau:**

TT	Họ và tên người được dự kiến bổ nhiệm, bầu cử, suy cử	Tên gọi trong tôn giáo	Năm sinh	Nơi cư trú	Phẩm vị	Chức vụ trước và sau khi được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử		Địa bàn phụ trách trước và sau khi được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử	
						<i>Trướ c</i>	<i>Sau</i>	<i>Trướ c</i>	<i>Sau</i>
1									
2									

Văn bản kèm theo gồm: Sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp của người được dự kiến bổ nhiệm, bầu cử, suy cử; bản tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo của người được dự kiến bổ nhiệm, bầu cử, suy cử.

TM. TỔ CHỨC ⁽¹⁾

(Chữ ký, dấu)

⁽¹⁾ Địa danh nơi có trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo.

⁽²⁾ Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương đối với trường

hợp bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức việc theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo; cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh đối với trường hợp bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức việc theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo; cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 19 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo đối với trường hợp bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức việc theo quy định tại khoản 3 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

⁽¹⁾ Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo. Đối với tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc người thay mặt tổ chức phải ký tên và đóng dấu.

24. Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (Mã TTHC: 1.012628)

24.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh trước khi thực hiện việc bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức việc có trách nhiệm gửi hồ sơ đăng ký đến Sở Dân tộc và Tôn giáo .

- Bước 2: Sở Dân tộc và Tôn giáo xem xét hồ sơ đăng ký, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho tổ chức để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp từ chối tiếp nhận, giải quyết phải nêu rõ lý do. Thời gian hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết.

- Bước 3: Sở Dân tộc và Tôn giáo phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định hồ sơ (nếu cần). Sau khi thẩm định hồ sơ, Sở Dân tộc và Tôn giáo chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc và gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo để trả cho tổ chức. Trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

24.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo ; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Sở Dân tộc và Tôn giáo tiếp nhận hồ sơ đăng ký, có Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả. Nếu gửi qua đường bưu chính, ngày tiếp nhận hồ sơ được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

24.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:
- + Văn bản đăng ký (theo mẫu);
- + Sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp (cấp trước thời điểm nộp hồ sơ không quá 06 tháng) của người được dự kiến bổ nhiệm, bầu cử, suy cử;
- + Bản tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo của người được dự kiến bổ nhiệm, bầu cử, suy cử.
- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

24.4. Thời hạn giải quyết: 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký

hợp lệ.

24.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức việc.

24.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Dân tộc và Tôn giáo.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Dân tộc và Tôn giáo.

24.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản trả lời chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức việc.

24.8. Lệ phí: Không có.

24.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc (Mẫu B19, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).

24.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.
- Không trong thời gian bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo.
- Không có án tích hoặc không phải là người đang bị buộc tội theo quy định của pháp luật về tổ tụng hình sự.

24.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).
- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...⁽¹⁾... ngày ... tháng ... năm ...

ĐĂNG KÝ

Người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc

Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên tổ chức (chữ in hoa) :⁽³⁾.....

Trụ sở:

**Đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử
 làm chức việc với các nội dung sau:**

TT	Họ và tên người được dự kiến bổ nhiệm, bầu cử, suy cử	Tên gọi trong tôn giáo	Năm sinh	Nơi cư trú	Phẩm vị	Chức vụ trước và sau khi được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử		Địa bàn phụ trách trước và sau khi được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử	
						Trướ c	Sau	Trướ c	Sau
1									
2									
...									

Văn bản kèm theo gồm: Sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp của người được dự kiến bổ nhiệm, bầu cử, suy cử; bản tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo của người được dự kiến bổ nhiệm, bầu cử, suy cử.

TM. TỔ CHỨC ⁽⁴⁾

(Chữ ký, dấu)

⁽¹⁾ Địa danh nơi có trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo.

⁽²⁾ Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương đối với trường

hợp bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức việc theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo; cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh đối với trường hợp bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức việc theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo; cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 19 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo đối với trường hợp bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức việc theo quy định tại khoản 3 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

⁽³⁾ Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo. Đối với tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc người thay mặt tổ chức phải ký tên và đóng dấu.

25. Thủ tục thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Mã TTHC: 1.012626)

25.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày bổ nhiệm, bầu cử, suy cử, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách nhiệm gửi văn bản thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo đến Sở Dân tộc và Tôn giáo .

- Bước 2: Sở Dân tộc và Tôn giáo xem xét, tiếp nhận văn bản thông báo, trường hợp văn bản thông báo chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho tổ chức để bổ sung, hoàn thiện. Trường hợp từ chối tiếp nhận phải nêu rõ lý do.

25.2. Cách thức thực hiện:

Nộp văn bản thông báo trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo ; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Sở Dân tộc và Tôn giáo tiếp nhận văn bản thông báo và có Giấy tiếp nhận. Nếu gửi qua đường bưu chính, ngày tiếp nhận văn bản thông báo được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

25.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Văn bản thông báo (theo mẫu) và các tài liệu kèm theo (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

25.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

25.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức việc theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

25.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận thông báo: Sở Dân tộc và Tôn giáo.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Dân tộc và Tôn giáo.

25.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

Văn bản thông báo được lưu tại Sở Dân tộc và Tôn giáo để thực hiện công tác tham mưu quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.

25.8. Lệ phí: Không có.

25.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Thông báo kết quả người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc (Mẫu B20, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).

25.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc gửi văn bản thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày bổ nhiệm, bầu cử, suy cử.

25.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).
- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...⁽¹⁾..., ngày..., tháng..., năm....

THÔNG BÁO

Kết quả người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc

Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên tổ chức (chữ in hoa):⁽³⁾.....

Trụ sở:.....

**Thông báo kết quả người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử
 làm chức việc với các nội dung sau:**

TT	Họ và tên người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử	Tên gọi trong tôn giáo	Năm sinh	Nơi cư trú	Phẩm vị	Chức vụ được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử	Địa bàn phụ trách
1							
2							
...							
n							

TM. TỔ CHỨC ⁽²⁾

(Chữ ký, dấu)

⁽¹⁾ Địa danh nơi có trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo.

⁽²⁾ Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương đối với trường hợp bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức việc theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo; cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh đối với trường hợp bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức việc theo quy định tại khoản 2

Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo; cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 19 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo đối với trường hợp bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức việc theo quy định tại khoản 3 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

⁽³⁾ Tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo. Đối với tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc người thay mặt tổ chức phải ký tên và đóng dấu.

26. Thủ tục thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (Mã TTHC: 1.012625)

26.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày bổ nhiệm, bầu cử, suy cử, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh có trách nhiệm gửi văn bản thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đến Sở Dân tộc và Tôn giáo .

- Bước 2: Sở Dân tộc và Tôn giáo xem xét, tiếp nhận văn bản thông báo, trường hợp văn bản thông báo chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho tổ chức để bổ sung, hoàn thiện. Trường hợp từ chối tiếp nhận phải nêu rõ lý do.

26.2. Cách thức thực hiện:

Nộp văn bản thông báo trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo ; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Sở Dân tộc và Tôn giáo tiếp nhận văn bản thông báo và có Giấy tiếp nhận. Nếu gửi qua đường bưu chính, ngày tiếp nhận văn bản thông báo được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

26.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Văn bản thông báo (theo mẫu) và các tài liệu kèm theo (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

26.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

26.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức việc.

26.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận thông báo: Sở Dân tộc và Tôn giáo.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Dân tộc và Tôn giáo.

26.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

Văn bản thông báo được lưu tại Sở Dân tộc và Tôn giáo để thực hiện công tác tham mưu quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.

26.8. Lệ phí: Không có.

26.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Thông báo kết quả người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc (Mẫu B20, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).

26.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh có trách nhiệm gửi văn bản thông báo về người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày bổ nhiệm, bầu cử, suy cử.

26.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).
- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...⁽¹⁾... ngày... tháng... năm...

THÔNG BÁO

Kết quả người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc

Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên tổ chức (chữ in hoa):⁽³⁾.....

Trụ sở:.....

**Thông báo kết quả người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử
 làm chức việc với các nội dung sau:**

TT	Họ và tên người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử	Tên gọi trong tôn giáo	Năm sinh	Nơi cư trú	Phẩm vị	Chức vụ được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử	Địa bàn phụ trách
1							
2							

TM. TỔ CHỨC ⁽³⁾

(Chữ ký, dấu)

⁽¹⁾ Địa danh nơi có trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo.

⁽²⁾ Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương đối với trường hợp bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức việc theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của

Luật tín ngưỡng, tôn giáo; cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh đối với trường hợp bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức việc theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo; cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 19 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo đối với trường hợp bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức việc theo quy định tại khoản 3 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

⁽²⁾ Tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo. Đối với tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc người thay mặt tổ chức phải ký tên và đóng dấu.

27. Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Mã TTHC: 1.012624)

27.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày bổ nhiệm, bầu cử, suy cử đối với người dự kiến lãnh đạo của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có trách nhiệm gửi văn bản thông báo đến Sở Dân tộc và Tôn giáo .

- Bước 2: Sở Dân tộc và Tôn giáo xem xét, tiếp nhận văn bản thông báo, trường hợp văn bản thông báo chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho tổ chức để bổ sung, hoàn thiện. Trường hợp từ chối tiếp nhận phải nêu rõ lý do.

27.2. Cách thức thực hiện:

Nộp văn bản thông báo trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo ; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Sở Dân tộc và Tôn giáo tiếp nhận văn bản thông báo và có Giấy tiếp nhận. Nếu gửi qua đường bưu chính, ngày tiếp nhận văn bản thông báo được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

27.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Văn bản thông báo (theo mẫu) và các tài liệu kèm theo (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

27.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

27.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

27.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận thông báo: Sở Dân tộc và Tôn giáo.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Dân tộc và Tôn giáo.

27.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

Văn bản thông báo được lưu tại Sở Dân tộc và Tôn giáo để thực hiện công tác tham mưu quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.

27.8. Lệ phí: Không có.

27.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Thông báo kết quả người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc (Mẫu B20, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).

27.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức việc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh có trách nhiệm gửi văn bản thông báo đến Sở Dân tộc và Tôn giáo.

27.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).
- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**...⁽¹⁾... ngày.....tháng.....năm.....**THÔNG BÁO****Kết quả người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc**Kính gửi:⁽²⁾.....Tên tổ chức (chữ in hoa):⁽³⁾.....

Trụ sở:.....

**Thông báo kết quả người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử
làm chức việc với các nội dung sau:**

TT	Họ và tên người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử	Tên gọi trong tôn giáo	Năm sinh	Nơi cư trú	Phẩm vị	Chức vụ được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử	Địa bàn phụ trách
1							
2							
...							
n							

TM. TỔ CHỨC ⁽⁴⁾*(Chữ ký, dấu)*

⁽¹⁾ Địa danh nơi có trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo.

⁽²⁾ Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương đối với trường hợp bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức việc theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của

Luật tín ngưỡng, tôn giáo; cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh đối với trường hợp bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức việc theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo; cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 19 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo đối với trường hợp bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức việc theo quy định tại khoản 3 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

¹⁾ Tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo. Đối với tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc người thay mặt tổ chức phải ký tên và đóng dấu.

28. Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 điều 34 của luật tín ngưỡng, tôn giáo (Mã TTHC: 1.012622)

28.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người dự kiến lãnh đạo tổ chức theo quy định tại Điều 22 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo, tổ chức tôn giáo có trách nhiệm gửi văn bản thông báo đến Sở Dân tộc và Tôn giáo .

- Bước 2: Sở Dân tộc và Tôn giáo xem xét, tiếp nhận văn bản thông báo, trường hợp văn bản thông báo chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho tổ chức để bổ sung, hoàn thiện. Trường hợp từ chối tiếp nhận phải nêu rõ lý do.

28.2. Cách thức thực hiện:

Nộp văn bản thông báo trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo ; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Sở Dân tộc và Tôn giáo tiếp nhận văn bản thông báo và có Giấy tiếp nhận. Nếu gửi qua đường bưu chính, ngày tiếp nhận văn bản thông báo được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

28.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Văn bản thông báo (theo mẫu) và các tài liệu kèm theo (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

28.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

28.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

28.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận thông báo: Sở Dân tộc và Tôn giáo.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Dân tộc và Tôn giáo.

28.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

Văn bản thông báo được lưu tại Sở Dân tộc và Tôn giáo để thực hiện công tác tham mưu quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.

28.8. Lệ phí: Không có.

28.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Thông báo kết quả người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc (Mẫu B20, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).

28.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức theo quy định tại Điều 22 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo, tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh có trách nhiệm gửi văn bản thông báo.

28.11 Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).
- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...⁽¹⁾..., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO

Kết quả người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc

Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên tổ chức (chữ in hoa):⁽¹⁾.....

Trụ sở:.....

**Thông báo kết quả người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử
 làm chức việc với các nội dung sau:**

TT	Họ và tên người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử	Tên gọi trong tôn giáo	Năm sinh	Nơi cư trú	Phẩm vị	Chức vụ được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử	Địa bàn phụ trách
1							
2							
n							

TM. TỔ CHỨC ⁽²⁾

(Chữ ký, dấu)

⁽¹⁾ Địa danh nơi có trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo.

⁽²⁾ Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương đối với trường hợp bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức việc theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo; cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh đối với trường hợp bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức việc theo quy định tại khoản 2

Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo; cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 19 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo đối với trường hợp bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức việc theo quy định tại khoản 3 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

⁽¹⁾ Tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo. Đối với tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc người thay mặt tổ chức phải ký tên và đóng dấu.

29. Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Mã TTHC: 1.012621)

29.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người dự kiến lãnh đạo tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách nhiệm gửi văn bản thông báo đến Sở Dân tộc và Tôn giáo

- Bước 2: Sở Dân tộc và Tôn giáo xem xét, tiếp nhận văn bản thông báo, trường hợp văn bản thông báo chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho tổ chức để bổ sung, hoàn thiện. Trường hợp từ chối tiếp nhận phải nêu rõ lý do.

29.2. Cách thức thực hiện:

Nộp văn bản thông báo trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo ; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Sở Dân tộc và Tôn giáo tiếp nhận văn bản thông báo và có Giấy tiếp nhận. Nếu gửi qua đường bưu chính, ngày tiếp nhận văn bản thông báo được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

29.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Văn bản thông báo (theo mẫu) và các tài liệu kèm theo (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

29.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

29.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức theo quy định tại khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

29.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận thông báo: Sở Dân tộc và Tôn giáo.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Dân tộc và Tôn giáo.

29.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

Văn bản thông báo được lưu tại Sở Dân tộc và Tôn giáo để thực hiện công tác tham mưu quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.

29.8. Lệ phí: Không có.**29.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Thông báo kết quả người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc (Mẫu B20, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).

29.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh có trách nhiệm gửi văn bản thông báo đến Sở Dân tộc và Tôn giáo.

29.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).
- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...⁽¹⁾..., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO

Kết quả người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc

Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên tổ chức (chữ in hoa):⁽³⁾.....

Trụ sở:.....

**Thông báo kết quả người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử
 làm chức việc với các nội dung sau:**

TT	Họ và tên người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử	Tên gọi trong tôn giáo	Năm sinh	Nơi cư trú	Phẩm vị	Chức vụ được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử	Địa bàn phụ trách
1							
2							
...							
n							

TM. TỔ CHỨC ⁽³⁾

(Chữ ký, dấu)

⁽¹⁾ Địa danh nơi có trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo.

⁽²⁾ Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương đối với trường hợp bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức việc theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo; cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh đối với trường hợp bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức việc theo quy định tại khoản 2

Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo; cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 19 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo đối với trường hợp bổ nhiệm, bầu cử, suy cử chức việc theo quy định tại khoản 3 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

⁽¹⁾ Tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo. Đối với tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc người thay mặt tổ chức phải ký tên và đóng dấu.

30. Thủ tục thông báo chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành (Mã TTHC: 1.012620)

30.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chậm nhất là 20 ngày trước khi chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách nhiệm gửi văn bản thông báo đến Sở Dân tộc và Tôn giáo nơi đi và nơi đến.

- Bước 2: Sở Dân tộc và Tôn giáo xem xét, tiếp nhận văn bản thông báo, trường hợp văn bản thông báo chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho tổ chức để bổ sung, hoàn thiện. Trường hợp từ chối tiếp nhận phải nêu rõ lý do.

30.2. Cách thức thực hiện:

Nộp văn bản thông báo trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo ; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Sở Dân tộc và Tôn giáo tiếp nhận văn bản thông báo và có Giấy tiếp nhận. Nếu gửi qua đường bưu chính, ngày tiếp nhận văn bản thông báo được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

30.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Văn bản thông báo (theo mẫu) và các tài liệu kèm theo (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

30.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

30.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có chức sắc, chức việc, nhà tu hành chuyển.

30.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận thông báo: Sở Dân tộc và Tôn giáo.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Dân tộc và Tôn giáo.

30.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

Văn bản thông báo được lưu tại Sở Dân tộc và Tôn giáo để thực hiện công tác tham mưu quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.

30.8. Lệ phí: Không có.

30.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Thông báo chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành (Mẫu B21, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).

30.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Chậm nhất là 20 ngày trước khi chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành.

30.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).
- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...⁽¹⁾... ngày tháng năm

THÔNG BÁO
Thuyên chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành

Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên tổ chức (chữ in hoa):⁽³⁾.....

Trụ sở:

Thông báo thuyên chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành
với các nội dung sau:

Người được thuyên chuyển:

- Họ và tên:

- Tên gọi trong tôn giáo (nếu có):

- Số CMTND/CCCD:

- Chức vụ, phẩm vị (nếu có):

Lý do thuyên chuyển:

.....

.....

.....

.....

Địa bàn hoạt động tôn giáo trước khi thuyên chuyển:

Địa bàn hoạt động tôn giáo sau khi được thuyên chuyển đến:

Dự kiến thời điểm thuyên chuyển:

TM. TỔ CHỨC ⁽⁴⁾

(Chữ ký, dấu)

- (1) Địa danh nơi có trụ sở của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc.
- (2) Cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh nơi thuyền chuyển đi và nơi thuyền chuyển đến.
- (3) Tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc.

31. Thủ tục thông báo cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 điều 33 và khoản 2 điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Mã TTHC: 1.012619)

31.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày có văn bản về việc cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc theo quy định tại khoản 2 Điều 33 và khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách nhiệm gửi văn bản thông báo đến đến Sở Dân tộc và Tôn giáo .

- Bước 2: Sở Dân tộc và Tôn giáo xem xét, tiếp nhận văn bản thông báo, trường hợp văn bản thông báo chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho tổ chức để bổ sung, hoàn thiện. Trường hợp từ chối tiếp nhận phải nêu rõ lý do.

31.2. Cách thức thực hiện:

Nộp văn bản thông báo trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo ; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Sở Dân tộc và Tôn giáo tiếp nhận văn bản thông báo và có Giấy tiếp nhận. Nếu gửi qua đường bưu chính, ngày tiếp nhận văn bản thông báo được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

31.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:
- + Văn bản thông báo (theo mẫu);
- + Văn bản của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc về việc cách chức, bãi nhiệm.
- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

31.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

31.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 và khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

31.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận thông báo: Sở Dân tộc và Tôn giáo.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Dân tộc và Tôn giáo.

31.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

Văn bản thông báo được lưu tại Sở Dân tộc và Tôn giáo để thực hiện công tác tham mưu quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.

31.8. Lệ phí: Không có.

31.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Thông báo cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc (Mẫu B23, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).

31.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày có văn bản về việc cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc theo quy định tại khoản 2 Điều 33 và khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách nhiệm gửi văn bản thông báo đến Sở Dân tộc và Tôn giáo.

31.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).
- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**...⁽¹⁾..., ngày.....tháng.....năm.....**THÔNG BÁO****Cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc**Kính gửi:⁽²⁾.....Tên tổ chức (chữ in hoa):⁽³⁾.....

Trụ sở:

**Thông báo về việc cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc
với các nội dung sau:**

Người bị cách chức, bãi nhiệm:

- Họ và tên:

- Tên gọi trong tôn giáo (nếu có):

- Số CMTND/CCCD:

- Chức vụ, phẩm vị (nếu có):

Lý do cách chức, bãi nhiệm:

.....

.....

Thời điểm cách chức, bãi nhiệm:

Văn bản kèm theo gồm: Văn bản của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc về việc cách chức, bãi nhiệm.

TM. TỔ CHỨC ⁽⁴⁾*(Chữ ký, dấu)*⁽¹⁾ Địa danh nơi có trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo.⁽²⁾ Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương đối với việc cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc theo quy định tại khoản 1 Điều 33, khoản 1 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo và đối với việc cách chức, bãi

nhiệm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh; cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh đối với việc cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc theo quy định tại khoản 2 Điều 33, khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo và đối với việc cách chức, bãi nhiệm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh.

⁽²⁾ Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo.

32. Thủ tục thông báo cách chức, bãi nhiệm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (Mã TTHC: 1.012617)

32.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày có văn bản về việc cách chức, bãi nhiệm chức việc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh có trách nhiệm gửi văn bản thông báo đến Sở Dân tộc và Tôn giáo.

- Bước 2: Sở Dân tộc và Tôn giáo xem xét, tiếp nhận văn bản thông báo, trường hợp văn bản thông báo chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho tổ chức để bổ sung, hoàn thiện. Trường hợp từ chối tiếp nhận phải nêu rõ lý do.

32.2. Cách thức thực hiện:

Nộp văn bản thông báo trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Sở Dân tộc và Tôn giáo tiếp nhận văn bản thông báo và có Giấy tiếp nhận. Nếu gửi qua đường bưu chính, ngày tiếp nhận văn bản thông báo được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

32.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:
- + Văn bản thông báo (theo mẫu);
- + Văn bản của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo về việc cách chức, bãi nhiệm.
- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

32.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

32.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh cách chức, bãi nhiệm chức việc.

32.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận thông báo: Sở Dân tộc và Tôn giáo.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Dân tộc và Tôn giáo.

32.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

Văn bản thông báo được lưu tại Sở Dân tộc và Tôn giáo để thực hiện công tác tham mưu quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.

32.8. Lệ phí: Không có.

32.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Thông báo cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc (Mẫu B23, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).

32.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Chậm nhất là 20 ngày kể từ ngày có văn bản về việc cách chức, bãi nhiệm chức việc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh có trách nhiệm gửi văn bản thông báo đến Sở Dân tộc và Tôn giáo.

32.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).
- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

33. Thủ tục đăng ký mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo (Mã TTHC: 1.012616)

33.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo có trách nhiệm gửi văn bản đăng ký đến Sở Dân tộc và Tôn giáo nơi mở lớp.

- Bước 2: Sở Dân tộc và Tôn giáo xem xét văn bản đăng ký, trường hợp văn bản đăng ký chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho tổ chức để bổ sung, hoàn thiện. Trường hợp từ chối tiếp nhận, giải quyết phải nêu rõ lý do. Thời gian hoàn thiện văn bản đăng ký không tính vào thời hạn giải quyết.

- Bước 3: Sở Dân tộc và Tôn giáo phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định văn bản đăng ký (nếu cần). Sau khi thẩm định, Sở Dân tộc và Tôn giáo chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc đăng ký mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo và gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo để trả cho tổ chức. Trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

33.2. Cách thức thực hiện:

Nộp văn bản đăng ký trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo ; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Sở Dân tộc và Tôn giáo tiếp nhận văn bản đăng ký, có Giấy tiếp nhận văn bản đăng ký và hẹn ngày trả kết quả. Nếu gửi qua đường bưu chính, ngày tiếp nhận văn bản đăng ký được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

33.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:
 - + Văn bản đăng ký (theo mẫu);
 - + Chương trình; danh sách giảng viên.
- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

33.4. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ văn bản đăng ký hợp lệ.

33.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho những người chuyên hoạt

động tôn giáo.

33.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Dân tộc và Tôn giáo.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Dân tộc và Tôn giáo.

33.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản trả lời chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyển hoạt động tôn giáo.

33.8. Lệ phí: Không có.

33.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đăng ký mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyển hoạt động tôn giáo (Mẫu B27, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).

33.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

33.11 Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).
- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...⁽¹⁾..., ngày.....tháng.....năm.....

ĐĂNG KÝ

Mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo

Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên tổ chức (chữ in hoa):.....⁽³⁾.....

Trụ sở:

**Đăng ký mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo
cho người chuyên hoạt động tôn giáo với các nội dung sau:**

Tên lớp:

Địa điểm mở lớp:.....⁽⁴⁾.....

Lý do mở lớp:.....

Thời gian học:

Nội dung học:

Thành phần, số lượng tham dự:.....

Hình thức mở lớp bồi dưỡng⁽⁵⁾:.....

Văn bản kèm theo gồm: Chương trình; danh sách giảng viên.

TM. TỔ CHỨC ⁽⁶⁾

(Chữ ký, dấu)

- (1) Địa danh nơi có trụ sở của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc.
- (2) Cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh nơi mở lớp.
- (3) Tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc.
- (4) Đối với các lớp học trực tiếp tại nơi diễn ra hoạt động bồi dưỡng.
- (5) Trực tiếp hoặc trực tuyến; kết hợp cả trực tiếp và trực tuyến.

34. Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh (Mã TTHC: 1.012615)

34.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày được công nhận, chấp thuận hoặc được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh có trách nhiệm gửi văn bản thông báo về danh mục hoạt động tôn giáo diễn ra hằng năm đến Sở Dân tộc và Tôn giáo .

- Bước 2: Sở Dân tộc và Tôn giáo xem xét, tiếp nhận văn bản thông báo, trường hợp văn bản thông báo chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho tổ chức để bổ sung, hoàn thiện. Trường hợp từ chối tiếp nhận phải nêu rõ lý do.

34.2. Cách thức thực hiện:

Nộp văn bản thông báo trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo ; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Sở Dân tộc và Tôn giáo tiếp nhận văn bản thông báo và có Giấy tiếp nhận. Nếu gửi qua đường bưu chính, ngày tiếp nhận văn bản thông báo được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

34.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Văn bản thông báo (theo mẫu) và các tài liệu kèm theo (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

34.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

34.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh.

34.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận thông báo: Sở Dân tộc và Tôn giáo.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Dân tộc và Tôn giáo.

34.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

Văn bản thông báo được lưu tại Sở Dân tộc và Tôn giáo để thực hiện công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.

34.8. Lệ phí: Không có.**34.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo hằng năm hoặc danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung (Mẫu B30, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).

34.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày được công nhận, chấp thuận hoặc được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh có trách nhiệm gửi văn bản thông báo danh mục hoạt động tôn giáo diễn ra hằng năm đến Sở Dân tộc và Tôn giáo .

- Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày Luật tín ngưỡng, tôn giáo có hiệu lực, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức đã được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh trước ngày Luật có hiệu lực có trách nhiệm thông báo danh mục hoạt động tôn giáo diễn ra hằng năm đến Sở Dân tộc và Tôn giáo .

- Việc thông báo danh mục hoạt động tôn giáo diễn ra hằng năm chỉ thực hiện một lần.

34.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).

- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...⁽¹⁾..., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO

**Danh mục hoạt động tôn giáo hằng năm
hoặc danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung**

Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên tổ chức (chữ in hoa):.....⁽³⁾.....

Trụ sở:.....

Thông báo danh mục hoạt động ...⁽⁴⁾... với các nội dung sau:

TT	Tên các hoạt động tôn giáo	Thời gian tổ chức	Địa điểm diễn ra hoạt động tôn giáo	Ghi chú
1				
2				
...				
n				

TM. TỔ CHỨC ⁽⁵⁾

(Chữ ký, dấu)

⁽¹⁾ Địa danh nơi có trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo.

⁽²⁾ Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương đối với việc thông báo danh mục hoạt động tôn giáo (hoặc hoạt động tôn giáo bổ sung) của tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều tỉnh; cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh đối với việc thông báo danh mục hoạt động tôn giáo (hoặc hoạt động tôn giáo bổ sung) của tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở

nhiều huyện thuộc một tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với việc thông báo danh mục hoạt động tôn giáo (hoặc hoạt động tôn giáo bổ sung) của tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã đối với việc thông báo danh mục hoạt động tôn giáo (hoặc hoạt động tôn giáo bổ sung) của tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã.

⁽¹⁾ Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo.

⁽⁴⁾ Hoạt động tôn giáo hằng năm hoặc hoạt động tôn giáo bổ sung.

35. Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh (Mã TTHC: 1.012613)

35.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chậm nhất là 20 ngày trước khi diễn ra hoạt động tôn giáo không có trong danh mục đã thông báo, người đại diện của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh có trách nhiệm gửi văn bản thông báo bổ sung đến Sở Dân tộc và Tôn giáo.

- Bước 2: Sở Dân tộc và Tôn giáo xem xét, tiếp nhận văn bản thông báo, trường hợp văn bản thông báo chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho tổ chức để bổ sung, hoàn thiện. Trường hợp từ chối tiếp nhận phải nêu rõ lý do.

35.2. Cách thức thực hiện:

Nộp văn bản thông báo trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Sở Dân tộc và Tôn giáo tiếp nhận văn bản thông báo và có Giấy tiếp nhận. Nếu gửi qua đường bưu chính, ngày tiếp nhận văn bản thông báo được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

35.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Văn bản thông báo (theo mẫu) và các tài liệu kèm theo (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

35.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

35.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người đại diện của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung.

35.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận thông báo: Sở Dân tộc và Tôn giáo.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Dân tộc và Tôn giáo.

35.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

Văn bản thông báo được lưu tại Sở Dân tộc và Tôn giáo để thực hiện công tác tham mưu quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.

35.8. Lệ phí: Không có.

35.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo hằng năm hoặc danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung (Mẫu B30, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).

35.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Chậm nhất là 20 ngày trước khi diễn ra hoạt động tôn giáo không có trong danh mục đã được thông báo, người đại diện của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh có trách nhiệm gửi văn bản thông báo bổ sung đến Sở Dân tộc và Tôn giáo.

35.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).
- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...⁽¹⁾..., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO

**Danh mục hoạt động tôn giáo hằng năm
hoặc danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung**

Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên tổ chức (chữ in hoa):.....⁽³⁾.....

Trụ sở:.....

Thông báo danh mục hoạt động ...⁽⁴⁾... với các nội dung sau:

TT	Tên các hoạt động tôn giáo	Thời gian tổ chức	Địa điểm diễn ra hoạt động tôn giáo	Ghi chú
1				
2				
...				
n				

TM. TỔ CHỨC ⁽²⁾

(Chữ ký, dấu)

⁽¹⁾ Địa danh nơi có trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo.

⁽²⁾ Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương đối với việc thông báo danh mục hoạt động tôn giáo (hoặc hoạt động tôn giáo bổ sung) của tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều tỉnh; cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh đối với việc thông báo danh mục hoạt động tôn giáo (hoặc hoạt động tôn giáo bổ sung) của tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở

nhiều huyện thuộc một tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với việc thông báo danh mục hoạt động tôn giáo (hoặc hoạt động tôn giáo bổ sung) của tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã đối với việc thông báo danh mục hoạt động tôn giáo (hoặc hoạt động tôn giáo bổ sung) của tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã.

⁽³⁾ Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo.

⁽⁴⁾ Hoạt động tôn giáo hằng năm hoặc hoạt động tôn giáo bổ sung.

36. Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh (Mã TTHC: 1.012608)

36.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chậm nhất là 20 ngày trước ngày tổ chức hội nghị, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh có trách nhiệm gửi văn bản thông báo về việc tổ chức hội nghị thường niên đến Sở Dân tộc và Tôn giáo.

- Bước 2: Sở Dân tộc và Tôn giáo xem xét, tiếp nhận văn bản thông báo, trường hợp văn bản thông báo chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho tổ chức để bổ sung, hoàn thiện. Trường hợp từ chối tiếp nhận phải nêu rõ lý do.

36.2. Cách thức thực hiện:

Nộp văn bản thông báo trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Sở Dân tộc và Tôn giáo tiếp nhận văn bản thông báo và có Giấy tiếp nhận. Nếu gửi qua đường bưu chính, ngày tiếp nhận văn bản thông báo được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

36.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:
- + Văn bản thông báo (theo mẫu);
- + Dự kiến thành phần, số lượng người tham dự; chương trình tổ chức hội nghị thường niên.
- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

36.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

36.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh tổ chức hội nghị thường niên.

36.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận thông báo: Sở Dân tộc và Tôn giáo.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Dân tộc và Tôn giáo.

36.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

Văn bản thông báo được lưu tại Sở Dân tộc và Tôn giáo để thực hiện công tác tham mưu quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.

36.8. Lệ phí: Không có.

36.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Thông báo tổ chức hội nghị thường niên (Mẫu B31, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).

36.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Chậm nhất là 20 ngày trước ngày tổ chức hội nghị, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh có trách nhiệm gửi văn bản thông báo về việc tổ chức hội nghị thường niên đến Sở Dân tộc và Tôn giáo .

36.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).

- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...⁽¹⁾..., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO
Tổ chức hội nghị thường niên

Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên tổ chức (chữ in hoa):⁽³⁾.....

Trụ sở:

Thông báo về việc tổ chức hội nghị thường niên với các nội dung sau:

Nội dung:

Thời gian:

Địa điểm:

Hình thức tổ chức:⁽⁴⁾.....

Văn bản kèm theo gồm: Dự kiến thành phần, số lượng người tham dự; chương trình tổ chức hội nghị thường niên.

TM. TỔ CHỨC ⁽⁵⁾
(Ký, ghi rõ họ tên, dấu)

⁽¹⁾ Địa danh nơi có trụ sở của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc.

⁽²⁾ Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương đối với việc tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở

nhiều tỉnh; cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh đối với việc tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với việc tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện.

⁽³⁾ Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo.

⁽⁴⁾ Trực tiếp hoặc trực tuyến; kết hợp cả trực tiếp và trực tuyến.

37. Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh (Mã TTHC: 1.012607)

37.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh trước khi tổ chức đại hội có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến Sở Dân tộc và Tôn giáo .

- Bước 2: Sở Dân tộc và Tôn giáo xem xét hồ sơ đề nghị, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho tổ chức để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp từ chối tiếp nhận, giải quyết phải nêu rõ lý do. Thời gian hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết.

- Bước 3: Sở Dân tộc và Tôn giáo phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định hồ sơ (nếu cần). Sau khi thẩm định hồ sơ, Sở Dân tộc và Tôn giáo chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc về việc tổ chức đại hội và gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo để trả cho tổ chức. Trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

37.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo ; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Sở Dân tộc và Tôn giáo tiếp nhận hồ sơ đề nghị, có Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả. Nếu gửi qua đường bưu chính, ngày tiếp nhận hồ sơ được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

37.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:
- + Văn bản đề nghị (theo mẫu);
- + Chương trình tổ chức đại hội; dự kiến thành phần, số lượng người tham dự;
- + Báo cáo tổng kết hoạt động của tổ chức;
- + Dự thảo hiến chương hoặc hiến chương sửa đổi (nếu có).
- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

37.4. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ.

37.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh tổ chức đại hội.

37.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Dân tộc và Tôn giáo.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Dân tộc và Tôn giáo.

37.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản trả lời chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc tổ chức đại hội.

37.8. Lệ phí: Không có.

37.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đề nghị về việc tổ chức đại hội (Mẫu B33, Phụ lục Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).

37.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

37.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).
- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...⁽¹⁾..., ngày...tháng.....năm.....

ĐỀ NGHỊ
Tổ chức đại hội.....

Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên tổ chức (chữ in hoa):⁽³⁾.....

Trụ sở:

Đề nghị tổ chức đại hội với các nội dung sau:

Lý do tổ chức:

Thời gian:

Địa điểm:

Thành phần:.....

Nội dung:

Hình thức tổ chức:⁽⁴⁾.....

Văn bản kèm theo gồm: Chương trình tổ chức đại hội; dự kiến thành phần, số lượng người tham dự; báo cáo tổng kết hoạt động của tổ chức; dự thảo hiến chương hoặc hiến chương sửa đổi (nếu có).

TM. TỔ CHỨC ⁽²⁾

(Ký, ghi rõ họ tên, dấu)

⁽¹⁾ Địa danh nơi có trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo.

⁽²⁾ Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương đối với việc tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh; cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh đối với việc tổ chức đại hội của

tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc; tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với việc tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện.

⁽³⁾ Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo.

⁽⁴⁾ Trực tiếp hoặc trực tuyến; kết hợp cả trực tiếp và trực tuyến.

38. Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh (Mã TTHC: 1.012606)

38.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trước khi tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị đến Sở Dân tộc và Tôn giáo nơi dự kiến tổ chức.

- Bước 2: Sở Dân tộc và Tôn giáo xem xét văn bản đề nghị, trường hợp văn bản đề nghị chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho tổ chức để bổ sung, hoàn thiện văn bản đề nghị. Trường hợp từ chối tiếp nhận, giải quyết phải nêu rõ lý do. Thời gian hoàn thiện văn bản đề nghị không tính vào thời hạn giải quyết.

- Bước 3: Sở Dân tộc và Tôn giáo phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định văn bản đề nghị (nếu cần). Sau khi thẩm định văn bản đề nghị, Sở Dân tộc và Tôn giáo chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký và gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo để trả cho tổ chức. Trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

38.2. Cách thức thực hiện:

Nộp văn bản đề nghị trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo ; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Sở Dân tộc và Tôn giáo tiếp nhận văn bản đề nghị, có Giấy tiếp nhận văn bản đề nghị và hẹn ngày trả kết quả. Nếu gửi qua đường bưu chính, ngày tiếp nhận văn bản đề nghị được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

38.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:
- + Văn bản đề nghị (theo mẫu);
- + Chương trình tổ chức cuộc lễ; dự kiến thành phần tham dự cuộc lễ.
- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

38.4. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ văn bản đề nghị

hợp lệ.

38.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh.

38.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Dân tộc và Tôn giáo.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Dân tộc và Tôn giáo.

38.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản trả lời chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký.

38.8. Lệ phí: Không có.

38.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo hoặc địa điểm hợp pháp đã đăng ký (Mẫu B34, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).

38.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

38.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).
- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...⁽¹⁾..., ngày.....tháng.....năm.....

ĐỀ NGHỊ

Tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo hoặc địa điểm hợp pháp đã đăng ký

Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên tổ chức (chữ in hoa):⁽³⁾.....

Trụ sở:

Đề nghị về việc tổ chức cuộc lễ ...⁽⁴⁾... với các nội dung sau:

Tên cuộc lễ:

Người chủ trì:

Thời gian thực hiện:

Địa điểm thực hiện:

Nội dung:

Quy mô:

Hình thức tổ chức⁽⁵⁾:

Văn bản kèm theo gồm: Chương trình tổ chức cuộc lễ; dự kiến thành phần tham dự cuộc lễ.

TM. TỔ CHỨC ⁽⁶⁾

(Chữ ký, dấu)

⁽¹⁾ Địa danh nơi có trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo.

⁽²⁾ Cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh nơi dự kiến tổ chức cuộc lễ đối với cuộc lễ có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với cuộc lễ có quy mô tổ chức ở một huyện.

- ⁽³⁾ Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo. Đối với tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người thay mặt tổ chức phải ký tên và đóng dấu.
- ⁽⁴⁾ Tên cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo hoặc địa điểm hợp pháp đã đăng ký.
- ⁽⁵⁾ Trực tiếp hoặc trực tuyến; kết hợp cả trực tiếp và trực tuyến.

39. Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh (Mã TTHC: 1.012605)

39.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trước khi giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh, chức sắc, chức việc, nhà tu hành có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị đến Sở Dân tộc và Tôn giáo.

- Bước 2: Sở Dân tộc và Tôn giáo xem xét văn bản đề nghị, trường hợp văn bản đề nghị chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho chức sắc, chức việc, nhà tu hành để bổ sung, hoàn thiện văn bản đề nghị. Trường hợp từ chối tiếp nhận, giải quyết phải nêu rõ lý do. Thời gian hoàn thiện văn bản đề nghị không tính vào thời hạn giải quyết.

- Bước 3: Sở Dân tộc và Tôn giáo phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định văn bản đề nghị (nếu cần). Sau khi thẩm định văn bản đề nghị, Sở Dân tộc và Tôn giáo chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký và gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo để trả cho chức sắc, chức việc, nhà tu hành. Trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

39.2. Cách thức thực hiện:

Nộp văn bản đề nghị trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Sở Dân tộc và Tôn giáo tiếp nhận văn bản đề nghị, có Giấy tiếp nhận văn bản đề nghị và hẹn ngày trả kết quả. Nếu gửi qua đường bưu chính, ngày tiếp nhận văn bản đề nghị được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

39.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:
- + Văn bản đề nghị (theo mẫu);
- + Chương trình tổ chức; nội dung; thành phần tham dự.
- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

39.4. Thời hạn giải quyết: 30 ngày kể từ ngày nhận đủ văn bản đề nghị hợp lệ.

39.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chức sắc, chức việc, nhà tu hành giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký.

39.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Dân tộc và Tôn giáo.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Dân tộc và Tôn giáo.

39.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản trả lời chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký.

39.8. Lệ phí: Không có.

39.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo hoặc địa điểm hợp pháp đã đăng ký (Mẫu B35, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).

39.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

39.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).
- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...⁽¹⁾... ngày ... tháng ... năm ...

ĐỀ NGHỊ

**Giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo
 hoặc địa điểm hợp pháp đã đăng ký**

Kính gửi:.....⁽²⁾.....

Họ và tên người đề nghị:.....

Chức vụ, phẩm vị:.....

Địa bàn phụ trách:.....

Thuộc tổ chức⁽³⁾.....

Trụ sở:

Đăng ký giảng đạo ...⁽⁴⁾... với các nội dung sau:

Lý do:

Thời gian:

Địa điểm thực hiện:

Hình thức tổ chức:.....⁽⁵⁾.....

Văn bản kèm theo gồm: Chương trình tổ chức; nội dung; thành phần tham dự.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)

⁽¹⁾ Địa danh nơi chức sắc, chức việc, nhà tu hành hoạt động tôn giáo.

⁽²⁾ Cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh nơi dự kiến giảng đạo đối với việc giảng đạo có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với việc giảng đạo có quy mô tổ chức ở một huyện.

⁽³⁾ Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo.

⁽⁴⁾ Giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo hoặc địa điểm hợp pháp đã đăng ký.

⁽⁵⁾ Trực tiếp hoặc trực tuyến; kết hợp cả trực tiếp và trực tuyến.

40. Thủ tục thông báo về việc tiếp nhận tài trợ của tổ chức, cá nhân nước ngoài để hỗ trợ hoạt động đào tạo, bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở tôn giáo; tổ chức các nghi lễ tôn giáo hoặc cuộc lễ tôn giáo; xuất bản, nhập khẩu kinh sách, văn hóa phẩm tôn giáo, đồ dùng tôn giáo của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (Mã TTHC: 1.012604)

40.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: 20 ngày trước khi tiếp nhận tài trợ của tổ chức, cá nhân nước ngoài để hỗ trợ hoạt động đào tạo, bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở tôn giáo; tổ chức các nghi lễ tôn giáo hoặc cuộc lễ tôn giáo; xuất bản, nhập khẩu kinh sách, văn hóa phẩm tôn giáo, đồ dùng tôn giáo, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh có trách nhiệm gửi văn bản thông báo về việc tiếp nhận tài trợ đến Sở Dân tộc và Tôn giáo nơi đặt trụ sở.

- Bước 2: Sở Dân tộc và Tôn giáo xem xét, tiếp nhận văn bản thông báo, trường hợp văn bản thông báo chưa đầy đủ, hợp lệ, Sở Dân tộc và Tôn giáo hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho tổ chức để bổ sung, hoàn thiện. Trường hợp từ chối tiếp nhận phải nêu rõ lý do.

40.2. Cách thức thực hiện:

Nộp văn bản thông báo trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của tỉnh hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Sở Dân tộc và Tôn giáo; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Sở Dân tộc và Tôn giáo tiếp nhận văn bản thông báo và có Giấy tiếp nhận. Nếu gửi qua đường bưu chính, ngày tiếp nhận văn bản thông báo được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

40.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:
- + Văn bản thông báo (theo mẫu);
- + Bản cam kết của tổ chức, cá nhân nước ngoài tài trợ về nguồn gốc các khoản tài trợ đã hoàn thành nghĩa vụ về thuế và tuân thủ quy định của pháp luật của nước sở tại trước khi thực hiện hoạt động tài trợ.
- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

40.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

40.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh khi tiếp nhận tài trợ của tổ chức, cá nhân nước ngoài.

40.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận thông báo: Sở Dân tộc và Tôn giáo.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Dân tộc và Tôn giáo.

40.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

Văn bản thông báo được lưu tại Sở Dân tộc và Tôn giáo để thực hiện công tác tham mưu quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.

40.8. Lệ phí: Không có.

40.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Thông báo về việc tiếp nhận tài trợ của tổ chức, cá nhân nước ngoài (Mẫu B50, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ);

40.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc tiếp nhận và quản lý các khoản tài trợ của tổ chức, cá nhân nước ngoài để hỗ trợ hoạt động đào tạo, bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyển hoạt động tôn giáo; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới cơ sở tôn giáo; tổ chức các nghi lễ tôn giáo hoặc cuộc lễ tôn giáo; xuất bản, nhập khẩu kinh sách, văn hóa phẩm tôn giáo, đồ dùng tôn giáo phải công khai, minh bạch, đúng mục đích, thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan. Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với việc tiếp nhận, quản lý các khoản tài trợ.

- Sau khi kết thúc việc tiếp nhận tài trợ (đối với hiện vật) và sử dụng các khoản tài trợ (đối với khoản tài trợ bằng tiền), trong thời hạn 20 ngày, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc tiếp nhận tài trợ có trách nhiệm gửi báo cáo kết quả sử dụng các khoản tài trợ cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo. Báo cáo nêu rõ các khoản đã chi, thời gian chi (đối với các khoản tài trợ bằng tiền) và các nội dung được quy định trong văn bản thông báo quy định tại khoản 3 Điều 26 Nghị định số 95/2023/NĐ-CP. Đối với các khoản tài trợ tiếp nhận, sử dụng có thời hạn quá 12 tháng kể từ ngày tiếp nhận thì tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc gửi báo cáo tiến độ sử dụng hằng năm đến cơ quan nhà nước có thẩm

quyền quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị định số 95/2023/NĐ-CP.

- Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc tiếp nhận, quản lý, sử dụng các khoản tài trợ không đúng quy định tại Điều này và các quy định của pháp luật có liên quan thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận thông báo tài trợ có văn bản yêu cầu tổ chức dừng tiếp nhận, quản lý, sử dụng các khoản tài trợ và xử lý theo quy định của pháp luật.

40.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).
- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**.....⁽¹⁾..... ngày..... tháng..... năm.....**THÔNG BÁO****Về việc tiếp nhận tài trợ của tổ chức, cá nhân nước ngoài**Kính gửi:⁽²⁾.....Tên (chữ in hoa):⁽³⁾.....

Trụ sở chính:.....

Người đại diện:

- Họ và tên:
- Tên gọi trong tôn giáo (nếu có):
- Số CMTND/CCCD:
- Chức vụ, phẩm vị (nếu có):

Thông báo về việc tiếp nhận tài trợ của tổ chức,**cá nhân nước ngoài với các nội dung sau:**

Tên của tổ chức, cá nhân nước ngoài tài trợ (chữ in hoa):

Trụ sở của tổ chức nước ngoài tài trợ:.....

Người đại diện:

- Họ và tên:
- Năm sinh:
- Tên gọi trong tôn giáo (nếu có):
- Quốc tịch:
- Số hộ chiếu:

Mục đích tiếp nhận tài trợ:

Thời gian thực hiện tiếp nhận tài trợ:

.....

Cách thức thực hiện tiếp nhận tài trợ:

Hình thức tài trợ (tiền hay hiện vật):

Giá trị tài trợ ⁽⁴⁾:

.....

Dự kiến thời gian sử dụng các khoản tài trợ:.....

.....

Phương thức quản lý và sử dụng các khoản tài trợ:

.....

.....

Thông tin tài khoản tiếp nhận:

.....

Tại ngân hàng:.....

.....

Hình thức tổ chức ⁽⁵⁾

Văn bản kèm theo gồm: Bản cam kết của tổ chức, cá nhân nước ngoài tài trợ về nguồn gốc các khoản tài trợ đã hoàn thành nghĩa vụ về thuế và tuân thủ quy định của pháp luật của nước sở tại trước khi thực hiện hoạt động tài trợ.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN ⁽³⁾

(Chữ ký, dấu)

⁽¹⁾ Địa danh nơi có tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc.

⁽²⁾ Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương đối với việc tiếp nhận tài trợ của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh; cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh đối với việc tiếp nhận tài trợ của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh.

⁽³⁾ Tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc tiếp nhận tài trợ.

⁽⁴⁾ Đơn vị tính Việt Nam đồng.

⁽⁵⁾ Trực tiếp hoặc trực tuyến; kết hợp cả trực tiếp và trực tuyến.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN

I. LĨNH VỰC TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO

1. Thủ tục thông báo mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại khoản 2 điều 41 của luật tín ngưỡng, tôn giáo (Mã TTHC: 1.012603)

1.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chậm nhất là 20 ngày trước ngày khai giảng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại khoản 2 Điều 41 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo có trách nhiệm gửi văn bản thông báo đến Phòng Nội vụ huyện nơi mở lớp.

- Bước 2: Phòng Nội vụ xem xét, tiếp nhận văn bản thông báo, trường hợp văn bản thông báo chưa đầy đủ, hợp lệ, Phòng Nội vụ hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho tổ chức để bổ sung, hoàn thiện. Trường hợp từ chối tiếp nhận phải nêu rõ lý do.

- Bước 3: Phòng Nội vụ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc tiếp nhận thông báo.

1.2. Cách thức thực hiện:

Nộp văn bản thông báo trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Phòng Nội vụ tiếp nhận văn bản thông báo và có Giấy tiếp nhận. Nếu gửi qua dịch vụ bưu chính, ngày tiếp nhận văn bản thông báo được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Văn bản thông báo nêu rõ tên lớp, địa điểm, lý do, thời gian học, nội dung, chương trình, thành phần tham dự, danh sách giảng viên.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

1.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo theo quy định tại khoản 2 Điều 41 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Nội vụ.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

Văn bản thông báo được lưu tại Ủy ban nhân dân cấp huyện (Phòng Nội vụ) để thực hiện công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.

1.8. Lệ phí: Không có.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Nội dung văn bản thông báo theo quy định tại khoản 2 Điều 41 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Chậm nhất là 20 ngày trước ngày khai giảng lớp bồi dưỡng về tôn giáo, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách nhiệm thông báo.
- Trường hợp việc mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo có hành vi quy định tại Điều 5 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo, Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản yêu cầu tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc không tổ chức hoặc dừng việc mở lớp bồi dưỡng.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).
- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

2. Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện (Mã TTHC: 1.012602)

2.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện có trách nhiệm gửi văn bản thông báo về danh mục hoạt động tôn giáo diễn ra hằng năm đến Phòng Nội vụ huyện.
- Bước 2: Phòng Nội vụ xem xét, tiếp nhận văn bản thông báo, trường hợp văn bản thông báo chưa đầy đủ, hợp lệ, Phòng Nội vụ hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho tổ chức để bổ sung, hoàn thiện. Trường hợp từ chối tiếp nhận phải nêu rõ lý do.
- Bước 3: Phòng Nội vụ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc tiếp

nhận thông báo.

2.2. Cách thức thực hiện:

Nộp văn bản thông báo trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Phòng Nội vụ tiếp nhận văn bản thông báo và có Giấy tiếp nhận. Nếu gửi qua dịch vụ bưu chính, ngày tiếp nhận văn bản thông báo được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Văn bản thông báo (theo mẫu) và các tài liệu kèm theo (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

2.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận thông báo: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Nội vụ.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

Văn bản thông báo được lưu tại Ủy ban nhân dân cấp huyện (Phòng Nội vụ) để thực hiện công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.

2.8. Lệ phí: Không có.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo hằng năm hoặc danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung (Mẫu B30, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày được công nhận, chấp thuận hoặc được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo

trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện có trách nhiệm gửi văn bản thông báo danh mục hoạt động tôn giáo diễn ra hằng năm đến Phòng Nội vụ.

- Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày Luật tín ngưỡng, tôn giáo có hiệu lực, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức đã được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện trước ngày Luật có hiệu lực có trách nhiệm thông báo danh mục hoạt động tôn giáo diễn ra hằng năm đến Phòng Nội vụ.

- Việc thông báo danh mục hoạt động tôn giáo diễn ra hằng năm chỉ thực hiện một lần.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).
- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo,

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**...⁽¹⁾... ngày... tháng... năm...**THÔNG BÁO****Danh mục hoạt động tôn giáo hằng năm
hoặc danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung**Kính gửi:⁽²⁾.....Tên tổ chức (chữ in hoa):.....⁽³⁾.....

Trụ sở:.....

Thông báo danh mục hoạt động ...⁽⁴⁾... với các nội dung sau:

TT	Tên các hoạt động tôn giáo	Thời gian tổ chức	Địa điểm diễn ra hoạt động tôn giáo	Ghi chú
1				
2				
...				
n				

TM. TỔ CHỨC ⁽³⁾

(Chữ ký, dấu)

⁽¹⁾ Địa danh nơi có trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo.

⁽²⁾ Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương đối với việc thông báo danh mục hoạt động tôn giáo (hoặc hoạt động tôn giáo bổ sung) của tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều tỉnh; cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh đối với việc thông báo danh mục hoạt động tôn giáo (hoặc hoạt động tôn giáo bổ sung) của tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với việc thông báo danh mục hoạt động tôn giáo (hoặc hoạt động tôn giáo bổ sung) của tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã đối với việc thông báo danh mục hoạt động tôn giáo (hoặc hoạt động tôn giáo bổ sung) của tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã.

⁽³⁾ Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo.

⁽⁴⁾ Hoạt động tôn giáo hằng năm hoặc hoạt động tôn giáo bổ sung.

3. Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện (Mã TTHC: 1.012601)

3.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chậm nhất là 20 ngày trước khi diễn ra hoạt động tôn giáo không có trong danh mục đã được thông báo, người đại diện của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện có trách nhiệm gửi văn bản thông báo bổ sung đến Phòng Nội vụ huyện.

- Bước 2: Phòng Nội vụ xem xét, tiếp nhận văn bản thông báo, trường hợp văn bản thông báo chưa đầy đủ, hợp lệ, Phòng Nội vụ hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho người đại diện của tổ chức để bổ sung, hoàn thiện. Trường hợp từ chối tiếp nhận phải nêu rõ lý do.

- Bước 3: Phòng Nội vụ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc tiếp nhận thông báo.

3.2. Cách thức thực hiện:

Nộp văn bản thông báo trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Phòng Nội vụ tiếp nhận văn bản thông báo và có Giấy tiếp nhận. Nếu gửi qua dịch vụ bưu chính, ngày tiếp nhận văn bản thông báo được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Văn bản thông báo (theo mẫu) và các tài liệu kèm theo (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

3.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người đại diện của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung.

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận thông báo: Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Nội vụ.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

Văn bản thông báo được lưu tại Ủy ban nhân dân cấp huyện (Phòng Nội vụ) để thực hiện công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.

3.8. Lệ phí: Không có.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo hằng năm hoặc danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung (Mẫu B30, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).

3.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Chậm nhất là 20 ngày trước khi diễn ra hoạt động tôn giáo không có trong danh mục hoạt động tôn giáo đã được thông báo, người đại diện của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện có trách nhiệm gửi văn bản thông báo bổ sung đến Phòng Nội vụ.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).
- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**...⁽¹⁾..., ngày.....tháng.....năm.....**THÔNG BÁO****Danh mục hoạt động tôn giáo hằng năm
hoặc danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung**Kính gửi:⁽²⁾.....Tên tổ chức (chữ in hoa):.....⁽³⁾.....

Trụ sở:.....

Thông báo danh mục hoạt động ...⁽⁴⁾... với các nội dung sau:

TT	Tên các hoạt động tôn giáo	Thời gian tổ chức	Địa điểm diễn ra hoạt động tôn giáo	Ghi chú
1				
2				
...				
n				

TM. TỔ CHỨC ⁽²⁾*(Chữ ký, dấu)*

- ⁽¹⁾ Địa danh nơi có trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo.
- ⁽²⁾ Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương đối với việc thông báo danh mục hoạt động tôn giáo (hoặc hoạt động tôn giáo bổ sung) của tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều tỉnh; cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh đối với việc thông báo danh mục hoạt động tôn giáo (hoặc hoạt động tôn giáo bổ sung) của tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với việc thông báo danh mục hoạt động tôn giáo (hoặc hoạt động tôn giáo bổ sung) của tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã đối với việc thông báo danh mục hoạt động tôn giáo (hoặc hoạt động tôn giáo bổ sung) của tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã.
- ⁽³⁾ Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo.
- ⁽⁴⁾ Hoạt động tôn giáo hằng năm hoặc hoạt động tôn giáo bổ sung.

4. Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện (Mã TTHC: 1.012600)

4.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chậm nhất là 20 ngày trước ngày tổ chức hội nghị, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một huyện có trách nhiệm gửi văn bản thông báo về việc tổ chức hội nghị thường niên đến Phòng Nội vụ.

- Bước 2: Phòng Nội vụ xem xét, tiếp nhận văn bản thông báo, trường hợp văn bản thông báo chưa đầy đủ, hợp lệ, Phòng Nội vụ hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho tổ chức để bổ sung, hoàn thiện. Trường hợp từ chối tiếp nhận phải nêu rõ lý do.

- Bước 3: Phòng Nội vụ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc tiếp nhận thông báo.

4.2. Cách thức thực hiện:

Nộp văn bản thông báo trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Phòng Nội vụ tiếp nhận văn bản thông báo và có Giấy tiếp nhận. Nếu gửi qua dịch vụ bưu chính, ngày tiếp nhận văn bản thông báo được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:
 - + Văn bản thông báo (theo mẫu);
 - + Dự kiến thành phần, số lượng người tham dự; chương trình tổ chức hội nghị thường niên.
- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một huyện tổ chức hội nghị thường niên.

4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận thông báo: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Nội vụ.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

Văn bản thông báo được lưu tại Ủy ban nhân dân cấp huyện (Phòng Nội vụ) để thực hiện công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.

4.8. Lệ phí: Không có.**4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

Thông báo tổ chức hội nghị thường niên (Mẫu B31, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Chậm nhất là 20 ngày trước ngày tổ chức hội nghị, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một huyện có trách nhiệm gửi văn bản thông báo về việc tổ chức hội nghị thường niên đến Phòng Nội vụ.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).

- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**...⁽¹⁾... ngày... tháng... năm...**THÔNG BÁO****Tổ chức hội nghị thường niên**Kính gửi:⁽²⁾.....Tên tổ chức (chữ in hoa):⁽³⁾.....

Trụ sở:

Thông báo về việc tổ chức hội nghị thường niên với các nội dung sau:

Nội dung:

Thời gian:

Địa điểm:

Hình thức tổ chức:⁽⁴⁾.....

Văn bản kèm theo gồm: Dự kiến thành phần, số lượng người tham dự; chương trình tổ chức hội nghị thường niên.

TM. TỔ CHỨC ^(*)*(Ký, ghi rõ họ tên, dấu)*⁽¹⁾ Địa danh nơi có trụ sở của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc.⁽²⁾ Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương đối với việc tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ

chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh; cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh đối với việc tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với việc tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện.

⁽³⁾ Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo.

⁽⁴⁾ Trực tiếp hoặc trực tuyến; kết hợp cả trực tiếp và trực tuyến.

5. Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện (Mã TTHC: 1.012599)

5.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện trước khi tổ chức đại hội có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị đến Phòng Nội vụ.

- Bước 2: Phòng Nội vụ xem xét hồ sơ đề nghị, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Phòng Nội vụ hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho tổ chức để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp từ chối tiếp nhận, giải quyết phải nêu rõ lý do. Thời gian hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết.

- Bước 3: Phòng Nội vụ phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định hồ sơ (nếu cần). Sau khi thẩm định hồ sơ, Phòng Nội vụ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc tổ chức đại hội và gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện để trả cho tổ chức. Trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

5.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Phòng Nội vụ tiếp nhận hồ sơ đề nghị, có Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả. Nếu gửi qua đường bưu chính, ngày tiếp nhận hồ sơ được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:
 - + Văn bản đề nghị (theo mẫu);
 - + Chương trình tổ chức đại hội; dự kiến thành phần, số lượng người tham dự;
 - + Báo cáo tổng kết hoạt động của tổ chức;
 - + Dự thảo hiến chương hoặc hiến chương sửa đổi (nếu có).
- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

5.4. Thời hạn giải quyết: 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp

lệ.

5.5 Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện tổ chức đại hội.

5.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Nội vụ.

5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản trả lời chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc tổ chức đại hội.

5.8. Lệ phí: Không có.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đề nghị về việc tổ chức đại hội (Mẫu B33, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).
- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...⁽¹⁾..., ngày.....tháng.....năm.....

ĐỀ NGHỊ

Tổ chức đại hội.....

Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên tổ chức (chữ in hoa):⁽³⁾.....

Trụ sở:

Đề nghị tổ chức đại hội với các nội dung sau:

Lý do tổ chức:

Thời gian:

Địa điểm:

Thành phần:

Nội dung:

Hình thức tổ chức:⁽⁴⁾.....

Văn bản kèm theo gồm: Chương trình tổ chức đại hội; dự kiến thành phần, số lượng người tham dự; báo cáo tổng kết hoạt động của tổ chức; dự thảo hiến

chương hoặc hiến chương sửa đổi (nếu có).

TM. TỔ CHỨC ⁽¹⁾

(Ký, ghi rõ họ tên, dấu)

⁽¹⁾ Địa danh nơi có trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo.

⁽²⁾ Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương đối với việc tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh; cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh đối với việc tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với việc tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một huyện.

⁽³⁾ Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo.

⁽⁴⁾ Trực tiếp hoặc trực tuyến; kết hợp cả trực tiếp và trực tuyến.

6. Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện (Mã TTHC: 1.012598)

6.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trước khi tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị đến Phòng Nội vụ.

- Bước 2: Phòng Nội vụ xem xét văn bản đề nghị, trường hợp văn bản đề nghị chưa đầy đủ, hợp lệ, Phòng Nội vụ hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho tổ chức để bổ sung, hoàn thiện văn bản đề nghị. Trường hợp từ chối tiếp nhận, giải quyết phải nêu rõ lý do. Thời gian hoàn thiện văn bản đề nghị không tính vào thời hạn giải quyết.

- Bước 3: Phòng Nội vụ phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định văn bản đề nghị (nếu cần). Sau khi thẩm định văn bản đề nghị, Phòng Nội vụ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký và gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện để trả cho tổ chức. Trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

6.2. Cách thức thực hiện:

Nộp văn bản đề nghị trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Phòng Nội vụ tiếp nhận văn bản đề nghị, có Giấy tiếp nhận văn bản đề nghị và hẹn ngày trả kết quả. Nếu gửi qua đường bưu chính, ngày tiếp nhận văn bản đề nghị được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị (theo mẫu);

+ Chương trình tổ chức cuộc lễ; dự kiến thành phần tham dự cuộc lễ.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

6.4. Thời hạn giải quyết: 25 ngày kể từ ngày nhận đủ văn bản đề nghị hợp lệ.

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tôn giáo, tổ chức

tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký.

6.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Nội vụ.

6.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản trả lời chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký.

6.8. Lệ phí: Không có.

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo hoặc địa điểm hợp pháp đã đăng ký (Mẫu B34, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).

6.10 Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).
- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...⁽¹⁾..., ngày.....tháng.....năm.....

ĐỀ NGHỊ

Tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo hoặc địa điểm hợp pháp đã đăng ký

Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên tổ chức (chữ in hoa):⁽³⁾.....

Trụ sở:

Đề nghị về việc tổ chức cuộc lễ ...⁽⁴⁾... với các nội dung sau:

Tên cuộc lễ:

Người chủ trì:

Thời gian thực hiện:

Địa điểm thực hiện:

Nội dung:

Quy mô:

Hình thức tổ chức⁽⁵⁾:

Văn bản kèm theo gồm: Chương trình tổ chức cuộc lễ; dự kiến thành phần tham dự cuộc lễ.

TM. TỔ CHỨC ⁽⁶⁾

(Chữ ký, dấu)

⁽¹⁾ Địa danh nơi có trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo.

⁽²⁾ Cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh nơi dự kiến tổ chức cuộc lễ đối với cuộc lễ có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với cuộc lễ có quy mô tổ chức ở một huyện.

- ⁽³⁾ Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo. Đối với tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người thay mặt tổ chức phải ký tên và đóng dấu.
- ⁽⁴⁾ Tên cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo hoặc địa điểm hợp pháp đã đăng ký.
- ⁽⁵⁾ Trực tiếp hoặc trực tuyến; kết hợp cả trực tiếp và trực tuyến.

7. Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện (Mã TTHC: 1.012596)

7.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trước khi giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện, chức sắc, chức việc, nhà tu hành có trách nhiệm gửi văn bản đề nghị đến Phòng Nội vụ.

- Bước 2: Phòng Nội vụ xem xét văn bản đề nghị, trường hợp văn bản đề nghị chưa đầy đủ, hợp lệ, Phòng Nội vụ hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho chức sắc, chức việc, nhà tu hành để bổ sung, hoàn thiện văn bản đề nghị. Trường hợp từ chối tiếp nhận, giải quyết phải nêu rõ lý do. Thời gian hoàn thiện văn bản đề nghị không tính vào thời hạn giải quyết.

- Bước 3: Phòng Nội vụ phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định văn bản đề nghị (nếu cần). Sau khi thẩm định văn bản, Phòng Nội vụ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký và gửi kết quả giải quyết về Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện để trả cho chức sắc, chức việc, nhà tu hành. Trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

7.2. Cách thức thực hiện:

Nộp văn bản đề nghị trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Phòng Nội vụ tiếp nhận văn bản đề nghị, có Giấy tiếp nhận văn bản và hẹn ngày trả kết quả. Nếu gửi qua đường bưu chính, ngày tiếp nhận văn bản đề nghị được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị (theo mẫu);

+ Chương trình tổ chức; nội dung; thành phần tham dự.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

7.4. Thời hạn giải quyết: 25 ngày kể từ ngày nhận đủ văn bản đề nghị hợp lệ.

7.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chức sắc, chức việc, nhà tu hành giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện.

7.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Nội vụ.

7.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản trả lời chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký.

7.8. Lệ phí: Không có.

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo hoặc địa điểm hợp pháp đã đăng ký (Mẫu B35, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

7.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).
- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**...⁽¹⁾..., ngày.....tháng.....năm.....**ĐỀ NGHỊ****Giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo
hoặc địa điểm hợp pháp đã đăng ký**Kính gửi:.....⁽²⁾.....

Họ và tên người đề nghị:.....

Chức vụ, phẩm vị:.....

Địa bàn phụ trách:.....

Thuộc tổ chức⁽³⁾.....

Trụ sở:

Đăng ký giảng đạo ...⁽⁴⁾... với các nội dung sau:

Lý do:

Thời gian:

Địa điểm thực hiện:

Hình thức tổ chức:.....⁽⁵⁾.....

Văn bản kèm theo gồm: Chương trình tổ chức; nội dung; thành phần tham dự.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ)*¹⁾ Địa danh nơi chức sắc, chức việc, nhà tu hành hoạt động tôn giáo.²⁾ Cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh nơi dự kiến giảng đạo đối với việc giảng đạo có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với việc giảng đạo có quy mô tổ chức ở một huyện.

- ⁽³⁾ Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo.
- ⁽⁴⁾ Giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo hoặc địa điểm hợp pháp đã đăng ký.
- ⁽⁵⁾ Trực tiếp hoặc trực tuyến; kết hợp cả trực tiếp và trực tuyến.

8. Thủ tục thông báo tổ chức quyền góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc (Mã TTHC: 1.012593)

8.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trước khi tổ chức quyền góp 10 ngày, người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng; tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc tổ chức quyền góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến Phòng Nội vụ nơi tổ chức quyền góp.

- Bước 2: Phòng Nội vụ xem xét, tiếp nhận văn bản thông báo, trường hợp văn bản thông báo chưa đầy đủ, hợp lệ, Phòng Nội vụ hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng; tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc để bổ sung, hoàn thiện. Trường hợp từ chối tiếp nhận phải nêu rõ lý do.

- Bước 3: Phòng Nội vụ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc tiếp nhận thông báo.

8.2. Cách thức thực hiện:

Nộp văn bản thông báo trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công hoặc Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp huyện; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Phòng Nội vụ tiếp nhận văn bản thông báo và có Giấy tiếp nhận. Nếu gửi qua dịch vụ bưu chính, ngày tiếp nhận văn bản thông báo được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Văn bản thông báo (theo mẫu) và các tài liệu kèm theo (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

8.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

8.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng; tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc tổ chức quyền góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, quận, thị xã,

thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.

8.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận thông báo: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Phòng Nội vụ.

8.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

Văn bản thông báo được lưu tại Ủy ban nhân dân cấp huyện để thực hiện công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo và kiểm tra việc thực hiện các nội dung trong văn bản thông báo của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc.

8.8. Lệ phí: Không có.

8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Thông báo về việc tổ chức quyền góp (Mẫu B49, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).

8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Trước khi tổ chức quyền góp 10 ngày, người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng; tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc tổ chức quyền góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến Phòng Nội vụ nơi tổ chức quyền góp.

- Hoạt động quyền góp của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc phải có sổ sách thu, chi bảo đảm công khai, minh bạch. Tài sản được quyền góp phải được quản lý, sử dụng đúng mục đích đã thông báo, phục vụ cho hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo.

- Không được lợi dụng danh nghĩa cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc để quyền góp nhằm trục lợi hoặc trái mục đích quyền góp.

- Người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng; tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc thực hiện hoạt động quyền góp không đúng quy định thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận thông báo quyền góp có văn bản yêu cầu dừng tiếp nhận, sử dụng tài sản được quyền góp và xử lý theo quy định của pháp luật.

8.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).

- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...⁽¹⁾... ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO
Về việc tổ chức quyền góp

Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên (chữ in hoa):⁽³⁾.....

Địa chỉ:.....

Người đại diện:.....

- Họ và tên:.....

- Tên gọi trong tôn giáo (nếu có):.....

- Số CMTND/CCCD:

- Chức vụ, phẩm vị (nếu có):.....

Thông báo về việc tổ chức quyền góp với các nội dung sau:

Mục đích quyền góp:.....

Địa bàn tổ chức quyền góp:.....

Cách thức quyền góp:.....

Thời gian thực hiện quyền góp:.....

Phương thức quản lý và sử dụng tài sản được quyền góp:.....

Hình thức tổ chức ⁽⁴⁾ :

NGƯỜI ĐẠI DIỆN ⁽³⁾

(Chữ ký, dấu)

⁽¹⁾ Địa danh nơi có cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc.

⁽²⁾ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với trường hợp tổ chức quyền góp vượt ra ngoài địa bàn một huyện; Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với trường hợp tổ chức quyền góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, quận, thị xã,

thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương; Ủy ban nhân dân cấp xã đối với trường hợp tổ chức quyền góp trong địa bàn một xã.

⁽³⁾ Cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc. Đối với tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người đại diện phải ký tên và đóng dấu.

⁽⁴⁾ Trực tiếp hoặc trực tuyến; kết hợp cả trực tiếp và trực tuyến.

II. LĨNH VỰC CÔNG TÁC DÂN TỘC

1. Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số (mã TTHC 1.012222)

a) Trình tự thực hiện

Theo quy định tại Khoản 1 và 3, Điều 6, Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 8, Điều 1, Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi chung là Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg và Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg), việc lựa chọn, công nhận, phê duyệt danh sách người có uy tín được thực hiện theo trình tự sau:

Bước 1: Lập danh sách đề nghị công nhận người có uy tín

Căn cứ hướng dẫn của Sở Dân tộc và Tôn giáo và chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Trưởng thôn chủ trì tổ chức họp thôn (có sự tham gia của ít nhất 2/3 số hộ gia đình trong thôn) để phổ biến về nội dung chính sách, tiêu chí, điều kiện, số lượng và đề cử danh sách lựa chọn người có uy tín (theo Mẫu số 01 của Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này) gửi Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn.

Khi nhận được danh sách đề cử bình chọn người có uy tín của Trưởng thôn, Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn tổ chức họp liên tịch (có sự tham gia của đại diện Chi ủy, chính quyền, Ban công tác Mặt trận, các tổ chức đoàn thể và đại diện hộ dân trong thôn), lập văn bản đề nghị kèm theo biên bản họp liên tịch thôn (theo Mẫu số 02 của Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này) gửi Ủy ban nhân dân cấp xã.

Bước 2: Kiểm tra và lập hồ sơ đề nghị công nhận người có uy tín

Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của thôn, Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, kiểm tra, lập văn bản đề nghị kèm theo biên bản kiểm tra (theo Mẫu số 03 của Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này) gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ văn bản đề nghị kèm theo biên bản kiểm tra của các xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, kiểm tra và lập hồ sơ (01 bộ gồm: Văn bản đề nghị kèm theo bản tổng hợp danh sách đề nghị công nhận người có uy tín theo Mẫu số 04 của Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này) gửi xin ý kiến của Sở Dân tộc và Tôn giáo.

Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của các huyện, Sở Dân tộc và Tôn giáo chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, rà soát và có văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Bước 3: Hoàn thiện hồ sơ, phê duyệt danh sách người có uy tín

Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày có văn bản thống nhất của Sở Dân tộc và Tôn giáo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết

định công nhận, phê duyệt danh sách người có uy tín trên địa bàn huyện (danh sách theo Mẫu số 08 ban hành kèm theo Quyết định Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg), báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (qua Sở Dân tộc và Tôn giáo) và Bộ Dân tộc và Tôn giáo (file mềm gửi qua email: vuchinhhsach@cema.gov.vn) kết quả thực hiện để theo dõi, chỉ đạo.

b) Cách thức thực hiện

- Qua bưu điện.
- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính.
- Trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Tờ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện công nhận, phê duyệt danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.

+ Dự thảo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt danh sách người có uy tín (theo Biểu mẫu số 08 ban hành kèm theo Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg).

+ Biểu tổng hợp danh sách đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt, công nhận người có uy tín của các xã (theo Mẫu 04 ban hành kèm theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg).

+ Văn bản thống nhất của Sở Dân tộc và Tôn giáo gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

d) Thời hạn giải quyết

25 (hai mươi lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ và hoàn thành trước ngày 15 tháng 12 của năm bình chọn, công nhận người có uy tín theo quy định tại Khoản 1 và 2, Điều 6, Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 8, Điều 1, Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Cơ quan phối hợp: theo quy định tại Khoản 1, Điều 6, Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 8, Điều 1, Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện công nhận, phê duyệt danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện.

g) Lệ phí: Không.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Có (gồm các biểu mẫu kèm theo tại Phụ lục I của Quyết định này).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

- Yêu cầu:

+ Là công dân Việt Nam, không phân biệt thành phần dân tộc, cư trú hợp pháp tại Việt Nam.

+ Bản thân và gia đình gương mẫu chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các quy định của địa phương.

+ Là người tiêu biểu, có nhiều công lao, đóng góp trong các phong trào thi đua yêu nước, xóa đói giảm nghèo, bảo vệ an ninh trật tự, giữ gìn bản sắc văn hóa và đoàn kết các dân tộc.

+ Hiểu biết về văn hóa truyền thống, phong tục, tập quán dân tộc; có mối liên hệ chặt chẽ và có ảnh hưởng trong dòng họ, dân tộc và cộng đồng dân cư.

+ Có khả năng tuyên truyền, vận động, nắm bắt, xử lý thông tin và quy tụ, tập hợp đồng bào dân tộc thiểu số trong phạm vi nhất định bằng lời nói, qua việc làm, cách ứng xử; được người dân trong cộng đồng tin nhiệm, tin tưởng, nghe và làm theo.

- Điều kiện:

+ Mỗi thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi hoặc thôn của xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là xã) thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được lựa chọn, công nhận 01 (một) người có uy tín.

+ Trường hợp thôn thành lập mới do sáp nhập các thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi hoặc thôn của xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi kể từ ngày 15/01/2024 trở đi, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định số lượng và công nhận người có uy tín trong số người có uy tín được công nhận từ các thôn sáp nhập nhưng không quá tổng số lượng thôn được sáp nhập.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.

- Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg ngày 23/11/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.

2. Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số (mã TTHC: 1.012223)

a) Trình tự thực hiện

Bước 1: Đề nghị đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín

Khi có các trường hợp cần đưa ra khỏi danh sách người có uy tín theo quy định tại điểm a, Khoản 3, Điều 6, của Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8, Điều 1, Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg, Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn cần triển khai thực hiện ngay theo quy định và thống nhất với Chi ủy chi bộ; tổ chức họp liên tịch (có sự tham gia của đại diện Chi ủy, chính quyền, Ban công tác Mặt trận, các tổ chức đoàn thể và đại diện hộ dân trong thôn), lập văn bản đề nghị đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín (kèm theo biên bản họp liên tịch thôn theo Mẫu số 06 và Mẫu số 02 của Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này) gửi Ủy ban nhân dân cấp xã.

Bước 2: Kiểm tra, lập hồ sơ đề nghị đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín

Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của thôn, Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra, lập văn bản đề nghị kèm theo biên bản kiểm tra (theo Mẫu số 07 và Mẫu số 03 của Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này) gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ văn bản đề nghị kèm theo biên bản kiểm tra của xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện kiểm tra, tổng hợp và lập hồ sơ (01 bộ gồm: Văn bản đề nghị kèm theo bản tổng hợp danh sách đề nghị đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín theo Mẫu số 09 ban hành kèm theo Quyết định này), gửi Sở Dân tộc và Tôn giáo.

Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ của huyện, Sở Dân tộc và Tôn giáo kiểm tra, rà soát và có văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Bước 3: Hoàn thiện hồ sơ, quyết định đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín

Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thống nhất của Sở Dân tộc và Tôn giáo, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín (danh sách theo Mẫu số 10 ban hành kèm theo Quyết định Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg), báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (qua Sở Dân tộc và Tôn giáo hoặc Sở Nội vụ) và Bộ Dân tộc và Tôn giáo (file mềm gửi qua email: vuchinhhsach@cema.gov.vn) kết quả thực hiện để theo dõi, chỉ đạo.

b) Cách thức thực hiện

- Qua bưu điện.

- Trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính.

- Trực tuyến.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

- Thành phần hồ sơ bao gồm:

+ Tờ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện kèm theo danh sách đề nghị đưa ra khỏi danh sách và bổ sung, thay thế người có uy tín.

+ Dự thảo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín (theo Biểu mẫu số 10 ban hành kèm theo Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg).

+ Biểu tổng hợp danh sách đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín của các xã (theo Biểu mẫu 09 ban hành kèm theo Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg).

+ Văn bản thống nhất của Sở Dân tộc và Tôn giáo gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Số lượng hồ sơ: 01 (một) bộ.

d) Thời hạn giải quyết

25 (hai mươi lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, được thực hiện và hoàn thành ngay khi xảy ra trường cần đưa ra khỏi danh sách người có uy tín theo quy định tại khoản 8, Điều 1, Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính

Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Cơ quan phối hợp: theo quy định tại khoản 2 và 3, Điều 6, Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8, Điều 1, Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính

Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện đưa ra khỏi danh sách danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.

g) Lệ phí: Không.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Có (gồm các biểu mẫu kèm theo tại Phụ lục II của Quyết định này).

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính

- Đối với đưa ra khỏi danh sách người có uy tín:

+ Người có uy tín chết.

+ Người có uy tín vi phạm pháp luật.

+ Người có uy tín mất năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật hiện hành.

+ Người có uy tín không đảm bảo tiêu chí theo quy định tại khoản 1, Điều 4, Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1, Điều 1, của Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg.

+ Người có uy tín đã chuyển nơi khác sinh sống hoặc do sức khỏe yếu, tự nguyện xin rút khỏi danh sách người có uy tín (theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg).

- Đối với thay thế, bổ sung người có uy tín: Đáp ứng tiêu chí, điều kiện quy định tại Điều 4, Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 và 2, Điều 1, Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

- Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.

- Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg ngày 23/11/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí lựa chọn, công nhận người có uy tín và chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.

Phụ lục II

Các Biểu mẫu của TTHC Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số

(Ban hành kèm theo Quyết định số/QĐ-BD TTG ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo)

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỘI NGHỊ DÂN CƯ THÔN Đề cử người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số

Hôm nay, ngàytháng....năm, tại thôn (ghi rõ địa điểm tổ chức)

Chúng tôi gồm:

- Đại diện Chi ủy thôn (ghi rõ họ, tên, chức danh):
- Đại diện chính quyền (ghi rõ họ, tên, chức danh).....
- Đại diện Mặt trận (ghi rõ họ, tên, chức danh):
- Đại diện các tổ chức đoàn thể (ghi rõ họ, tên, chức danh).....
- Số hộ gia đình dự họp/tổng số hộ trong thôn:
- Chủ trì: Ông (bà):.....Chức danh: Trưởng thôn.
- Thư ký (ghi rõ họ, tên, chức danh):

Sau khi nghe Trưởng thôn phổ biến về tiêu chí, điều kiện bình chọn người có uy tín và nội dung chính sách quy định tại Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg ngày 23/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ, hội nghị đã thống nhất đề cử danh sách đề nghị công nhận người có uy tín của thôn năm....như sau:

Số TT	Họ và tên	Giới tính/ Năm sinh		Dân tộc	Nơi cư trú	Trình độ văn hóa/ chuyên môn	Kết quả *				Lý do
		Nam	Nữ				Đồng ý		Không đồng ý		
							Số người	Tỉ lệ %	Số người	Tỉ lệ %	
	Tổng										

Biên bản lập thành 02 bản, các đại diện có mặt nhất trí ký tên./.

Đại diện hộ dân
(ký, ghi rõ họ tên của đại diện
03 hộ dân dự họp)

Thư ký
(ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng thôn
(ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP LIÊN TỊCH THÔN

Bình chọn, đề nghị công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số

Hôm nay, ngày....tháng...năm, tại thôn (ghi rõ địa điểm tổ chức).....

Chúng tôi gồm:

- Đại diện Chi ủy thôn (ghi rõ họ, tên, chức danh):
- Đại diện chính quyền (ghi rõ họ, tên Trưởng thôn hoặc Phó trưởng thôn).
- Đại diện Mặt trận (ghi rõ họ, tên, chức danh):
- Đại diện các tổ chức đoàn thể (Mỗi đoàn thể cử 01 người đại diện tham dự, ghi rõ họ, tên, chức danh).
- Đại diện hộ gia đình DTTS trong thôn (ghi rõ họ, tên): tối thiểu 03 hộ gia đình.
- Chủ trì: Ông (bà):.....Chức danh: Trưởng ban Công tác Mặt trận thôn.
- Thư ký (ghi rõ họ, tên, chức danh):

Sau khi xem xét danh sách đề cử của thôn; căn cứ tiêu chí, điều kiện bình chọn người có uy tín quy định tại Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg ngày 23/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ và ý kiến tham gia của đại diện các ban, ngành, đoàn thể dự họp, cuộc họp thống nhất đề nghị công nhận người có uy tín của thôn năm.....như sau:

Số TT	Họ và tên	Giới tính/ Năm sinh		Dân tộc	Nơi cư trú	Trình độ văn hóa/ chuyên môn	Kết quả *				Lý do
		Nam	Nữ				Đồng ý		Không đồng ý		
							Số người (số phiếu)	Tỉ lệ %	Số người (số phiếu)	Tỉ lệ %	
	Tổng										

Biên bản lập thành 02 bản, các đại diện có mặt nhất trí ký tên./.

Thư ký

(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện chính quyền

(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện các Đoàn thể

(ký, ghi rõ họ tên)

Chủ trì

(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện Mặt trận

(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện Chi ủy

(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện hộ dân

(ký, ghi rõ họ tên)

*** Ghi chú:**

- Bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết giao tay do Hội nghị quyết định. Người được bình chọn, đề nghị là người có uy tín phải đạt trên 50% tổng số đại biểu dự họp đồng ý và có tỷ lệ bình chọn cao nhất.
- Đại biểu đại diện hộ gia đình trong thôn tham dự với vai trò giám sát, không tham gia bỏ phiếu hoặc biểu quyết bình chọn người có uy tín; trường hợp bình chọn bằng bỏ phiếu kín, tổ kiểm phiếu phải có sự tham gia của đại biểu đại diện hộ gia đình trong thôn.
- Trường hợp có nhiều hơn số lượng người được bình chọn/thôn mà có kết quả bình chọn bằng nhau thì đưa cả vào danh sách bình chọn gửi UBND xã/phường/thị trấn xem xét, quyết định.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA

Kết quả bình chọn, đề nghị công nhận người có uy tín năm

Hôm nay, ngày....tháng...năm, tại UBND xã (ghi rõ địa điểm tổ chức).....

Chúng tôi gồm:

- Đại diện Đảng ủy xã/phường/thị trấn (ghi rõ họ, tên, chức danh):
- Đại diện UBND xã/phường/thị trấn (ghi rõ họ, tên, chức danh):
- Đại diện Công an xã/phường/thị trấn (ghi rõ họ, tên, chức danh):
- Đại diện Ủy ban MTTQ xã/phường/thị trấn (ghi rõ họ, tên, chức danh):
- Đại diện các tổ chức đoàn thể của xã/phường/thị trấn (Mỗi đoàn thể cử 01 người

tham gia; ghi rõ họ, tên, chức danh).

- Chủ trì: Ông (bà).....Chủ tịch (hoặc Phó CT) UBND xã/phường/thị trấn.

- Thư ký: Ông (bà) (ghi rõ họ, tên, chức danh).....

Căn cứ đề nghị của các thôn và kết quả kiểm tra; căn cứ tiêu chí, điều kiện bình chọn người có uy tín quy định tại Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg ngày 23/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ và ý kiến tham gia của đại diện các ban, ngành, đoàn thể dự họp, cuộc họp thống nhất:

Số TT	Họ và tên	Giới tính/ Năm sinh		Dân tộc	Nơi cư trú	Trình độ văn hóa/ Chuyên môn	Kết quả				Lý do*
		Nam	Nữ				Đủ điều kiện		Không đủ điều kiện		
							Số phiếu	Tỉ lệ %	Số phiếu	Tỉ lệ %	
	Tổng số										

Biên bản lập thành 02 bản, các đại diện có mặt nhất trí ký tên./.

Thư ký

(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện chính quyền

(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện Công an xã

(ký, ghi rõ họ tên)

Chủ trì

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Đại diện UBMTTQ xã

(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện Đảng ủy xã

(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện các Đoàn thể

(ký, ghi rõ họ tên)

*** Ghi chú:**

- Nêu rõ lý do các trường hợp đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện trưng danh sách bình chọn, đề nghị công nhận người có uy tín của các thôn gửi UBND xã/phường/thị trấn.
- Trường hợp thôn gửi danh sách đề nghị công nhận người có uy tín vượt quá số lượng được bình chọn (do có kết quả bình chọn ở cuộc họp liên tịch thôn cao bằng nhau) thì các thành viên tham gia dự họp của UBND xem xét, quyết định chọn đủ số lượng người có uy tín được bình chọn của thôn đó.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP DANH SÁCH
Bình chọn, đề nghị công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số năm

Số TT	Họ, tên NCUT	Năm sinh		Dân tộc	Nơi cư trú	Trình độ văn hóa Chuyên môn		Thành phần người có uy tín										Ghi chú
		Nam	Nữ			Già làng	Trưởng đồng họ/ Tộc trưởng	Trưởng thôn và tương đương	CB hưu	Chức sức tôn giáo	Thầy mô, thầy cùng	Nhân sĩ, trí thức	Doanh nhân, người sản xuất giới	Thành phần khác	Đảng viên			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
Tổng cộng																		

NGƯỜI LẬP BIỂU
(ký, ghi rõ họ tên)

TM UBND.....
(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

- Cột (6): Ghi cụ thể thôn bản, buôn làng, tổ dân phố và tương đương.
- Các cột từ cột (8) đến cột (16): Ghi cụ thể, đúng thành phần của NCUT.
- Cột (17): Nếu NCUT là đồng viên Đảng cộng sản Việt Nam thì đánh dấu (x) vào cột này. Nếu không phải thì ghi số 0 vào cột này.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH.....
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANIEL SACH

Công nhân người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số

(Chọn hành item theo Order định sẵn)	CAD-UBAND ngay	Mùng	ngày	của Chủ tịch UBND Huyện.....)
--------------------------------------	----------------	------	------	-------------------------------

[illegible]

Ghi chú:

- Cột (6): Ghi cụ thể dân tộc của người có uy tín (NCUT), ví dụ: dân tộc Thái, Tày, Ê đê, Khmer,...
- Cột (7): Ghi cụ thể thôn, bản, tổ dân phố... nơi NCUT đang sinh sống, cư trú.
- Cột (8): Ghi cụ thể trình độ học vấn (Tiểu học, THCS, THPT) trình độ chuyên môn (Trung cấp, Cao đẳng, đại học...)
- Từ Cột (9) đến (21): Ghi cụ thể thành phần của NCUT, ví dụ: Già làng, Trưởng thôn, Trưởng ban công tác mặt trận thôn, (Bí thư Chi bộ),...

Các Biểu mẫu của TTH Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số

Mẫu số 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP LIÊN TỊCH THÔN

Bình chọn, đề nghị công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số

Hôm nay, ngàytháng....năm, tại thôn (ghi rõ địa điểm tổ chức).....

Chúng tôi gồm:

- Đại diện Chi ủy thôn (ghi rõ họ, tên, chức danh):
- Đại diện chính quyền (ghi rõ họ, tên Trưởng thôn hoặc Phó trưởng thôn).
- Đại diện Mặt trận (ghi rõ họ, tên, chức danh):
- Đại diện các tổ chức đoàn thể (Mỗi đoàn thể cử 01 người đại diện tham dự; ghi rõ họ, tên, chức danh).
- Đại diện hộ gia đình DTTS trong thôn (ghi rõ họ, tên): tối thiểu 03 hộ gia đình.
- Chủ trì: Ông (bà):.....Chức danh: Trưởng ban Công tác Mặt trận thôn.
- Thư ký (ghi rõ họ, tên, chức danh):

Sau khi xem xét danh sách đề cử của thôn; căn cứ tiêu chí, điều kiện bình chọn người có uy tín quy định tại Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg ngày 23/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ và ý kiến tham gia của đại diện các ban, ngành, đoàn thể dự họp, cuộc họp thống nhất đề nghị công nhận thay thế, bổ sung người có uy tín của thôn năm.....như sau:

Số TT	Họ và tên	Giới tính/ Năm sinh		Dân tộc	Nơi cư trú	Trình độ văn hóa/ chuyên môn	Kết quả *				Lý do
		Nam	Nữ				Đồng ý		Không đồng ý		
							Số người (số phiếu)	Tỉ lệ %	Số người (số phiếu)	Tỉ lệ %	
	Tổng										

Biên bản lập thành 02 bản, các đại diện có mặt nhất trí ký tên./.

Thư ký

(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện chính quyền

(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện các Đoàn thể

(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện Mặt trận

(ký, ghi rõ họ tên)

Chủ trì

(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện Chi ủy

(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện hộ dân

(ký, ghi rõ họ tên)

*** Ghi chú:**

- Bộ phiếu kín hoặc biểu quyết giữ an toàn Hội nghị quyết định. Người được bình chọn, đề nghị là người có uy tín phải đạt trên 50% tổng số đại biểu dự họp đồng ý và có tỷ lệ bình chọn cao nhất.
- Đại biểu đại diện hộ gia đình trong thôn tham dự với vai trò giám sát, không tham gia bỏ phiếu hoặc biểu quyết bình chọn người có uy tín; trường hợp bình chọn bằng bỏ phiếu kín, tổ kiểm phiếu phải có sự tham gia của đại biểu đại diện hộ gia đình trong thôn.
- Trường hợp có nhiều hơn số lượng người được bình chọn/thôn mà có kết quả bình chọn bằng nhau thì đưa cả vào danh sách bình chọn gửi UBND xã/phường/thị trấn xem xét, quyết định.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA
Kết quả bình chọn, đề nghị công nhận người có uy tín năm

Hôm nay, ngày....tháng...năm, tại UBND xã (ghi rõ địa điểm tổ chức).....

Chúng tôi gồm:

- Đại diện Đảng ủy xã/phường/thị trấn (ghi rõ họ, tên, chức danh):
- Đại diện UBND xã/phường/thị trấn (ghi rõ họ, tên, chức danh):
- Đại diện Công an xã/phường/thị trấn (ghi rõ họ, tên, chức danh):
- Đại diện Ủy ban MTTQ xã/phường/thị trấn (ghi rõ họ, tên, chức danh):
- Đại diện các tổ chức đoàn thể của xã/phường/thị trấn (Mỗi đoàn thể cử 01 người tham gia; ghi rõ họ, tên, chức danh):
- Chủ trì: Ông (bà).....Chủ tịch (hoặc Phó CT) UBND xã/phường/thị trấn.
- Thư ký: Ông (bà) (ghi rõ họ, tên, chức danh).....

Căn cứ đề nghị của các thôn và kết quả kiểm tra; căn cứ tiêu chí, điều kiện bình chọn người có uy tín quy định tại Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg ngày 23/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ và ý kiến tham gia của đại diện các ban, ngành, đoàn thể dự họp, cuộc họp thống nhất đề nghị thay thế, bổ sung người có uy tín như sau:

Số TT	Họ và tên	Giới tính/ Năm sinh		Dân tộc	Nơi cư trú	Trình độ văn hóa/ Chuyên môn	Kết quả				Lý do*
		Nam	Nữ				Đủ điều kiện		Không đủ điều kiện		
							Số phiếu	Tỉ lệ %	Số phiếu	Tỉ lệ %	
	Tổng số										

Biên bản lập thành 02 bản, các đại diện có mặt nhất trí ký tên./.

Thư ký

(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện chính quyền

(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện Công an xã

(ký, ghi rõ họ tên)

Chủ trì

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Đại diện UBMTTQ xã

(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện Đảng ủy xã

(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện các Đoàn thể

(ký, ghi rõ họ tên)

*** Ghi chú:**

- Nêu rõ lý do các trường hợp đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện trong danh sách bình chọn, đề nghị công nhận người có uy tín của các thôn gửi UBND xã/phường/thị trấn.
- Trường hợp thôn gửi danh sách đề nghị công nhận người có uy tín vượt quá số lượng được bình chọn (do có kết quả bình chọn ở cuộc họp liên tịch thôn cao bằng nhau) thì các thành viên tham gia dự họp của UBND xem xét, quyết định chọn đủ số lượng người có uy tín được bình chọn của thôn đó.

Mẫu số 05

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Rút khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số

Kính gửi:

- Ban công tác Mặt trận thôn.....
- UBND xã/phường/thị trấn.....

Họ và tên người có uy tín:.....

Ngày tháng năm sinh:.....

Dân tộc:.....

Hộ khẩu thường trú tại:

Hiện đang là người có uy tín của thôn.....

Tôi làm đơn này đề nghị các cấp quản lý xem xét, cho phép tôi được rút khỏi danh sách người có uy tín của thôn.....

Lý do*:

.....

.....

....., ngày tháng..... năm....

Người làm đơn

(ký, ghi rõ họ tên)

* Ghi cụ thể lý do tự xin rút khỏi danh sách người có uy tín (ví dụ: do sức khỏe yếu; gia đình chuyển đi nơi khác sinh sống...).

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP LIÊN TỊCH THÔN

Đề nghị đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số
Năm

Hôm nay, ngày tháng năm, tại thôn (ghi rõ địa điểm tổ chức)

Chúng tôi gồm:

- Đại diện Chi ủy thôn (ghi rõ họ, tên, chức danh):

- Đại diện chính quyền (ghi rõ họ, tên Trưởng thôn hoặc Phó trưởng thôn)

- Đại diện Mặt trận (ghi rõ họ, tên, chức danh):

- Đại diện các tổ chức đoàn thể (Mỗi đoàn thể cử 01 người đại diện tham dự, ghi rõ họ, tên, chức danh).

- Đại diện hộ gia đình DTTS trong thôn (ghi rõ họ, tên): tối thiểu 03 hộ gia đình.

- Chủ trì: Ông (bà): Chức danh: Trưởng ban Công tác Mặt trận thôn.

- Thư ký (ghi rõ họ, tên, chức danh):

Căn cứ Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đối với người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg ngày 23/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ, sau khi xem xét, đánh giá các mặt và ý kiến tham gia của đại diện các ban, ngành, đoàn thể dự họp đối với:

1. Ông/Bà: năm sinh dân tộc cư trú tại, các thành viên tham dự họp thống nhất (với số phiếu/tổng số phiếu = ... %).

2.

Các thành viên dự họp thống nhất đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét, đưa ra khỏi danh sách người có uy tín đối với:

1.

Ông/Bà:

- Lý do (nếu cụ thể lý do đề nghị đưa ra khỏi danh sách người có uy tín):

2.

-

Lý

do:

Biên bản lập thành 02 bản, các đại diện có mặt nhất trí ký tên./.

Thư ký

(ký, ghi rõ họ tên)

Chủ trì

(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện chính quyền

(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện Mặt trận

(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện Chi ủy

(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện các Đoàn thể

(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện hộ dân

(ký, ghi rõ họ tên)

- Ghi chú** - Trường hợp người có uy tín chết: Không tổ chức họp liên tịch. Trưởng thôn làm văn bản đề nghị đưa ra khỏi danh sách người có uy tín gửi UBND cấp xã.
- Trường hợp tự nguyện xin rút khỏi danh sách người có uy tín cần có đơn theo Mẫu số 05 kèm theo Quyết định này.
 - Đại biểu đại diện hộ gia đình trong thôn không tham gia bỏ phiếu, nhưng tham gia vào tổ kiểm phiếu để giám sát kết quả bỏ phiếu đề nghị đưa ra khỏi danh sách người có uy tín của thôn.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA

Đề nghị đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số
Năm

Hôm nay, ngày...tháng...năm, tại UBND xã (ghi rõ địa điểm tổ chức).....

Chúng tôi gồm:

- Đại diện Đảng ủy xã/phường/thị trấn (ghi rõ họ, tên, chức danh):
- Đại diện UBND xã/phường/thị trấn (ghi rõ họ, tên, chức danh):
- Đại diện Công an xã/phường/thị trấn (ghi rõ họ, tên, chức danh):
- Đại diện Ủy ban MTTQ xã/phường/thị trấn (ghi rõ họ, tên, chức danh):
- Đại diện các tổ chức đoàn thể của xã/phường/thị trấn (Mỗi đoàn thể cử 01 người tham gia; ghi rõ họ, tên, chức danh).
- Chủ trì: Ông (bà).....Chủ tịch (hoặc Phó CT) UBND xã/phường/thị trấn.
- Thư ký: Ông (bà) (ghi rõ họ, tên, chức danh)

Căn cứ đề nghị của các thôn và kết quả kiểm tra; căn cứ các quy định tại Quyết định số 12/2018/QĐ-TTg ngày 06/3/2018 của Thủ tướng Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 28/2023/QĐ-TTg ngày 23/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ và ý kiến tham gia của đại diện các ban, ngành, đoàn thể dự họp, cuộc họp thống nhất đề nghị UBND huyện/quận/thị xã xem xét đưa ra khỏi danh sách người có uy tín nămđối với các trường hợp sau:

Số TT	Họ và tên	Giới tính/ Năm sinh		Dân tộc	Nơi cư trú	Trình độ văn hóa/ Chuyên môn	Kết quả*				Lý do*
		Nam	Nữ				Đồng ý		Không đồng ý		
							Số phiếu	Tỉ lệ %	Số phiếu	Tỉ lệ %	
1											
...											
	Tổng số										

Biên bản lập thành 02 bản, các đại diện có mặt nhất trí ký tên./.

Thư ký

(ký, ghi rõ họ tên)

Chủ trì

(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Đại diện Công an xã

(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện UBMTTQ xã

(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện Đảng ủy xã

(ký, ghi rõ họ tên)

*** Ghi chú:**

- Thực hiện bỏ phiếu kín, người được đề nghị đưa ra khỏi danh sách người có uy tín phải có trên 50% tổng số đại biểu dự họp bỏ phiếu tán thành.
- Nếu rõ lý do các trường hợp đề nghị đưa ra hoặc không đề nghị đưa ra khỏi danh sách người có uy tín.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH.....
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TỔNG HỢP DANH SÁCH

Đề nghị đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số

DANH SÁCH NCUT ĐƯA RA										DANH SÁCH NCUT THAY THẾ, BỔ SUNG									
TT	Họ tên NCUT	Năm sinh			Dân tộc	Nơi cư trú (thôn)	Thành phần NCUT	Trình độ học vấn/chuyên môn	Lý do đưa ra	Họ tên NCUT	Năm sinh			Dân tộc	Nơi cư trú (thôn)	Thành phần NCUT	Trình độ học vấn/chuyên môn	Lý do thay thế, bổ sung	Ghi chú
		Tổng (3=4+5)	Nam	Nữ							Tổng (12=13+14)	Nam	Nữ						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
I	Xã A																		
I																			
2																			
																			
II	Xã B																		
I																			
	Tổng																		

Ghi chú: - Cột (6), (15): Ghi cụ thể dân tộc của người có uy tín (NCUT).

- Cột (7), (16): Ghi cụ thể thôn, bản, tổ dân phố Nơi NCUT đang sinh sống, cư trú.

- Cột (8), (17): Ghi cụ thể thành phần của NCUT, ví dụ: Già làng, Trưởng thôn, Trưởng ban công tác mặt trận thôn, Bí thư Chi bộ....

- Cột (9), (18): Ghi cụ thể trình độ học vấn (Tiểu học, THCS, THPT)trình độ chuyên môn (Trung cấp, Cao đẳng, đại học....).

- Cột (10), (19): Chỉ cụ thể lý do đưa NCUT ra khỏi danh sách/ lý do NCUT được thay thế, bổ sung.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH.....
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN.....

Mẫu số 10
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

DANH SÁCH

Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch UBND huyện.....)

I. ĐƯA RA KHỎI DANH SÁCH NGƯỜI CÓ UY TÍN

Lý do đưa ra		21																			
Thành phần người có uy tín (NCUT)	Thành phần khác	20																			
	Đảng viên	2																			
	Người sản xuất, doanh nhân	19																			
	Nhân sĩ, trí thức người DTTS	18																			
	Nghề nhân người DTTS	17																			
	Thầy mo, thầy cúng, thầy lang	16																			
	Sư sãi, chức sắc tôn giáo	15																			
	Cán bộ nghị lưu	14																			
	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	13																			
	Già làng	12																			
	Trưởng ban công tác Mặt	11																			
	Trưởng thôn, bản và tương	10	...	...																	
	Bí thư Chi bộ	9																			
Trình độ học vấn/chuyên môn		8																			
Nơi cư trú (thôn)		7																			
Dân tộc		6																			
Năm sinh	Nữ	5																			
	Nam	4																			
Tổng (3=4+5)		3																			
Họ tên NCUT		2																			
TT		1	1	1	2																

Ghi chú: - Cột (6): Chỉ cụ thể dân tộc của người có uy tín (NCUT).

- Cột (7): Ghi cụ thể đơn, bản, tổ dân phố.... Nơi NCUT đang sinh sống, cư trú.
- Cột (8): Ghi cụ thể trình độ học vấn (Tiểu học, THCS, THPT) trình độ chuyên môn (Trung cấp, Cao đẳng, đại học...).
- Từ Cột (9) đến (21): Ghi cụ thể thành phần của NCUT, ví dụ: Già làng, Trưởng thôn, Trưởng ban công tác mặt trận thôn, Bí thư Chi bộ...
- Cột (9), (17): Ghi cụ thể lý do đưa NCUT ra khỏi danh sách/ lý do NCUT được thay thế, bổ sung.

II. DANH SÁCH THAY THẾ, BỔ SUNG NGƯỜI CÓ UY TÍN

TT	Họ tên NCUT	3	4	5	6	7	8	Thành phần người có uy tín (NCUT)														Lý do thay thế, bổ sung NCUT
								Bi thư Chi bộ	Trưởng thôn, bản và tương	Trưởng ban công tác Mặt	Già làng	Trưởng dòng họ, tộc trưởng	Cán bộ nghỉ lưu	Sư sãi, chức sắc tôn giáo	Thầy mo, thầy công, thầy lang,	Nghề nhân người DTTS	Nhân sĩ tri thức người	Người sản xuất, doanh nhân	Đảng viên	Thành phần khác		
I	Xã A																					
1																						
2																						
																						
II	Xã B																					
1																						
	Tổng																					

Ghi chú: - Cột (6): Ghi cụ thể dân tộc của người có uy tín (NCUT).

- Cột (7): Ghi cụ thể thôn, bản, tổ dân phố.... Nơi NCUT đang sinh sống, cư trú.

- Cột (8): Ghi cụ thể trình độ học vấn (Tiểu học, THCS, THPT) trình độ chuyên môn (Trung cấp, Cao đẳng, đại học....).

- Từ Cột (9) đến (21): Ghi cụ thể thành phần của NCUT, ví dụ: Già làng, Trưởng thôn, Trưởng ban công tác mặt trận thôn, Bí thư Chi bộ....

- Cột (22): Ghi cụ thể lý do NCUT được thay thế, bổ sung.

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

I. LĨNH VỰC TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO

1. Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng (Mã TTHC: 1.012592)

1.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chậm nhất là 30 ngày trước ngày cơ sở tín ngưỡng bắt đầu hoạt động tín ngưỡng, người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng có trách nhiệm gửi văn bản đăng ký đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có cơ sở tín ngưỡng.

- Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét văn bản đăng ký, trường hợp văn bản chưa đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng để bổ sung, hoàn thiện. Trường hợp từ chối tiếp nhận, giải quyết phải nêu rõ lý do. Thời gian hoàn thiện văn bản đăng ký không tính vào thời hạn giải quyết.

- Bước 3: Sau khi thẩm định văn bản đăng ký, Ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc đăng ký hoạt động tín ngưỡng và gửi kết quả giải quyết về Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã để trả cho người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng. Trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

1.2. Cách thức thực hiện:

Nộp văn bản đăng ký trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc qua Công dịch vụ công trực tuyến.

Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận văn bản đăng ký, có Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả. Nếu gửi qua đường bưu chính, ngày tiếp nhận văn bản đăng ký được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Văn bản đăng ký (theo mẫu).
- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

1.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ văn bản đăng ký hợp lệ.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ quan có thẩm quyền quyết định và trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản trả lời chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc đăng ký hoạt động tín ngưỡng.

1.8. Lệ phí: Không có.

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đăng ký hoạt động tín ngưỡng hằng năm hoặc hoạt động tín ngưỡng bổ sung (Mẫu B1, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng có trách nhiệm gửi văn bản đăng ký hoạt động tín ngưỡng hằng năm chậm nhất là 30 ngày trước ngày cơ sở tín ngưỡng bắt đầu hoạt động tín ngưỡng.

- Đối với cơ sở tín ngưỡng đã thông báo hoạt động tín ngưỡng hằng năm trước ngày Luật tín ngưỡng, tôn giáo có hiệu lực, chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày Luật có hiệu lực có trách nhiệm gửi văn bản đăng ký đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có cơ sở tín ngưỡng.

- Việc đăng ký hoạt động tín ngưỡng hằng năm chỉ thực hiện một lần.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).

- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...⁽¹⁾..., ngày.....tháng.....năm.....

ĐĂNG KÝ

Hoạt động tín ngưỡng hằng năm hoặc hoạt động tín ngưỡng bổ sung

Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên cơ sở tín ngưỡng (chữ in hoa):.....

Địa chỉ:.....

Người đại diện ⁽³⁾:

- Họ và tên:.....

- Số CMTND/CCCD:

Đăng ký hoạt động tín ngưỡng ...⁽⁴⁾... với các nội dung sau:

TT	Tên hoạt động tín ngưỡng	Nội dung	Quy mô	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú
1						
2						
3						
...						
n						

NGƯỜI ĐẠI DIỆN ⁽³⁾

(Ký, ghi rõ họ tên)

⁽¹⁾ Địa danh nơi có cơ sở tín ngưỡng.

⁽²⁾ Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có cơ sở tín ngưỡng.

⁽³⁾ Trường hợp cơ sở tín ngưỡng có ban quản lý thì người thay mặt ban quản lý ký bản đăng ký.

⁽⁴⁾ Hoạt động tín ngưỡng hằng năm hoặc hoạt động tín ngưỡng bổ sung.

2. Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng (Mã TTHC: 1.012591)

2.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chậm nhất là 20 ngày trước ngày diễn ra hoạt động tín ngưỡng không có trong văn bản đã được đăng ký, người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng có trách nhiệm gửi văn bản đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có cơ sở tín ngưỡng.

- Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét văn bản đăng ký, trường hợp văn bản đăng ký chưa đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng để bổ sung, hoàn thiện. Trường hợp từ chối tiếp nhận, giải quyết phải nêu rõ lý do. Thời gian hoàn thiện văn bản đăng ký không tính vào thời hạn giải quyết.

- Bước 3: Sau khi thẩm định văn bản đăng ký, Ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng và gửi kết quả giải quyết về Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã để trả cho người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng. Trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2.2 Cách thức thực hiện:

Nộp văn bản đăng ký trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận văn bản đăng ký, có Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả. Nếu gửi qua đường bưu chính, ngày tiếp nhận văn bản đăng ký được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Văn bản đăng ký (theo mẫu).
- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

2.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ văn bản đăng ký hợp lệ.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng.

2.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ quan có thẩm quyền quyết định và trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:

Ủy ban nhân dân cấp xã.

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản trả lời chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc đăng ký hoạt động tín ngưỡng bổ sung.

2.8. Lệ phí: Không có.

2.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đăng ký hoạt động tín ngưỡng hằng năm hoặc hoạt động tín ngưỡng bổ sung (Mẫu B1, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).

2.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Chậm nhất 20 ngày trước ngày diễn ra hoạt động tín ngưỡng không có trong văn bản đã được đăng ký, người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng có trách nhiệm gửi văn bản đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng.

2.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).
- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...⁽¹⁾... ngày.....tháng.....năm.....

ĐĂNG KÝ

Hoạt động tín ngưỡng hằng năm hoặc hoạt động tín ngưỡng bổ sung

Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên cơ sở tín ngưỡng (chữ in hoa):.....

Địa chỉ:.....

Người đại diện ⁽³⁾:

- Họ và tên:.....

- Số CMTND/CCCD:

Đăng ký hoạt động tín ngưỡng ...⁽⁴⁾... với các nội dung sau:

TT	Tên hoạt động tín ngưỡng	Nội dung	Quy mô	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú
1						
2						
3						
...						
n						

NGƯỜI ĐẠI DIỆN ⁽³⁾

(Ký, ghi rõ họ tên)

⁽¹⁾ Địa danh nơi có cơ sở tín ngưỡng.

⁽²⁾ Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có cơ sở tín ngưỡng.

⁽³⁾ Trường hợp cơ sở tín ngưỡng có ban quản lý thì người thay mặt ban quản lý ký bản đăng ký.

⁽⁴⁾ Hoạt động tín ngưỡng hằng năm hoặc hoạt động tín ngưỡng bổ sung.

3. Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung (Mã TTHC: 1.012590)

3.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức tôn giáo, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo hoặc người đại diện của nhóm người theo tôn giáo đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo gửi hồ sơ đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có địa điểm hợp pháp để sinh hoạt tôn giáo.

- Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét hồ sơ đăng ký, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho tổ chức để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp từ chối tiếp nhận, giải quyết phải nêu rõ lý do. Thời gian hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết.

- Bước 3: Sau khi thẩm định hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung và gửi kết quả giải quyết về Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã để trả cho các tổ chức hoặc trả cho người đại diện nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo. Trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ đăng ký và có Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả. Nếu gửi qua đường bưu chính, ngày tiếp nhận hồ sơ được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đăng ký (theo mẫu);

+ Giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp để làm nơi sinh hoạt tôn giáo;

+ Sơ yếu lý lịch, phiếu lý lịch tư pháp (cấp trước thời điểm nộp hồ sơ không quá 06 tháng) của người đại diện nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung;

+ Bản tóm tắt giáo lý, giáo luật đối với việc đăng ký quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

3.4. Thời hạn giải quyết: 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký hợp lệ.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức tôn giáo, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo theo quy định tại khoản 1 Điều 16 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo hoặc người đại diện của nhóm người theo tôn giáo đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

3.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ quan có thẩm quyền quyết định và trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản trả lời chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung.

3.8. Lệ phí: Không có.

3.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung (Mẫu B5, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).

3.10 Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức tôn giáo đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung cho tín đồ tại những nơi chưa đủ điều kiện thành lập tổ chức tôn giáo trực thuộc; tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung cho những người thuộc tổ chức khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

+ Có địa điểm hợp pháp để sinh hoạt tôn giáo.

+ Nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung có người đại diện là công dân Việt Nam thường trú tại Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; không trong thời gian bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính trong lĩnh vực tín ngưỡng, tôn giáo; không có án tích hoặc không phải là người đang bị buộc tội theo quy định của pháp luật về tổ tụng hình sự.

+ Nội dung sinh hoạt tôn giáo không thuộc trường hợp quy định tại Điều 5 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

- Những người theo tôn giáo không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 16 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung khi đáp ứng đủ các điều kiện nêu trên và các điều kiện sau đây:

+ Có giáo lý, giáo luật.

+ Tên của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung không trùng với tên tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức đã được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo, tên tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hoặc tên danh nhân, anh hùng dân tộc.

3.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).
- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**.....⁽¹⁾..... ngày.....tháng.....năm.....**ĐĂNG KÝ****Sinh hoạt tôn giáo tập trung**Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên tổ chức tôn giáo; tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo hoặc người đại diện nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung (chữ in hoa):.....

Trụ sở của tổ chức:.....⁽³⁾.....

Tên tôn giáo:.....

Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung với các nội dung sau:

Tên nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung:

Người đại diện của nhóm:

- Họ và tên:.....

- Tên gọi trong tôn giáo (nếu có):.....

- Số CMTND/CCCD:

- Chức vụ, phẩm vị (nếu có):.....

Nội dung sinh hoạt tôn giáo:

Địa điểm sinh hoạt tôn giáo ⁽⁴⁾:

Thời gian sinh hoạt tôn giáo:.....

Số lượng người tham gia:.....

Hình thức thực hiện ⁽⁵⁾:

Văn bản kèm theo gồm: Giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp để làm nơi sinh hoạt tôn giáo; sơ yếu lý lịch của người đại diện nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung; bản tóm tắt giáo lý, giáo luật đối với việc đăng ký của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN ⁽⁶⁾

(Chữ ký, dấu, ghi rõ họ tên)

⁽¹⁾ Địa danh nơi có trụ sở của tổ chức tôn giáo; tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo hoặc nơi dự kiến có địa điểm hợp pháp để sinh hoạt tôn giáo tập trung đối với nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

⁽²⁾ Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có địa điểm hợp pháp để sinh hoạt tôn giáo.

⁽³⁾ Tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo.

⁽⁴⁾ Địa chỉ nơi sinh hoạt tôn giáo tập trung (ghi rõ số nhà, đường phố, thành phố, xóm, thôn, xã, huyện, tỉnh).

⁽⁵⁾ Trực tiếp hoặc trực tuyến; kết hợp cả trực tiếp và trực tuyến.

⁽⁶⁾ Người đại diện của tổ chức tôn giáo, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo hoặc người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung đối với nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo. Đối với người đại diện của tổ chức tôn giáo phải ký tên và đóng dấu của tổ chức.

4. Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã (Mã TTHC: 1.012588)

4.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày được chấp thuận, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã có trách nhiệm gửi văn bản thông báo danh mục hoạt động tôn giáo diễn ra hằng năm đến Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, tiếp nhận văn bản thông báo, trường hợp văn bản thông báo chưa đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho tổ chức để bổ sung, hoàn thiện. Trường hợp từ chối tiếp nhận phải nêu rõ lý do.

4.2. Cách thức thực hiện:

Nộp văn bản thông báo trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận văn bản thông báo và có Giấy tiếp nhận. Nếu gửi qua dịch vụ bưu chính, ngày tiếp nhận văn bản thông báo được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

4.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Văn bản thông báo (theo mẫu) và các tài liệu kèm theo (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

4.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

4.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã.

4.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ quan có thẩm quyền quyết định và trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

4.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

Văn bản thông báo được lưu tại Ủy ban nhân dân cấp xã để thực hiện công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.

4.8. Lệ phí: Không có.

4.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo hằng năm hoặc danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung (Mẫu B30, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).

4.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày được chấp thuận, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã có trách nhiệm gửi văn bản thông báo danh mục hoạt động tôn giáo diễn ra hằng năm đến Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày Luật tín ngưỡng, tôn giáo có hiệu lực, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã trước ngày Luật có hiệu lực có trách nhiệm thông báo danh mục hoạt động tôn giáo diễn ra hằng năm đến Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Việc thông báo danh mục hoạt động tôn giáo diễn ra hằng năm chỉ thực hiện một lần.

4.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).

- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

Mẫu B30

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...⁽¹⁾..., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO

**Danh mục hoạt động tôn giáo hằng năm
hoặc danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung**

Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên tổ chức (chữ in hoa):.....⁽³⁾.....

Trụ sở:.....

Thông báo danh mục hoạt động ...⁽⁴⁾... với các nội dung sau:

TT	Tên các hoạt động tôn giáo	Thời gian tổ chức	Địa điểm diễn ra hoạt động tôn giáo	Ghi chú
1				
...				
n				

TM. TỔ CHỨC ⁽³⁾

(Chữ ký, dấu)

⁽¹⁾ Địa danh nơi có trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo.

⁽²⁾ Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương đối với việc thông báo danh mục hoạt động tôn giáo (hoặc hoạt động tôn giáo bổ sung) của tổ

chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều tỉnh; cơ quan chuyên môn về tin ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh đối với việc thông báo danh mục hoạt động tôn giáo (hoặc hoạt động tôn giáo bổ sung) của tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với việc thông báo danh mục hoạt động tôn giáo (hoặc hoạt động tôn giáo bổ sung) của tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã đối với việc thông báo danh mục hoạt động tôn giáo (hoặc hoạt động tôn giáo bổ sung) của tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã.

⁽²⁾ Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo.

⁽⁴⁾ Hoạt động tôn giáo hằng năm hoặc hoạt động tôn giáo bổ sung.

5. Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã (Mã TTHC: 1.012586)

5.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chậm nhất là 20 ngày trước khi diễn ra hoạt động tôn giáo không có trong danh mục đã được thông báo hằng năm, người đại diện của tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã có trách nhiệm gửi văn bản thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đến Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, tiếp nhận văn bản thông báo, trường hợp văn bản thông báo chưa đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho người đại diện của tổ chức để bổ sung, hoàn thiện. Trường hợp từ chối tiếp nhận phải nêu rõ lý do.

5.2. Cách thức thực hiện:

Nộp văn bản thông báo trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận văn bản thông báo và có Giấy tiếp nhận. Nếu gửi qua dịch vụ bưu chính, ngày tiếp nhận văn bản thông báo được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

5.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Văn bản thông báo (theo mẫu) và các tài liệu kèm theo (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

5.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

5.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người đại diện của tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã bổ sung hoạt động tôn giáo không có trong danh mục hoạt động tôn giáo hằng năm đã được thông báo.

5.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ quan có thẩm quyền quyết định và trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

5.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

Văn bản thông báo được lưu tại Ủy ban nhân dân cấp xã để thực hiện công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.

5.8. Lệ phí: Không có.

5.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo hằng năm hoặc danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung (Mẫu B30, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).

5.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Chậm nhất là 20 ngày trước khi diễn ra hoạt động tôn giáo không có trong danh mục hoạt động tôn giáo hằng năm đã được thông báo, người đại diện của tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã có trách nhiệm gửi văn bản thông báo bổ sung đến Ủy ban nhân dân cấp xã.

5.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).
- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...⁽¹⁾..., ngày... tháng... năm.....

THÔNG BÁO

**Danh mục hoạt động tôn giáo hằng năm
 hoặc danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung**

Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên tổ chức (chữ in hoa):.....⁽³⁾.....

Trụ sở:.....

Thông báo danh mục hoạt động ...⁽⁴⁾... với các nội dung sau:

TT	Tên các hoạt động tôn giáo	Thời gian tổ chức	Địa điểm diễn ra hoạt động tôn giáo	Ghi chú
1				
2				
...				

TM. TỔ CHỨC ⁽⁵⁾

(Chữ ký, dấu)

⁽¹⁾ Địa danh nơi có trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo.

⁽²⁾ Cơ quan quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo ở trung ương đối với việc thông báo danh mục hoạt động tôn giáo (hoặc hoạt động tôn giáo bổ sung) của tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều tỉnh; cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo cấp tỉnh đối với việc thông báo danh mục hoạt động tôn giáo (hoặc hoạt động tôn giáo bổ sung) của tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với việc thông báo

danh mục hoạt động tôn giáo (hoặc hoạt động tôn giáo bổ sung) của tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều xã thuộc một huyện; Ủy ban nhân dân cấp xã đối với việc thông báo danh mục hoạt động tôn giáo (hoặc hoạt động tôn giáo bổ sung) của tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã.

⁽¹⁾ Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo.

⁽⁴⁾ Hoạt động tôn giáo hằng năm hoặc hoạt động tôn giáo bổ sung.

6. Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung (Mã TTHC: 1.012585)

6.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trước khi thay đổi người đại diện, nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung có trách nhiệm gửi hồ sơ đăng ký thay đổi người đại diện đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung

- Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét hồ sơ đăng ký, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung để bổ sung, hoàn thiện. Trường hợp từ chối tiếp nhận, giải quyết phải nêu rõ lý do. Thời gian hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết.

- Bước 3: Sau khi thẩm định hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung và gửi kết quả giải quyết về Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã để trả cho nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung. Trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

6.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ đăng ký, có Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả. Nếu gửi qua đường bưu chính, ngày tiếp nhận hồ sơ được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

6.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- + Văn bản đăng ký (theo mẫu);
- + Sơ yếu lý lịch của người đại diện mới;
- + Văn bản chấp thuận của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo về việc thay đổi người đại diện đối với nhóm

sinh hoạt tôn giáo tập trung do tổ chức đăng ký;

+ Biên bản cuộc họp bầu, cử người đại diện mới (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

6.4. Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký họp lệ.

6.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung thay đổi người đại diện của nhóm.

6.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ quan có thẩm quyền quyết định và trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã.

6.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản trả lời chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung.

6.8. Lệ phí: Không có.

6.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung là người Việt Nam (Mẫu B6, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).

6.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

6.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016),

- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**.....⁽¹⁾..... ngày.....tháng.....năm.....**ĐĂNG KÝ****Thay đổi người đại diện
của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung là người Việt Nam**Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung:

Địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của nhóm:.....

Họ và tên người đại diện ⁽³⁾:.....Tên tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động
tôn giáo:.....**Đăng ký thay đổi người đại diện với các nội dung sau:**

Người đại diện cũ của nhóm:

- Họ và tên:.....
- Tên gọi trong tôn giáo (nếu có):.....
- Số CMTND/CCCD:
- Nơi cư trú ⁽⁴⁾:.....
- Chức vụ, phẩm vị (nếu có):.....

Người đại diện mới của nhóm:

- Họ và tên:.....
- Tên gọi trong tôn giáo (nếu có):.....
- Số CMTND/CCCD:
- Nơi cư trú ⁽⁴⁾:.....
- Chức vụ, phẩm vị (nếu có):.....

Lý do thay đổi:

Dự kiến thời điểm thay đổi:

Văn bản kèm theo gồm: Sơ yếu lý lịch của người đại diện mới; văn bản chấp thuận của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo về việc thay đổi người đại diện đối với nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung do tổ chức đăng ký; biên bản cuộc họp bầu, cử người đại diện mới (nếu có).

NGƯỜI ĐẠI DIỆN ⁽³⁾*(Ký, ghi rõ họ tên)*

- ⁽¹⁾ Địa danh nơi có địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung.
- ⁽²⁾ Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung.
- ⁽³⁾ Người đại diện mới của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung.
- ⁽⁴⁾ Ghi rõ số nhà, đường phố, xóm, thôn, xã, huyện, tỉnh.

7. Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã (Mã TTHC: 1.012584)

7.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trước khi thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung, người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến Ủy ban nhân dân cấp xã.

- Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét hồ sơ đề nghị, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho người đại diện nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp từ chối tiếp nhận, giải quyết phải nêu rõ lý do. Thời gian hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết.

- Bước 3: Sau khi thẩm định hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc đăng ký thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung và gửi kết quả giải quyết về Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã để trả cho người đại diện nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung. Trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

7.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ đề nghị, có Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả. Nếu gửi qua đường bưu chính, ngày tiếp nhận hồ sơ được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

7.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:
- + Văn bản đề nghị (theo mẫu);
- + Giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp mới để làm nơi sinh hoạt tôn giáo tập trung;

+ Văn bản chấp thuận của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo về việc thay đổi địa điểm đối với nhóm sinh hoạt tôn giáo do tổ chức đăng ký.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

7.4. Thời hạn giải quyết: 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ.

7.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người đại diện nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo trong địa bàn một xã.

7.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ quan có thẩm quyền quyết định và trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung.

7.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Văn bản trả lời chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung.

7.8. Lệ phí: Không có.

7.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung là người Việt Nam (Mẫu B7, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).

7.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày được chấp thuận địa điểm mới, nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung phải chấm dứt sinh hoạt tôn giáo tại địa điểm cũ và có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp xã.

7.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).
- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**...⁽¹⁾... ngày tháng năm**ĐỀ NGHỊ****Thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung
của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung là người Việt Nam**Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung:.....

Tên tôn giáo:.....

Tên tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động
tôn giáo:.....

Người đại diện:

- Họ và tên:.....

- Tên gọi trong tôn giáo (nếu có):.....

- Số CMTND/CCCD:.....

**Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung
với các nội dung sau:**

Lý do thay đổi:.....

Địa điểm nhóm đang sinh hoạt tôn giáo tập trung:.....

Dự kiến địa điểm mới:.....

Dự kiến thời điểm thay đổi:.....

Văn bản kèm theo gồm: Giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp mới để làm nơi sinh hoạt tôn giáo; văn bản chấp thuận của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo về việc thay đổi địa điểm đối với nhóm sinh hoạt tôn giáo do tổ chức đăng ký. Đối với việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác, người đại diện còn có trách nhiệm gửi kèm theo bản sao văn bản chấp thuận đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung lần đầu.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN*(Ký, ghi rõ họ tên)*⁽¹⁾ Địa danh nơi có địa điểm đang sinh hoạt tôn giáo tập trung.⁽²⁾ Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến đặt địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung mới.

8. Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác (Mã TTHC: 1.012582)

8.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trước khi thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác, người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung có trách nhiệm gửi hồ sơ đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến có địa điểm mới.

- Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét hồ sơ đề nghị, trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho người đại diện nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trường hợp từ chối tiếp nhận, giải quyết phải nêu rõ lý do, Thời gian hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời hạn giải quyết.

- Bước 3: Sau khi thẩm định hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc đăng ký thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác và gửi kết quả giải quyết về Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã để trả cho người đại diện nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung. Trường hợp không chấp thuận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

8.2. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận hồ sơ đề nghị, có Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn ngày trả kết quả. Nếu gửi qua đường bưu chính, ngày tiếp nhận hồ sơ được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

8.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:
- + Văn bản đề nghị (theo mẫu);
- + Giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp mới để làm nơi sinh hoạt tôn

giáo tập trung;

+ Văn bản chấp thuận của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo về việc thay đổi địa điểm đối với nhóm sinh hoạt tôn giáo do tổ chức đăng ký;

+ Bản sao văn bản chấp thuận đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung lần đầu.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

8.4. Thời hạn giải quyết: 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị hợp lệ.

8.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người đại diện nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác.

8.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ quan có thẩm quyền quyết định và trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến có địa điểm mới.

8.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản trả lời chấp thuận hoặc không chấp thuận về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung.

8.8 Lệ phí: Không có.

8.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung (Mẫu B7, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).

8.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày được chấp thuận địa điểm mới, nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung phải chấm dứt sinh hoạt tôn giáo tại địa điểm cũ và có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung cũ.

8.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).

- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**...⁽¹⁾..., ngày.....tháng.....năm.....**ĐỀ NGHỊ****Thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung
của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung là người Việt Nam**Kính gửi:⁽²⁾.....

Tên nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung:.....

Tên tôn giáo:.....

Tên tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động
tôn giáo:.....

Người đại diện:

- Họ và tên:.....

- Tên gọi trong tôn giáo (nếu có):.....

- Số CMTND/CCCD:.....

**Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung
với các nội dung sau:**

Lý do thay đổi:.....

Địa điểm nhóm đang sinh hoạt tôn giáo tập trung:.....

Dự kiến địa điểm mới:.....

Dự kiến thời điểm thay đổi:.....

Văn bản kèm theo gồm: Giấy tờ chứng minh có địa điểm hợp pháp mới để làm nơi sinh hoạt tôn giáo; văn bản chấp thuận của tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo về việc thay đổi địa điểm đối với nhóm sinh hoạt tôn giáo do tổ chức đăng ký. Đối với việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác, người đại diện còn có trách nhiệm gửi kèm theo bản sao văn bản chấp thuận đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung lần đầu.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN*(Ký, ghi rõ họ tên)*⁽¹⁾ Địa danh nơi có địa điểm đang sinh hoạt tôn giáo tập trung.⁽²⁾ Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến đặt địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung mới.

9. Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung (Mã TTHC: 1.012580)

9.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày được chấp thuận địa điểm mới, nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung phải chấm dứt sinh hoạt tôn giáo tại địa điểm cũ và có trách nhiệm gửi văn bản thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung cũ.

- Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, tiếp nhận văn bản thông báo, trường hợp văn bản thông báo chưa đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung để bổ sung, hoàn thiện. Trường hợp từ chối tiếp nhận phải nêu rõ lý do.

9.2. Cách thức thực hiện:

Nộp văn bản thông báo trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận văn bản thông báo và có Giấy tiếp nhận. Nếu gửi qua dịch vụ bưu chính, ngày tiếp nhận văn bản thông báo được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

9.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Văn bản thông báo nêu rõ tên tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo; tên nhóm; họ và tên người đại diện của nhóm; thời điểm thay đổi; địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung mới; thời điểm chấm dứt sinh hoạt tôn giáo tại địa điểm cũ.

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

9.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

9.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo.

9.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ quan có thẩm quyền quyết định và trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:
Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung cũ.

9.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

Văn bản thông báo được lưu tại Ủy ban nhân dân cấp xã để thực hiện công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo.

9.8. Lệ phí: Không có.

9.9 Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Nội dung văn bản thông báo theo quy định tại khoản 5 Điều 6 Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ.

9.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày được chấp thuận địa điểm mới, nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung phải chấm dứt sinh hoạt tôn giáo tại địa điểm cũ và có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung cũ.

9.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).
- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

10. Thủ tục thông báo tổ chức quyền góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc (Mã TTHC: 1.012579)

10.1. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trước khi tổ chức quyền góp 05 ngày làm việc, người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng; tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc tổ chức quyền góp trong địa bàn một xã có trách nhiệm gửi văn bản thông báo đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ chức quyền góp.

- Bước 2: Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, tiếp nhận văn bản thông báo, trường hợp văn bản thông báo chưa đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn trực tiếp hoặc thông báo qua thư điện tử, tin nhắn điện thoại hoặc văn bản cho người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng; tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc để bổ sung, hoàn thiện. Trường hợp từ chối tiếp nhận phải nêu rõ lý do.

10.2. Cách thức thực hiện:

Nộp văn bản thông báo trực tiếp tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân cấp xã; qua dịch vụ bưu chính công ích; qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc ủy quyền theo quy định của pháp luật hoặc qua Cổng dịch vụ công trực tuyến.

Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp nhận văn bản thông báo và có Giấy tiếp nhận. Nếu gửi qua dịch vụ bưu chính, ngày tiếp nhận văn bản thông báo được tính theo ngày ghi trên dấu công văn đến.

10.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Văn bản thông báo (theo mẫu) và các tài liệu kèm theo (nếu có).

- Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

10.4. Thời hạn giải quyết: Không quy định.

10.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc tổ chức quyền góp trong địa bàn một xã.

10.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

Cơ quan có thẩm quyền quyết định và trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính:

Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ chức quyền góp.

10.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

Văn bản thông báo được lưu tại Ủy ban nhân dân cấp xã để thực hiện công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo và kiểm tra việc thực hiện các nội dung trong văn bản thông báo của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc.

10.8. Lệ phí: Không có.

10.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Thông báo về việc tổ chức quyền góp (Mẫu B49, Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ).

10.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Trước khi tổ chức quyền góp 05 ngày làm việc, người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng; tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ chức quyền góp.

- Hoạt động quyền góp của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc phải có sổ sách thu, chi bảo đảm công khai, minh bạch. Tài sản được quyền góp phải được quản lý, sử dụng đúng mục đích đã thông báo, phục vụ cho hoạt động tín ngưỡng, hoạt động tôn giáo.

- Không được lợi dụng danh nghĩa cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc để quyền góp nhằm trục lợi hoặc trái mục đích quyền góp.

- Người đại diện hoặc ban quản lý cơ sở tín ngưỡng; tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc thực hiện hoạt động quyền góp không đúng quy định thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận thông báo quyền góp có văn bản yêu cầu dừng tiếp nhận, sử dụng tài sản được quyền góp và xử lý theo quy định của pháp luật.

10.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật tín ngưỡng, tôn giáo (Luật số 02/2016/QH14 ngày 18/11/2016).

- Nghị định số 95/2023/NĐ-CP ngày 29/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

...⁽¹⁾..., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO

Về việc tổ chức quyên góp

Kính gửi:⁽²⁾.....Tên (chữ in hoa):⁽³⁾.....

Địa chỉ:.....

Người đại diện:.....

- Họ và tên:.....

- Tên gọi trong tôn giáo (nếu có):.....

- Số CMTND/CCCD:

- Chức vụ, phẩm vị (nếu có):.....

Thông báo về việc tổ chức quyên góp với các nội dung sau:

Mục đích quyên góp:.....

Địa bàn tổ chức quyên góp:.....

Cách thức quyên góp:.....

Thời gian thực hiện quyên góp:.....

Phương thức quản lý và sử dụng tài sản được quyên góp:.....

Hình thức tổ chức⁽⁴⁾ :.....**NGƯỜI ĐẠI DIỆN⁽⁵⁾**

(Chữ ký, dấu)

⁽¹⁾ Địa danh nơi có cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc.⁽²⁾ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với trường hợp tổ chức quyên góp vượt ra ngoài địa bàn một huyện; Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với trường hợp tổ chức quyên góp ngoài địa bàn một xã nhưng trong địa bàn một huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương; Ủy ban nhân dân cấp xã đối với trường hợp tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã.⁽³⁾ Cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo hoặc tổ chức tôn giáo trực thuộc. Đối với tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, người đại diện phải ký tên và đóng dấu.⁽⁴⁾ Trực tiếp hoặc trực tuyến; kết hợp cả trực tiếp và trực tuyến.